UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

PETIMEX

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP (PETIMEX)

Đồng Tháp, tháng 07 năm 2018

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

PETIMEX

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP (PETIMEX)

Đồng Tháp, tháng 07 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN I CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA **1**
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ **1**
1. Cơ sở pháp lý 1
2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa 2
3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa 2
II. CÁC ĐƠN VỊ TƯ VẤN **3**
1. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 3
2. Đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp 4
3. Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa 4
PHẦN II GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP **5**
I. TỔNG QUAN **5**
1. Giới thiệu về Công ty 5
2. Ngành nghề kinh doanh 5
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu 6
4. Quá trình hình thành và phát triển 6
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý : 7
Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp 7
6. Danh sách những công ty con, những công ty mà PETIMEX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. 9
6.1. Danh sách Công ty con của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp 9
6.2. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp 11
7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa 12
7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh 12
7.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa . 16
7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 17
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 18
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành 18
8.2. Triển vọng phát triển của ngành 21
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP **21**
1. Thực trạng về tài sản cố định 21
2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng 22
3. Thực trạng về tài chính, công nợ 22
4. Thực trạng về lao động 23
III. KẾT LUẬN **23**
PHẦN III PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA **25**
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN **25**
1. Cơ sở pháp lý 25
2. Mục tiêu cổ phần hóa 25

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa 26
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa 26
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA 29
1. Hình thức cổ phần hóa 29
2. Tên Công ty Cổ phần 29
3. Ngành nghề kinh doanh 29
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 30
5. Phương thức chào bán và giá chào bán 31
5.1. Cổ phần bán cho người lao động 31
5.2. Cổ phần bán cho công đoàn Công ty 33
5.3. Cổ phần bán đấu giá công khai 33
6. Xử lý cổ phần không bán hết 34
7. Chi phí cổ phần hóa 34
8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa 35
9. Phương án sắp xếp lại lao động 36
9.1. Phương án sử dụng lao động 36
9.2. Chi phí giải quyết chính sách đối với chế độ dôi dư và nguồn chi trả 38
9.3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự 39
10. Phương án sử dụng đất đai sau khi cổ phần hóa 39
III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 39
1. Một số dự báo 39
2. Mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần 39
3. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa 40
4. Giải pháp thực hiện 42
IV. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN 43
PHẦN IV ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 44
PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ 46
I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN 46
II. KIẾN NGHỊ 46

PHẦN I

CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ văn bản số 133/UBND-KTTH ngày 16/03/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch cổ phần hóa 03 Doanh nghiệp Nhà Nước (trong đó có Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp);

Căn cứ văn bản số 326/STC-TCDN ngày 11/03/2015 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch cổ phần hóa 03 Doanh nghiệp Nhà Nước (trong đó có Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp);

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-UBND-HC ngày 29/06/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty mẹ - Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND-TL ngày 20/01/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-BCĐ ngày 21/01/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400147351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và thay đổi lần thứ 11 vào ngày 23 tháng 02 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp để thực hiện cổ phần hóa;

Căn cứ Biên bản Hội nghị đại biểu người lao động thông qua phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp ngày 07/03/2018.

2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND-TL ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, và Quyết định số 101/QĐ-UBND-TL ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Ban chỉ đạo cổ phần hóa gồm các thành viên sau :

- Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa: Ông Châu Hồng Phúc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.
- Phó trưởng ban thường trực: Ông Ngô Hồng Chiều, Giám đốc Sở Tài chính.
- Phó trưởng ban: Ông Trương Hoà Châu, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Các ủy viên ban chỉ đạo gồm:
  - ✓ Ông Đỗ Minh Triết, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
  - ✓ Ông Phan Văn Nhiều, Giám đốc Sở Nội vụ;
  - ✓ Ông Phạm Tấn Xiếu, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh;
  - ✓ Ông Võ Minh Tâm, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
  - ✓ Ông Lê Hà Luân, Giám đốc Sở Xây dựng;
  - ✓ Ông Trần Quang Sĩ, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
  - ✓ Ông Lê Văn Hoằng, Phó Cục trưởng Cục thuế Tỉnh;
  - ✓ Bà Phan Thị Quyến, Chủ tịch Liên đoàn Lao động Tỉnh.

3. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-BCĐ ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, Quyết định số 116/QĐ-BCĐ ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc bổ sung thành viên Tổ giúp việc và Quyết định số 106/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo bao gồm:

- Tổ trưởng: Ông Trần Quang Sĩ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.
- Tổ phó: Ông Lê Thanh Mân, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.
- Các tổ viên bao gồm:

- ✓ Bà Lê Thị Hồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Ông Nguyễn Xuân Tuyên, Kế toán trưởng, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Ông Đỗ Đức Thu, Trưởng phòng Phòng kế hoạch, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Bà Ngô Thị Xuân Nữ, Trưởng phòng Phòng Tổ chức nhân sự, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Ông Phạm Văn Tân, Trưởng phòng Phòng Hành chính quản trị, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Ông Nguyễn Khánh Hòa, Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- ✓ Bà Nguyễn Đình Phượng Uyên, Trưởng phòng Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- ✓ Ông Trần Văn Phú, Trưởng phòng Phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài Chính;
- ✓ Ông Bùi Thanh Tiền, Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ, Sở Nội Vụ;
- ✓ Ông Nguyễn Thành Thi, Trưởng phòng Phòng lao động -Việc làm - Bảo Hiểm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- ✓ Ông Nguyễn Hoàng Sĩ, Chuyên viên Phòng Kinh tế tổng hợp, Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- ✓ Ông Thái Hoà, Trưởng phòng Phòng Chính sách đất đai, Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường;
- ✓ Bà Nguyễn Lê Phương Loan, Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý nhà, Sở Xây dựng;
- ✓ Ông Trần Thuận Thành, Phó Trưởng phòng Thanh tra, Cục thuế Tỉnh tham gia làm Tổ viên;
- ✓ Ông Huỳnh Ngọc Trước, Trưởng ban Chính sách - Pháp luật, Liên đoàn Lao động Tỉnh tham gia làm Tổ viên.

II. CÁC ĐƠN VỊ TƯ VẤN

1. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT & CO

- Địa chỉ: Lầu 5 Cao Ốc Thiên Sơn, số 5 Nguyễn Gia Thiều, phường 6, quận 3, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 39300620 Fax: (84-8) 39300622

2. Đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ MIỀN NAM

- Địa chỉ: Số 359 Nguyễn Trãi, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại: (84-8) 38378845 Fax: (84-8) 38378849.

3. Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT - CHI NHÁNH TP.HCM

- Địa chỉ: Số 233 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: (84-8) 3914 6888 Fax: (84-8) 3910 7616

PHẦN II

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN.

1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP.**

Tên viết tắt: PETIMEX.

Tên tiếng Anh: DONGTHAP PETROLEUM TRADING IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED.

Tên giao dịch: PETIMEX.

Trụ sở chính: 140 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: (067) 3852 856 Fax: (067) 3851 937.

Mã số thuế: 1400147351.

Website: www.petimex.com.vn Email: infor@petimex.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên: số 1400147351 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2017.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên: số 1400147351 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 02/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 23/02/2017, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; mua bán các chất bôi trơn; chiết nạp gas; xuất nhập khẩu gas (LPG).
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho ngoại quan cho thuê kho bãi; cho thuê cầu cảng.
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật sân khấu, hoạt động karaoke; kinh doanh vui chơi giải trí.
- Bán buôn thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu phân bón.
- Trồng cây cà phê.
- Trồng cây hồ tiêu.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Chi tiết: trồng cây lương thực.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, đường thủy.

- Trồng cây điều.
- Bán buôn máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, hàng kim khí điện máy.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ cung ứng tàu biển (nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt), dịch vụ cảng và bến cảng, dịch vụ dọn vệ sinh tàu thuyền, đánh cặn tàu thuyền, dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển (lai dắt tàu theo luồng, cứu hộ trên biển, trên sông).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường thủy.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: dịch vụ massage, xông hơi.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết : mua bán nông sản.
- Trồng cây cao su.
- Trồng lúa.
- Trồng cây ăn quả.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn ăn uống.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng; kinh doanh nhà (bao gồm xây dựng, mua bán, cho thuê); hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- Đại lý du lịch. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp cung cấp chủ yếu các dịch vụ sau:

- Kinh doanh xăng dầu.
- Kinh doanh Gas.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng.

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Dầu khí Đồng Tháp (PETIMEX) là Doanh nghiệp Nhà Nước trực thuộc UBND tỉnh Đồng Tháp, tiền thân là Công ty Vật Tư Xuất Nhập Khẩu Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số: 133/QĐ.TL ngày 11/12/1992 của UBND tỉnh Đồng Tháp được đổi tên theo Quyết định số: 111/QĐ.UB ngày 24/8/1998 và được chuyển đổi mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số: 79/QĐ.UBND-TL ngày 25/6/2007 của UBND tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5106000001 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp lại ngày 20/4/2006.

Thực hiện theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước năm 2003, Luật Doanh nghiệp 2005 và Nghị định 25/2010/NĐCP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu, ngày 29/06/2010 Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo Quyết định số: 68/QĐ-UBND-TL của UBND tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận kinh doanh số: 1400147351 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 02/07/2010.

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

(xem trang sau)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

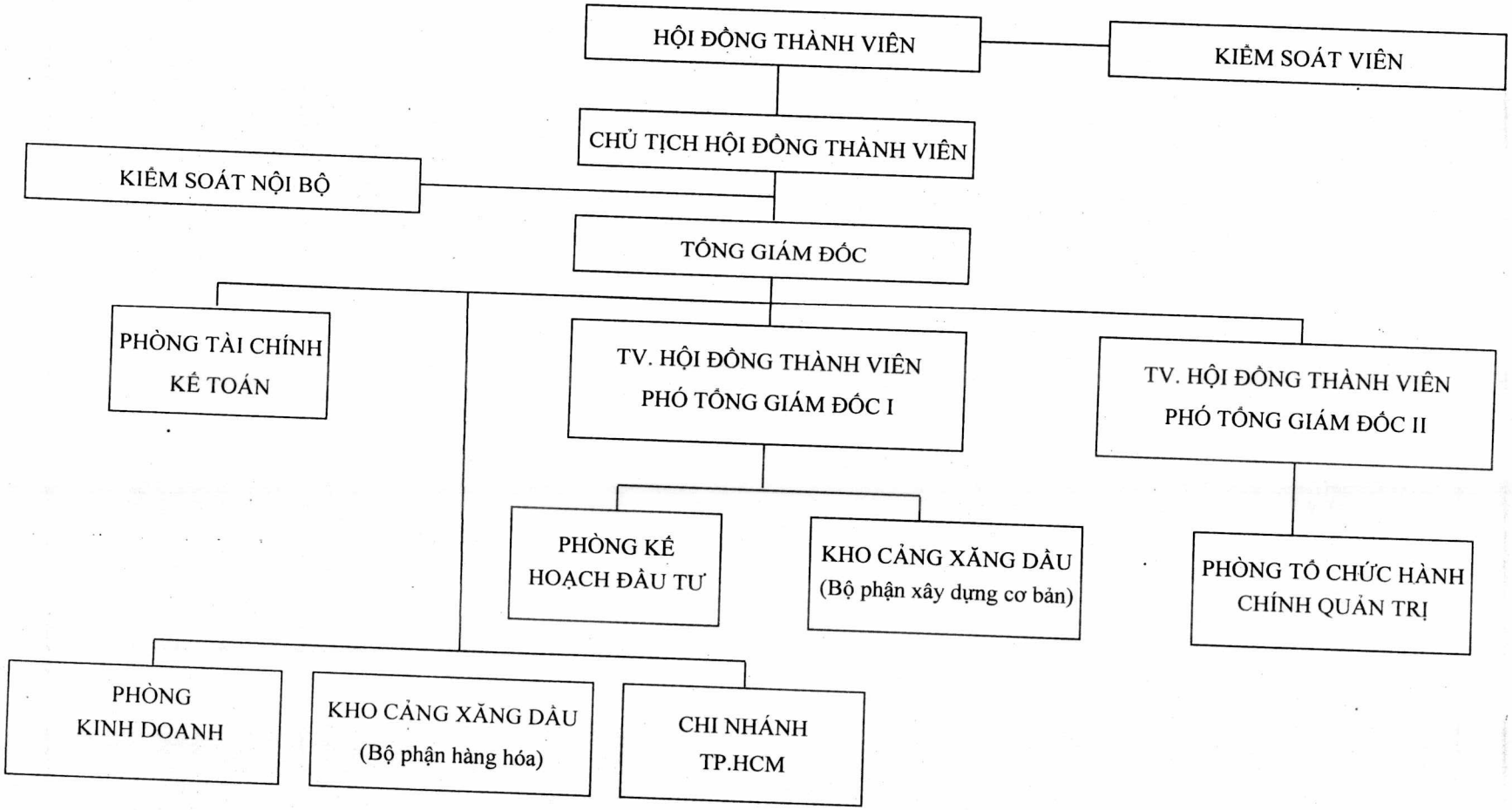

(Nguồn: PETIMEX)

Chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban

Phòng Tài chính - kế toán: Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tài chính, kế toán.

Phòng Kế hoạch - Đầu tư:

- Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát công tác kế hoạch, công tác đầu tư.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm.

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc nghiên cứu, chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác đo lường - giao nhận, chất lượng, hao hụt xăng dầu và chiến lược sản phẩm của Công ty.

Phòng Tổ chức – Hành chính Quản trị:

- Tham mưu và giúp Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, lao động tiền lương, hành chính - quản trị, an toàn lao động, công tác bảo vệ của Công ty; đảm bảo điều kiện cần thiết cho các hoạt động của bộ máy điều hành Công ty.
- Tham mưu, đề xuất các chủ trương, giải pháp cho Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Công ty về các lĩnh vực: Quản lý, cơ sở, vật chất, đất đai nhà xưởng thuộc quyền quản lý của công ty; Quản lý văn thư lưu trữ; Quản lý và thực hiện công tác hành chính, lễ tân, phục vụ.

Phòng kinh doanh - chi nhánh Tp.HCM:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc về công tác bán hàng; phát triển thị trường; công tác xây dựng & phát triển mối quan hệ khách hàng tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông Nam Bộ.
- Quản lý điều hành thực hiện các hoạt động đối ngoại, phân tích, mở rộng thị trường và giới thiệu sản phẩm, khai thác nội địa và nhập khẩu để cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh và quản lý các hoạt động tạm nhập tái xuất.
- Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác tạo nguồn xăng dầu (bao gồm lượng hàng nhập khẩu và mua từ các nhà máy lọc, hóa dầu trong nước); xuất khẩu xăng dầu (kể cả việc tái xuất) và mua bán xăng dầu quốc tế (kinh doanh ngoài nước) đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kinh doanh của tập đoàn.

6. Danh sách những công ty con, những công ty mà PETIMEX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

6.1. Danh sách Công ty con của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

✓ **Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp**

Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu được cổ phần hoá năm 2004 với mục đích vận chuyển xăng dầu tập trung vào các sản phẩm như: xăng dầu, gas . Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý hai khối. Khối văn phòng gồm 14 người và khối Thuyền viên trực tiếp tham gia hoạt động khai thác tàu gồm 84 người. Đội tàu

vận chuyển xăng dầu gồm có 25 chiếc trọng tải 19.890 m^3 và một chiếc tàu Gas trọng tải 150 tấn.

- Địa chỉ Công ty: 215-217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ phú, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Vốn điều lệ: 43.705.100.000 đồng *(Bốn mươi ba tỷ, bảy trăm lẻ năm triệu một trăm ngàn đồng)*.
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải đường thủy, đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 22.289.560.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 51%

✓ **Công ty Cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp**

Công ty cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp được thành lập năm 2007 với mục đích hoạt động bán lẻ xăng dầu tập trung vào các sản phẩm như: Xăng, dầu, nhớt. Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý với trên 86 đơn vị trực thuộc gồm 77 trạm bán lẻ xăng dầu, 08 phòng chuyên môn, 05 chi nhánh, 02 đội giao nhận thủy, bộ. Tổng số lao động Công ty 270 người.

- Địa chỉ Công ty: 328 QL 30, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh Đồng Tháp
- Vốn điều lệ: 92.568.000.000 đồng *(Chín mươi hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu đồng)*.
- Ngành nghề kinh doanh: Mua bán xăng dầu, nhớt, gas; Vận tải hàng hóa bằng chuyên dụng, vận tải đường sông bằng xà lan, tàu thủy, đại lý bảo hiểm.
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 45.358.320.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 51%.

✓ **Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long**

Công ty cổ phần Dầu Khí Cửu Long được thành lập năm 2010 với mục đích hoạt động bán lẻ xăng dầu tập trung vào các sản phẩm như: Xăng, dầu, nhớt. Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý: 05 chi nhánh trực thuộc, 01 Cty thành viên, 31 cửa hàng bán lẻ, đội tàu 14 chiếc tải trọng 3,4 triệu lít, đội xe bồn 17 chiếc có trọng tải từ 05-18 ngàn lít, 03 kho xăng dầu sức chứa 05 triệu lít. Tổng số lao động Công ty 174 người.

- Địa chỉ Công ty: 67/6A đường Phó Cơ Điều, phường 4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng *(Ba mươi sáu tỷ đồng)*.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; Kinh doanh Vận tải thủy, bộ; Cho thuê kho bãi; Mua

bán các chất bôi trơn.

- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 17.640.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 49%.

✓ **Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tây Đô**

Công ty cổ phần Nhiên liệu Tây Đô được thành lập năm 2008 với mục đích hoạt động bán lẻ xăng dầu tập trung vào các sản phẩm như: Xăng, dầu, nhớt. Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý : Một Cty con, 4 phòng nghiệp vụ, 01 chi nhánh, trạm bán lẻ 28 trạm trực thuộc, tổng số CBCNV 81 người.

- Địa chỉ Công ty: 58 Đường số 08, khu Đô thị Phú An, phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng *(Hai mươi lăm tỷ đồng)*.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu (dầu nhờn, gas);Vận chuyển xăng, dầu bằng đường thủy, bộ, đại lý bảo hiểm.
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 10.750.000.000đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 51%.

✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà**

Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà được cổ phần hoá năm 2008 với mục đích hoạt động Nhà hàng khách sạn tập trung vào các sản phẩm như: Dịch vụ ăn uống, du lịch, tổ chức, sự kiện, hội nghị... Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý :03 phòng ban, 2 chi nhánh tổng số CBCNV 103 người. Cơ sở vật chất để phục vụ cho thuê phòng nghĩ 124 phòng, 07 nhà hàng 1.820 chỗ phục vụ khách.

- Địa chỉ Công ty: 272 Đường Lê Duẩn, phường Mỹ Phú TP Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.
- Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng *(Năm mươi hai tỷ đồng)*.
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, kinh doanh dịch vụ du lịch khác, vận chuyển hành khách theo hợp đồng; mua bán xăng dầu, nhớt, gas.
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 42.932.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 82,56 %.

6.2. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

✓ **Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp**

Công ty cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp được cổ phần hoá năm 2009 với mục đích nâng cao lợi thế hoạt động bán lẻ tập trung vào các sản phẩm như: San chiếc nạp bán lẻ gas bình, bán buôn gas bồn. Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý

03 phòng ban và 01 chi nhánh. Tổng số CBCNV 35 người

- Địa chỉ Công ty: 352 đường số 5, KDC Chợ Mỹ Trà, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh tỉnh Đồng tháp.
- Vốn điều lệ: 57.571.470.000 đồng(Năm mươi bảy tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm bảy chục ngàn *đồng).*
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh khí hóa lỏng (LPG), nạp LPG vào chai; Dịch vụ vận chuyển LPG; Lắp đặt hệ thống gas công nghiệp, bếp gas; Mua bán nước uống đóng bình, đóng chai;
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 20.400.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 35,43%

✓ **Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng**

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng được cổ phần hoá năm 2008 với mục đích nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động dịch vụ xây dựng và cơ khí, tập trung vào các sản phẩm như: Xây dựng, sửa chữa đại tu, trung tu hệ thống kho, các phương tiện vận chuyển (tàu kéo xà lan,..) trong và ngòai Công ty. Hiện tại Công ty đang điều hành, quản lý 03 phòng nghiệp vụ, một cửa hàng, xưởng sửa chữa ụ tàu. Tổng số CBCNV 19 người.

- Địa chỉ Công ty: 1649 Quốc lộ 30, phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng *(Ba tỷ đồng)*
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và sửa chữa phương tiện tàu thủy.
- Giá trị đầu tư của PETIMEX: 900.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần do PETIMEX nắm giữ: 30%

7. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

✓ **Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

<u>Kinh doanh xăng dầu</u>:

Kinh doanh xăng dầu là một trong những thế mạnh và là lĩnh vực hoạt động chính của Petimex. Petimex đã phát triển và tổ chức hệ thống phân phối xăng dầu trên 1.500 cửa hàng và đại lý bán lẻ, thị trường tiêu thụ trải rộng từ Khánh Hòa đến tận Cà Mau.

Petimex đã đầu tư hai hệ thống tổng kho xăng dầu đầu mối tại: Đồng Nai có sức chứa lên đến 92.800 m3/tấn và đang nâng cấp mở rộng thêm nâng tổng sức chứa lên trên 220.000 m3/tấn, kho tại Đồng Tháp sức chứa 31.500 m3/tấn. Bên cạnh

đó Petimex còn có hệ thống kho trung chuyển tại các tỉnh: Đồng Nai, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, ...với tổng sức chứa trên 135.000 m3/tấn phục vụ cho việc kinh doanh của đơn vị.

Song song với việc phát triển hệ thống bán lẻ, hệ thống tổng đại lý, Petimex còn tập trung đầu tư lớn hệ thống cầu cảng xuất nhập xăng dầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển xăng dầu trong và ngoài nước. Trong đó cầu cảng Phước Khánh - Đồng Nai có khả năng tiếp nhận tàu với trọng tải lên đến 32.000 m3/tấn và cầu cảng Trần Quốc Toản - Đồng Tháp có khả năng tiếp nhận tàu với tải trọng 5.000 m^3/tấn. Các Công ty con của Petimex đã mạnh dạn đầu tư đội xe vận chuyển xăng dầu Petimex với 26 chiếc có dung tích từ 5.000 lít đến 16.000 lít, cùng đội tàu vận chuyển 45 chiếc có trọng tải từ 80 tấn đến 1.800 tấn. Bên cạnh đó là đội ngũ công nhân chuyên nghiệp, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng trong việc vận chuyển xăng dầu đảm bảo về số lượng và chất lượng

Sản lượng tiêu thụ, doanh thu qua các năm

Năm	Sản lượng tiêu thụ			Doanh thu	
	Sản lượng tiêu thụ nội địa (m^3/tấn)	Sản lượng tái xuất (m3/tấn)	Tổng cộng (m3/tấn)	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	Trong đó doanh thu tái xuất (USD)
2013	835.376	245.665	1.081.041	18.170	193.820.833
2014	925.867	185.470	1.111.337	20.275	138.963.651
2015	957.241	131.522	1.088.763	13.015	57.039.923
2016	936.050	194.622	1.130.672	9.732	65.780.557
2017	847.801	210.260	1.058.061	11.498	91.332.900

Nguồn: PETIMEX

Kinh doanh Gas:

Từ năm 2014 trở về trước, Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp đã đầu tư 12 trạm chiết nạp gas nằm trải dài khắp các tỉnh như: Khánh Hòa, Đồng Nai, TPHCM, và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long để cung ứng gas phục vụ dân dụng và công nghiệp với thương hiệu Petimex gas.

Sản lượng tiêu thụ Gas qua các năm

Năm	Sản lượng (tấn)	Doanh thu
2013	10.829	236.670.324.074
2014	1.487	34.096.166.666
2015	Đã chuyển giao cho công ty liên kết	

Nguồn: PETIMEX

Kinh doanh Du lịch nhà hàng:

Công ty con của PETIMEX – Công ty cổ phần Dịch vụ du lịch Mỹ Trà có hệ

thống nhà hàng, khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao, nhà hàng rộng rãi thoáng mát, sức chứa lớn, đội ngũ tiếp viên chuyên nghiệp, là nơi lý tưởng để tổ chức Sự kiện, Tiệc cưới, Hội nghị, Tập huấn v.v…

Giá trị kinh doanh qua các năm

Năm	Doanh thu (đồng)
2013	27.735.000.000
2014	28.819.000.000
2015	36.859.000.000
2016	33.063.000.000
2017	40.624.000.000

Nguồn: PETIMEX

✓ **Nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các doanh nghiệp có uy tín đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan như Tập đoàn Daewoo, Sojitz, Petro Summit, Horizon, Socar, Elico, Gracewoodr, Mercuria, Vitol…, nhà cung cấp đã tin tưởng và cung ứng xăng dầu cho Công ty trong những năm qua với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là việc bán hàng với hình thức LC trả chậm dài hạn. Những nhà cung cấp nêu trên cùng với Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn là một nhà cung cấp trong nước rất quan trọng đối với công ty trong thời gian tới, đảm bảo nguồn xăng dầu đầu vào cho Công ty. Ngoài ra, Petimex cũng có một số đối tác tiềm năng cung cấp nguồn hàng đầu vào tại các thị trường khác như Bắc Mỹ, Nga…

Do nguồn nguyên vật liệu chính được cung cấp bởi các doanh nghiệp lớn nên nhìn chung nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty khá ổn định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Chi phí về nguyên vật liệu hiện nay chiếm khoảng 96% giá vốn hàng bán. Trong khi khung giá bán trong nước do chính phủ quyết định thông qua giá cở sở quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Trường hợp chi phí nguyên vật liệu tăng mà giá bán trong nước chưa kịp thời điều chỉnh giá bán tương ứng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

✓ **Chi phí sản xuất**

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu qua các năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT
Giá vốn hàng bán	12.390.584	95,20	9.244.623	94,99	10.982.777	95,51

Chi phí tài chính	303.144	2,33	183.569	1,89	138.557	1,20
Chi phí bán hàng	235.710	1,81	228.403	2,35	255.780	2,22
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.257	0,21	21.259	0,22	26.078	0,23
Cộng	**12.956.695**	**99,55**	**9.677.854**	**99,44**	**11.403.192**	**99,16**

Nguồn: PETIMEX

Quản lý chi phí là vấn đề mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng hết sức quan tâm nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.

Chi phí sản xuất của Công ty chủ yếu là các loại chi phí sau: giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Giai đoạn 2015 -2017, tổng chi phí chiếm bình quân khoảng 99% so với tổng doanh thu và được Công ty kiểm soát ở mức khá ổn định, không có thay đổi đột biến. Nhờ đó, Công ty duy trì được mức lợi nhuận ổn định hàng năm.

Giá vốn hàng bán là hạng mục chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 96% trên tổng doanh thu. Trong đó, chủ yếu là các chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Giá vốn hàng bán có xu hướng giảm trong năm 2016 với tỷ trọng chiếm là 95% trên tổng doanh thu.

Chi phí tài chính 1,8%

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty kiểm soát khá chặt chẽ, giữ ở mức dưới 0,2% trên tổng doanh thu.

Tuy nhiên, để cải thiện và kiểm soát các chi phí một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Quy chuẩn số HT 1469.07.29 TCVN ISO 9001:2000 của Tổng Cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

✓ **Trình độ công nghệ, khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường**

- Công ty có đội ngũ nhân viên xuất nhập khẩu đáp ứng yêu cầu của nhà cung cấp xăng dầu quốc tế.
- Công ty có hai kho đầu mối đạt chuẩn đáp ứng tàu biển quốc tế vào cung ứng xăng dầu.
- Công ty đang áp dụng công nghệ nhập xuất xăng dầu bán tự động nên luôn chủ động đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

✓ **Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Công ty đã hoàn tất dự án Hệ thống phối trộn xăng sinh học E 5;

Đồng thời, công ty đang nghiên cứu tiền khả thi dự án pha chế dầu nhờn, dự án phối trộn xăng từ naptha, dự án nhà máy hoá dầu mini từ nguồn đầu vào là condensate...

✓ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:**

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, hàng hoá luôn đảm bảo chất lượng đến người tiêu dùng theo qui định các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Đối với xăng dầu, ngoài sự cam kết về chất lượng của nhà cung cấp, cơ quan kiểm định phía nhà cung cấp, công ty được sự kiểm định và công nhận chất lượng của cơ quan chức năng Việt Nam (QUATEST 3) trước khi đưa xăng dầu đến Tổng đại lý, đại lý.

✓ **Hoạt động Marketing**

Hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường và khách hàng, đưa ra phân tích, nhận định hỗ trợ cho định hướng phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu PETIMEX.

✓ **Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ**

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số: 252800 được Cục Sở hữu trí tuệ cấp có giá trị trong vòng 10 năm (có thể gia hạn).

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:

PETIMEX
Hợp tác cùng phát triển

7.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng tài sản	Tr. Đồng	5.438.783	5.601.739	5.808.829
2	Vốn Chủ sở hữu	Tr. Đồng	685.806	739.552	795.590
3	Nợ phải trả	Tr. Đồng	4.752.977	4.862.187	5.013.239
3.1	Nợ ngắn hạn	Tr. Đồng	4.521.262	4.630.448	5.010.975
	Trong đó: Nợ quá hạn	*Tr. Đồng*			
3.2	Nợ dài hạn	Tr. Đồng	231.715	231.739	2.264
	Trong đó: Nợ quá hạn	*Tr. Đồng*			
4	Nợ phải thu	Tr. Đồng	3.235.155	3.053.692	3.287.385
	Trong đó: Nợ khó đòi	*Tr. Đồng*			
5	Tổng số lao động bình quân	Người	258	260	258
6	Tổng quỹ lương	Tr. Đồng	35.128	36.719	36.699

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
7	Thu nhập bình quân 1 người lao động/tháng	Nghìn đồng	11.346	11.769	11.853
8	Tổng doanh thu	Tr. Đồng	13.015.776	9.732.466	11.498.703
9	Tổng chi phí	Tr. Đồng	12.966.828	9.679.233	11.462.232
10	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	48.948	53.232	72.471
11	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	48.563	52.869	72.427
12	Tỷ suất LNST/Vốn nhà nước (%)	Tr. Đồng	7,08%	7,15%	9,10%

Nguồn: PETIMEX

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong năm vừa qua, một số yếu tố sau đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

✓ **Thuận lợi**:

- Về tiêu thụ nội địa: từ đầu Công ty xác định thị trường nội địa tập trung là khu vực phía nam do khách hàng có cùng văn hoá kinh doanh nên Petimex đã có một thị phần khá rộng lớn từ Khánh Hoà đến Cà Mau.
- Về thị trường tái xuất: nhờ Đồng Tháp có biên giới giáp với Campuchia, thuận lợi vận chuyển bằng tàu trên sông Mêkong, tận dụng lợi thế đó Petimex đã có nhiều khách hàng lớn và tiềm năng tại Campuchia đảm bảo cho việc tái xuất xăng dầu, và có khả năng xuất khẩu các sản phẩm hoá dầu.
- Về thị trường đầu vào: Sau khó khăn của năm 2000, được sự hỗ trợ tích cực của các ngân hàng thương mại nhất là Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đồng Tháp, Vietinbank, Petimex luôn đảm bảo trong thanh toán quốc tế vì thế được nhiều nhà cung cấp đã tin tưởng và cung ứng xăng dầu cho công ty trong những năm qua với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là việc bán hàng với hình thức LC trả chậm dài hạn, đảm bảo nguồn xăng dầu đầu vào cho Công ty.
- Cở sở vật chất: Với cơ sở vật chất hiện có từ những năm 2000 như cửa hàng bán lẻ xăng dầu, đội tàu vận tải, kho cảng xăng dầu Trần Quốc Toản (được nâng cấp kho đầu mối năm 2003), Kho cảng xăng dầu Phước Khánh (hoàn chỉnh kho đầu mối năm 2002) đã giúp Công ty đủ điều kiện làm một đầu mối nhập khẩu trực tiếp xăng dầu.
- Thực hiện đề án chuyển đổi Công ty Thương mại Dầu khí sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con được Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 25/6/2007 và Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 29/11/2007 của Thủ tướng Chính Phủ, Petimex đã cổ phần hoá hầu hết các đơn vị trực thuộc. Từ đó nâng cao tính tự chủ của các đơn vị, Công ty mẹ tập trung cho công tác bán buôn, tái xuất…

- Nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm trong kinh doanh xăng dầu. Lợi thế lớn nhất của Công ty là thái độ và cung cách phục vụ khách hàng của đội ngũ cán bộ công nhân viên được xem là tốt nhất trong các đầu mối kinh doanh xăng dầu. Điều đó đã giúp Petimex phát triển thị trường nhanh.
- Những yếu tố khách quan: Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp và các Sở ban ngành hữu quan đã giúp Công ty vượt qua những thời điểm khó khăn nhất.

✓ **Khó khăn:**

- Với mạng lưới phân phối rộng việc kiểm soát đại lý gặp không ít khó khăn.
- Do cơ chế điều hành giá bán lẻ xăng dầu trong nước của Chính phủ nên kinh doanh xăng dầu nội địa cuối năm 2012 luôn bị lỗ. Số tiền này đang chờ Bộ Tài Chính xem xét giải quyết, việc này làm gia tăng thiếu hụt vốn lưu động và tăng thêm chi phí sử dụng vốn cho công ty.
- Vốn điều lệ được cấp bổ sung chủ yếu là giá trị tài sản cố định trong khi đó nhu cầu vốn lưu động cho nhập khẩu xăng dầu là rất lớn càng gây áp lực về vốn cho công ty.
- Việc chuyển đổi một số tài sản cố định (hình thành trước năm 2.000) chưa cần dùng sang vốn lưu động phải mất nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn.
- Trình độ chuyên môn của lao động chưa đồng đều gây khó khăn khi muốn áp dụng phương pháp quản trị mới, còn thiếu ở một số cán bộ có kinh nghiệm ở một số khâu như công nghệ thông tin cao, hoá nghiệm và chế biến dầu khí, nghiên cứu thị trường,…

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

✓ **Về hoạt động kinh doanh:**

Petimex là đầu mối nhập khẩu xăng dầu đứng vị trí thứ 5/30 trong danh sách các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu tại Việt Nam Kinh doanh xăng dầu là lĩnh vực trọng tâm phát triển của Petimex với:

- Sản lượng nhập khẩu xăng dầu bình quân đạt 1,089 triệu m3/năm (2014-2016) với tỷ trọng chiếm 5-6 % thị phần.
- Sản lượng tiêu thụ bình quân hàng năm (bao gồm bán nội địa, tái xuất) đạt 1,086 triệu m3/năm (2014-2016). Đối với thị trường trong nước chiếm khỏan 4-5%% thị phần.
- Doanh thu từ kinh doanh xăng dầu của Công ty năm 2014 đạt 20,2 nghìn tỷ đồng, năm 2015 đạt 13.015 nghìn tỷ đồng và năm 2016 đạt 9.732 nghìn tỷ đồng.

Có được mức tiêu thụ sản lượng và doanh thu trên Petimex đã đầu tư mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành, trải dài từ các tỉnh Khánh Hòa, Đồng Nai, TP.HCM cho đến các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long trên 1.500 cửa hàng trực

thuộc hệ thống Petimex nên phần nào thương hiệu Petimex đã tạo được niềm tin vững chắc cho người tiêu dùng. Trong hơn 20 năm qua, Petimex luôn cùng chung vai sát cánh với những khách hàng, đối tác trong và ngòai nước những lúc khó khăn cùng nhau vượt qua. Trong kinh doanh không chỉ có thuận lợi và thành thành công mà còn chính trong những lúc khó khăn, sự chia sẽ và hỗ trợ của Petimex đối với đối tác khách hàng là những điều thực sự ấn tượng sâu sắc trong lòng khách hàng. Petimex luôn quan tâm xây dựng, gìn giữ sự tín nhiệm và quan hệ hợp tác với các đối tác và khách hàng. Mối quan hệ hợp tác này sẽ tiếp tục phát triển bền vững và tiến xa hơn nữa.

✓ **Về cơ sở vật chất, đầu tư tài chính:**

- **Cở sở vật chất:**

Trong những năm qua, tuy nguồn vốn có hạn nhưng công ty đã tận dụng nguồn khấu hao từng bước tái đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng được kịp thời nhu cầu kinh doanh của công ty. Tổng mức đầu tư khoảng 205 tỷ đồng, các hạng mục chủ yếu như đầu tư mở rộng Kho cảng xăng dầu Phước Khánh, kho xăng dầu Trường Xuân, Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, nâng cấp mở rộng khách sạn Hoà Bình.

Đến nay, Petimex có Hệ thống kho cảng quốc tế chuyên dùng xăng dầu như Kho Phước Khánh, Đồng Nai với cầu cảng 32.000 DWT và kho 92.800 m3 và Kho Trần Quốc Toản, phường 11, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp với cầu cảng 5.000 DWT và kho 31.500 m3. Các kho trung chuyển như Kho Tân Phú Thạnh, Cần Thơ có sức chứa 9.000 m3 ; Kho Trường Xuân, Tháp Mười và một số kho khác. Tổng sức chứa kho của công ty đến nay là 135.000 m3 được phân bố khá đồng đều các khu vực đây là lợi thế của một đầu mối nhập khẩu trực tiếp xăng dầu. Hệ thống kho cảng đang đáp ứng tạm thời nhu cầu luân chuyển xăng dầu cho tiêu thụ nội địa và tái xuất sang thị trường Campuchia.

Cơ sở vật chất phục vụ cho bán lẻ xăng dầu: Trong những năm qua Petimex chủ trương việc phát triển Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu được "chuyên môn hoá" thông qua các công ty con. Đến nay, trong toàn hệ thống có 81 cửa hàng thuộc sở hữu của Petimex và các Công ty con, và 20 cửa hàng hợp tác kinh doanh, số lượng này chưa phải là nhiều nhưng đây cũng là một lợi thế canh tranh của Công ty.

Về phương tiện vận tải: hầu hết các phương tiện vận tải đều thuộc sở hữu của các công ty con nên công ty rất chủ động trong việc điều phối hàng hoá. Đến nay, trong toàn Hệ thống (thuộc sở hữu Công ty con) có 25 tàu sông với tổng tải trọng 19.890 tấn và 22 xe bồn với tổng tải trọng 226 tấn chuyên vận chuyển xăng dầu; 1 tàu trọng tải 150 tấn và 2 xe bồn chuyên vận chuyển gas.

- **Thế mạnh của các khoản đầu tư vào công ty con:**

Đến nay, Petimex có 5 công ty con và 10 công ty liên kết với tổng vốn hoá là

247 tỷ đồng trong đó vốn Petimex góp bằng tài sản cố định là 110,96 tỷ đồng, cổ tức luỹ kế đến năm 2016 đạt khoảng 114 tỷ đồng.

Cùng với việc mang lại cổ tức, các Công ty con, Công ty liên kết đã làm gia tăng nội lực hoạt động của Petimex, riêng 3 công ty con trong hoạt động bán lẻ xăng dầu là Công ty cổ phần Nhiên liệu Đồng Tháp-DFC, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long - PTC, Công ty cổ phần Nhiên liệu Tây Đô - TFC đã chiếm khoản 47 thị phần tiêu thụ của công ty mẹ, giúp công ty luôn ổn định được thị trường đầu ra; Công ty cổ phần vận tải xăng dầu Đồng Tháp đơn vị được cổ phần hoá sớm nhất luôn hoạt động có hiệu quả và giúp Công ty mẹ chủ động được khâu vận chuyển nội địa và tái xuất xăng dầu sang campuchia; Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà được cổ phần hoá với vốn khá lớn được hình thành chủ yếu từ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất 3,2 ha, tuy cổ tức chưa cao nhưng với mặt bằng kinh doanh lớn, được đầu tư khá hoàn chỉnh cũng là một lợi thế nếu được khai thác triệt để.

Ngoài ra, các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết ngoài việc mang lại cổ tức còn mang lại lợi ích cho Petimex về chủ động trong việc tìm thị trường đầu vào, thị trường đầu ra, học tập kinh nghiệm quản lý…như Công ty Cổ phần vận tải Âu Lạc, Công ty Sopet Gas One, Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành…

✓ **Về nguồn nhân lực:**

- Qua hơn 20 năm hoạt động trải qua nhiều thăng trầm, đội ngũ cán bộ, công nhân viên công ty cũng từ đó mà trưởng thành.

- Ngoại trừ một số lao động có trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được nhu cầu công việc trong tình hình mới, số còn lại đã được đào tạo, bố trí, sắp xếp công việc phù hợp tiếp tục cống hiến cho đơn vị và đây cũng là nguồn nhân lực cần cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

✓ **Những yếu tố khác:**

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của ủy ban nhân tỉnh Đồng Tháp và các Sở ban ngành hữu quan. Sự hợp tác tích cực của các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính khác.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

✓ **Triển vọng phát triển của ngành**

Trong nước kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, dự báo GDP năm 2018 tăng trưởng ở mức 6,5%. Sự tăng trưởng lại của nền kinh tế Việt Nam nói chung và Nam bộ nói riêng đang đặt ra nhu cầu tiêu thụ xăng dầu, tổng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong thời gian tới luôn tăng.

Nguồn cung cấp và thị trường xăng dầu Việt Nam năm đến 2025:

- Nguồn cung cấp xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu khoảng 70% nhu cầu chủ yếu phải nhập khẩu từ trung tâm phân phối trong khu vực như Singapore, Thái Lan,

Malysia, Trung Quốc.

- Hiện nay, đang mau Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Sau năm 2017 khi Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và một số nhà máy khác đi vào hoạt động thì công ty sẽ phải mua từ nguồn trong nước nhiều hơn.

Định hướng phát triển của Công ty

- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ là chủ lực, cũng cố thị phần khu vực phía nam, Camphuchia, thận trọng phát triển thị phần Nam trung bộ.
- Tập trung nguồn lực đầu tư cho kinh doanh xăng dầu và một số sản phẩm mới có chọn lọc.
- Chế biến sản xuất xăng E5, E10 theo lộ trình của Chính phủ.
- Cũng cố phát triển hệ thống kho xăng dầu đầu mối
- Xem con người là nhân tố quyết định sự thành công và động lực cho sự phát triển.
- Nâng cao tiềm lực tài chính để phát triển bền vững.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2016, thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1	**Tài sản cố định hữu hình**	**685.527.269.868**	**427.559.467.806**	**257.967.802.062**
	Nhà cửa, vật kiến trúc	640.161.439.724	395.990.074.833	244.171.364.891
	+ Tài sản cần dùng	640.161.439.724	395.990.074.833	244.171.364.891
	+ Tài sản không cần dùng	-	-	-
	Máy móc thiết bị	25.096.430.411	21.269.618.074	3.826.812.337
	+ Tài sản cần dùng	25.096.430.411	21.269.618.074	3.826.812.337
	+ Tài sản không cần dùng	-	-	-
	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	12.065.766.300	7.696.176.073	4.369.590.227
	+ Tài sản cần dùng	12.065.766.300	7.696.176.073	4.369.590.227
	+ Tài sản không cần dùng	-	-	-
	Thiết bị quản lý	8.203.633.433	2.603.598.826	5.600.034.607
	+ Tài sản cần dùng	8.203.633.433	2.603.598.826	5.600.034.607
	+ Tài sản không cần dùng	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
2	Tài sản cố định vô hình	887.391.935.873	-	887.391.935.873
3	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	**132.844.363.888**	**-**	**132.844.363.888**

Nguồn: PETIMEX

2. Tổng diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng

Tình hình đất đai Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp hiện đang quản lý, sử dụng với tổng diện tích 569.845,35 m2.

(Chi tiết danh sách bất động sản được đính kèm phụ lục của phương án này).

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2016 như sau:

- **Vốn chủ sở hữu: 739.475.790.029 đồng**

  Trong đó:

  ✓ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 731.073.696.350 đồng

  ✓ Quỹ đầu tư phát triển: 8.402.093.679 đồng

  ✓ Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp: 0 đồng

- **Các khoản phải thu: 3.053.692.502.168 đồng**

  Trong đó:

  ✓ Phải thu ngắn hạn: 3.053.692.502.168 đồng

  ✓ Phải thu dài hạn: 0 đồng

- **Khoản phải trả: 4.862.187.533.697 đồng**

  Trong đó:

  ✓ Nợ ngắn hạn: 4.630.448.601.277 đồng

  ✓ Nợ dài hạn: 231.738.932.420 đồng

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2016, tổng số CBCNV của Công ty là 260 người với cơ cấu như sau :

Stt	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
A	**Theo trình độ lao động**	**260**	**100%**
1	*Trình độ đại học và trên đại học*	132	50,77%
2	*Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp*	78	30,00%
3	*Trình độ khác*	50	19,23%
B	**Theo loại Hợp đồng lao động**	**260**	**100%**

Stt	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
1	*Hợp đồng không thời hạn*	209	80,38%
2	*Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm*	45	17,31%
3	Không thuộc diện ký kết hợp đồng lao động (viên chức quản lý Công ty)	6	2,31%
C	**Theo giới tính**	**260**	**100%**
1	*Nam*	211	81,15%
2	*Nữ*	49	18,85%

Nguồn : PETIMEX

III. KẾT LUẬN

Là một doanh nghiệp Nhà nước do UBND Tỉnh Đồng Tháp quản lý, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp đã phát huy được các tiềm năng, thế mạnh sẵn có và ngày càng khẳng định vị thế dẫn đầu của mình trong hệ thống các doanh nghiệp trong toàn tỉnh.

Căn cứ vào tình hình tổng quan cũng như thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, có thể khẳng định PETIMEX hoàn toàn có đủ điều kiện để thực hiện cổ phần hóa. Với sự chuyển đổi mô hình doanh nghiệp lần này cũng như sự đổi mới về phương thức quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa sẽ hứa hẹn những bước phát triển mới, hiệu quả và ổn định

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ văn bản số 133/UBND-KTTH ngày 16/03/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch cổ phần hóa 03 Doanh nghiệp Nhà Nước (trong đó có Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp);
- Căn cứ văn bản số 326/STC-TCDN ngày 11/03/2015 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch cổ phần hóa 03 Doanh nghiệp Nhà Nước (trong đó có Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp);
- Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-UBND-HC ngày 29/06/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty mẹ - Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND-TL ngày 20/01/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-BCĐ ngày 21/01/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- Báo cáo tài chính các năm 2014, 2015, 2016 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
- Căn cứ các văn bản hiện hành khác và trên cơ sở các tài liệu kế toán liên quan khác.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và

các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự; gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi từ hình thức Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên mỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng nổ hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ được thiết lập lại một cách chỉnh chu và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND Tỉnh Đồng Tháp và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần.
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 1610/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2016 của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp là: **5.684.118.916.793** đồng *(Năm sáu trăm tám mươi bốn tỷ một trăm mười tám triệu chín trăm mười sáu ngàn bảy trăm chín mười ba đồng)*.
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại thời điểm 31/12/2016 để cổ phần hóa là: **867.344.555.498** đồng *(Tám trăm sáu mươi bảy tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm năm năm mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi tám đồng)*.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại thời điểm 31/12/2016 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(3)-(2)*
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	**5.601.663.323.726**	**5.684.118.916.793**	**82.455.593.067**
I. Tài sản dài hạn	**665.306.141.828**	**759.174.678.484**	**93.868.536.656**
1. Tài sản cố định	***257.967.802.062***	***358.076.920.639***	***100.109.118.577***
a. TSCĐ hữu hình	257.967.802.062	358.076.920.639	100.109.118.577
- Nhà cửa vật kiến trúc	244.171.364.891	334.997.726.408	90.826.361.517
- Máy móc thiết bị	3.826.812.337	9.345.623.907	5.518.811.570
- Phương tiện vận tải	4.369.590.227	7.581.452.609	3.211.862.382
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5.600.034.607	6.152.117.715	552.083.108
- Tài sản khác	-	-	-
b. Tài sản vô hình không là quyền sử dụng đất	-	-	-
c. Bất động sản đầu tư	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	***264.513.568.148***	***290.608.950.532***	***26.095.382.384***
- Đầu tư vào công ty con	220.830.779.490	223.725.581.892	2.894.802.402
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	36.256.371.552	48.093.757.527	11.837.385.975
- Đầu tư dài hạn khác	14.265.497.009	18.789.611.113	4.524.114.104
- Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	(6.839.079.903)	-	6.839.079.903
3. Chi phí XDCB dở dang	***132.844.363.888***	***99.378.581.066***	***(33.465.782.822)***
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	***2.447.226.920***	***8.671.324.497***	***6.224.097.577***
- Chi phí cải tạo sửa chửa tài sản	2.447.226.920	2.447.226.920	-
- Giá trị quyền sử dụng đất giao chuyển sang đất thuê trả tiền hàng năm sau cổ phần hóa.	-	5.023.955.539	5.023.955.539
- CCDC đã phân bổ hết vẫn đang sử dụng	-	1.200.142.038	1.200.142.038
6. Các khoản phải thu dài hạn	***7.533.180.810***	***2.438.901.750***	***(5.094.279.060)***
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	**4.050.541.802.989**	**4.058.517.147.384**	**7.975.344.395**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	***200.219.888.102***	***199.764.364.630***	***(455.523.472)***
- Tiền	200.219.888.102	199.764.364.630	(455.523.472)
- Chứng khoán kinh doanh	2.366.000.000	-	(2.366.000.000)

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.366.000.000)	-	2.366.000.000
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	***3.053.692.502.168***	***3.062.123.370.035***	***8.430.867.867***
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	189.362.587.862	179.086.700.022	(10.275.887.840)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.361.104.827	10.901.940.017	(1.459.164.810)
- Phải thu ngắn hạn khác	2.872.005.632.493	2.872.110.886.457	105.253.964
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.060.666.553)	-	20.060.666.553
- Tài sản thiếu chờ xử lý	23.843.539	23.843.539	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	***796.602.775.627***	***796.602.775.627***	-
- Hàng tồn kho	796.602.775.627	796.602.775.627	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	***26.637.092***	***26.637.092***	-
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	26.637.092	26.637.092	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	**20.819.098.238**	**20.819.098.238**
1. Giá trị thương hiệu	-	20.819.098.238	20.819.098.238
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	-	-
IV. Giá trị Quyền sử dụng đất	**885.815.378.909**	**845.607.992.687**	**(40.207.386.222)**
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	**76.305.538**		**(76.305.538)**
I. Tài sản cố định hữu hình	**76.305.538**		**(76.305.538)**
1. Máy móc, thiết bị	76.305.538		(76.305.538)
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KT-PL	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	**5.601.739.629.264**	**5.684.118.916.793**	**82.379.287.529**
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (A)	**5.601.663.323.726**	**5.684.118.916.793**	**82.455.593.067**
E1. Nợ thực tế phải trả	***4.862.187.533.697***	***4.816.774.361.295***	***(45.413.172.402)***
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	**739.475.790.029**	**867.344.555.498**	**127.868.765.469**

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp PETIMEX tại thời điểm 31/12/2016 do SIVC lập và Quyết định số 1610/QĐ-UBND-HC ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 1, Điều 5, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần là ***"Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ".***

2. Tên Công ty Cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Tên tiếng Anh: DONG THAP PETROLEUM TRADING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch: PETIMEX

Trụ sở chính: Số 140, Quốc lộ 30, P.Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Điện thoại: (0673) 851056 Fax: (0673) 851056

Website: www.petimex.com.vn Email: info@petimex.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; mua bán các chất bôi trơn; chiết nạp gas; xuất nhập khẩu gas (LPG).	4661
2	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho ngoại quan cho thuê kho bãi; cho thuê cầu cảng.	5210
3	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật sân khấu, hoạt động karaoke; kinh doanh vui chơi giải trí.	9329
4	Bán buôn thực phẩm.	4632
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán, xuất nhập khẩu phân bón.	4669
6	Trồng cây cà phê.	0126
7	Trồng cây hồ tiêu.	0124
8	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Chi tiết: trồng cây lương thực.	0112
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường bộ.	4933
10	Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ, đường thủy.	5224
11	Trồng cây điều.	0123
12	Bán buôn máy móc, thiết bị, và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, hàng kim khí điện máy.	4659

Stt	Tên ngành	Mã ngành
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ cung ứng tàu biển (nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt), dịch vụ cảng và bến cảng, dịch vụ dọn vệ sinh tàu thuyền, đánh cặn tàu thuyền, dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển (lai dắt tàu theo luồng, cứu hộ trên biển, trên sông).	5229
14	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: kinh doanh vận tải đường thủy.	5022
15	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: dịch vụ massage, xông hơi.	9610
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết : mua bán nông sản.	4620
17	Trồng cây cao su.	0125
18	Trồng lúa.	0111
19	Trồng cây ăn quả.	0121
20	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ khách sạn ăn uống.	5510
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.	4663
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng; kinh doanh nhà (bao gồm xây dựng, mua bán, cho thuê); hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	6810
23	Đại lý du lịch. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch	7911
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu,nhớt,gas	4730

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp dự kiến vốn điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng như sau:

- Vốn điều lệ: 1.355.225.860.000 đồng (*Một ngàn ba trăm năm mươi lăm tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi ngàn tỷ đồng*).
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 135.522.586 cổ phần.

Căn cứ Công văn số 191/UBND-KTTH ngày 19/4/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ sau khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước do tỉnh quản lý, Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 64% vốn điều lệ khi cổ phần hóa;

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần bán lần đầu dự kiến như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
1	Nhà Nước	86.734.455	867.344.550.000	64%
2	Cán bộ công nhân viên mua ưu đãi	747.600	7.476.000.000	0,55%
2.1	*Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà Nước*	*277.200*	*2.772.000.000*	*0,20%*
2.2	*Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty Cổ phần*	*470.400*	*4.704.000.000*	*0,35%*
3	Công đoàn Công ty	0	0	0
4	Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	48.040.531	480.405.310.000	35,45%
Tổng cộng		**135.522.586**	**1.355.225.860.000**	**100%**

Ghi chú: Tổng giá trị chào bán là 487.881.310.000 đồng, tương ứng với 48.788.131 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Khối lượng cổ phần bán đấu giá lần đầu ra công chúng (IPO): 48.040.531 cổ phần, tương ứng 35,45 % vốn điều lệ.
- Bán ưu đãi cho người lao động: 747.600 cổ phần, tương đương 0,55% vốn điều lệ. Trong đó:
  - ✓ Bán ưu đãi theo số năm làm việc trong khu vực Nhà Nước: 277.200 cổ phần, tương ứng 0,20% vốn điều lệ.
  - ✓ Bán ưu đãi theo số năm cam kết làm việc lâu dài: 470.400 cổ phần, tương ứng 0,35% vốn điều lệ.

Vốn Nhà nước dự kiến tại Công ty Cổ phần là 86.734.455 cổ phần, tương ứng 64% vốn điều lệ.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

5. Phương thức chào bán và giá chào bán

5.1. Cổ phần bán cho người lao động

✓ **Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm làm việc trong khu vực Nhà Nước:**

Danh mục	Diễn giải
Tiêu chí xác định:	người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp ngày 31/12/2016
Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2016:	260 người
Tổng số lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi:	247 người
Tổng số năm công tác trong khu vực Nhà Nước:	2.772 Năm
Tổng số cổ phần được mua ưu đãi:	277.200 cổ phần
Loại cổ phần:	cổ phần phổ thông
Điều kiện chuyển nhượng:	Cổ phần tự do chuyển nhượng
Giá bán:	60% mệnh giá cổ phần (áp dụng điểmb, khoản 1, điều 42, Nghị định 126/2017/NĐ-CP)
Thời gian thực hiện:	sau khi hoàn tất đợt đấu giá công khai qua Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

(Danh sách người lao động mua cổ phần theo số năm làm việc trong khu vực Nhà Nước được đính kèm)

✓ **Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài:**

Người lao động trong danh sách thường xuyên của PETIMEX tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá, thuộc đối tượng PETIMEX cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho PETIMEX trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày PETIMEX được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức **200 cổ phần/01năm** cam kết làm việc tiếp trong PETIMEX nhưng tối đa **không quá 2.000 cổ phần**. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức **500 cổ phần/01 năm** cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa **không quá 5.000 cổ phần** cho một người lao động. Giá bán cho các đối tượng trên bằng giá khởi điểm khi PETIMEX đấu giá cổ phần công khai (áp dụng điểmb, khoản 2, điều 42, Nghị định 126/2017/NĐ-CP).

Danh mục	Diễn giải
Tiêu chí xác định:	người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp ngày 31/12/2016 và có cam kết làm việc lâu dài tại Doanh nghiệp
Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2016:	260 người
Tổng số lao động đăng ký mua thêm:	247 người

Tổng số cổ phần đăng ký mua thêm:	470.400 cổ phần
Loại cổ phần:	cổ phần phổ thông
Điều kiện chuyển nhượng:	hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết
Giá bán:	Bằng giá khởi điểm
Thời gian thực hiện:	sau khi hoàn tất đợt đấu giá công khai qua Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

(Danh sách người lao động mua cổ phần theo theo cam kết làm việc lâu dài được đính kèm)

5.2. Cổ phần bán cho công đoàn Công ty

Thực hiện theo quy định tại Điểm b Mục 2 Điều 33, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, theo đó: Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo qui định tại khoản 2, điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

Giá cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổ chức công đoàn tại PETIMEX không đăng ký mua cổ phần.

5.3. Cổ phần bán đấu giá công khai

✓ **<u>Đối tượng</u>:**

Đối tượng IPO sẽ là các NĐT trong nước, bao gồm các tổ chức - cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa - PETIMEX) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Mục 4 Điều 6 Nghị Định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, những đối tượng sau không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu:

- Thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp).
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh).
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng Công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.
- Người có liên quan theo quy định tại khoản 17 Điều 14 Luật doanh nghiệp

năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 4 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP.

✓ **Phương thức:**

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ chí Minh. Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh) ban hành.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

✓ **Khối lượng chào bán:**

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá cho các nhà đầu tư bên ngoài dự kiến là 48.040.531 cổ phần, tổng mệnh giá 480.405.310.000 đồng, tương đương 35,45% vốn điều lệ. Các giới hạn về tỷ lệ đăng ký mua của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân sẽ được quy định cụ thể theo quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đấu giá và cuộc đấu giá sẽ được công bố thông tin theo đúng quy định.

✓ **Giá khởi điểm chào bán:** 10.600 đồng/cổ phần.

6. Xử lý cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết gồm:

- Số cổ phần người lao động từ chối mua theo phương án đã được duyệt;
- Số cổ phần không được đăng ký mua theo phương án đấu giá công khai đã được duyệt;
- Số cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua;

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa sẽ xem xét, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý số lượng cổ phần này theo quy định.

7. Chi phí cổ phần hóa

Chi phí cổ phần hóa được dự toán như sau:

Stt	Diễn giải	Giá trị dự toán
1	Tập huấn nghiệp vụ công tác cổ phần hóa	10.000.000
2	Kiểm kê, xác định giá trị tài sản	250.000.000
3	Lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ	132.000.000
4	Chi phí Hội nghị người lao động để triển khai cổ phần hóa	13.000.000
5	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp	18.000.000

Stt	Diễn giải	Giá trị dự toán
6	Chi phí thuê kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	180.000.000
7	Chi phí cho việc tổ chức bán cổ phần	26.000.000
8	Chi phí tổ chức họp Đại hội cổ đông lần đầu	10.700.000
9	Thù lao cho ban chỉ đạo và tổ giúp việc cổ phần hóa	745.200.000
10	Chi phí khác (10% tổng giá trị các khoản mục trên)	138.490.000
	Tổng cộng	**1.523.390.000**

***Ghi chú**: các chi phí trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định về thuế.*

8. Quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cổ phần hóa

Tổng số tiền thu được từ cổ phần hoá doanh nghiệp sẽ được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa. Việc tính toán số tiền này dựa trên các giả định:

- Giá bán cổ phiếu bằng giá khởi điểm đấu giá theo đề xuất: 10.600 đồng/cổ phần;
- Giá đấu thành công bình quân bằng giá khởi điểm;
- Số lượng cổ phần chào bán được bán hết.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền
1	**Vốn Nhà Nước hiện có**	**Đồng**	867.344.555.498
2	**Cơ cấu vốn điều lệ**		**1.355.225.860.000**
A	Nhà Nước 64%	Đồng	867.344.550.000
B	Cổ đông khác 36%	Đồng	487.881.310.000
3	**Phần vốn Nhà Nước còn lại**	**Đồng**	**0**
4	**Phần lẻ nộp về Nhà Nước**	**Đồng**	**5.498**
6	**Bán phần vốn Nhà Nước**	**Đồng**	**0**
7	**Số vốn phát hành thêm**	**Đồng**	**487.881.310.000**
8	**Số cổ phần phát hành thêm**	**CP**	**48.788.131**
9	**Cơ cấu cổ phần phát hành**	**CP**	**48.788.131**
a	Bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực Nhà Nước	CP	277.200
b	Bán ưu đãi cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp	CP	470.400
c	Bán đấu giá công khai	CP	48.040.531
10	**Giá bán**	**Đồng/cp**	
a	Giá khởi điểm bán đấu giá công khai	Đồng/cp	10.600

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền
b	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLĐ theo năm làm việc trong khu vực Nhà Nước	Đồng/cp	6.000
c	Giá bán cổ phần ưu đãi cho NLĐ theo cam kết làm việc lâu dài	Đồng/cp	10.600
11	**Số tiền thu từ phát hành cổ phần**	**Đồng**	**515.879.068.600**
a	Bán cho người lao động theo năm làm việc trong khu vực Nhà Nước	Đồng	1.663.200.000
b	Bán cho người lao động theo cam kết làm việc	Đồng	4.986.240.000
c	Bán đấu giá công khai	Đồng	509.229.628.600
13	**Tổng số tiền dự thu sau bán đấu giá lần đầu**	**Đồng**	**515.879.068.600**
a	Để lại doanh nghiệp bằng mệnh giá cổ phần phát hành thêm	Đồng	487.881.310.000
b	Chênh lệch giữa giá khởi điểm và mệnh giá	Đồng	27.997.758.600
c	Giá trị cổ phần Nhà Nước bán bớt theo mệnh giá	Đồng	0
d	Chi phí cổ phần hóa (NSNN chi trả)	Đồng	1.523.390.000
e	Chi phí giải quyết chế độ người lao động (NSNN chi trả)	Đồng	83.840.000
f	Phần thặng dư vốn	Đồng	0
f1	Để lại cho doanh nghiệp	Đồng	0
f2	Nộp về ngân sách	Đồng	0
15	**Tổng số tiền dự kiến để lại doanh nghiệp** (*)	**Đồng**	**515.879.068.600**

Nguồn: PETIMEX

Số tiền hoàn vốn ngân sách (chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và việc sử dụng số tiền thu được từ bán cổ phần sẽ được tính toán lại dựa trên kết quả bán cổ phần và các chi phí phát sinh trên thực tế của Công ty và được xử lý theo Điều 36 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017. Trong đó, thặng dư của số cổ phần hành thêm phần thu được do bán cao hơn giá khởi điểm được xử lý theo Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017; **(*)**:Tổng số tiền dự kiến để lại doanh nghiệp đã bao gồm phần dự thu chênh lệch giữa giá khởi điểm và mệnh giá, phần này sau khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính sẽ quyết toán và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (nếu có).

9. Phương án sắp xếp lại lao động

9.1. Phương án sử dụng lao động

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty Cổ phần; dự trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công

ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động theo Phương án sử dụng lao động do chuyển đổi Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp thành Công ty Cổ phần đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt ngày 04/07/2017 như sau:

Stt	Nội dung	Tổng số (người)
I	**Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa** *(theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP)*	**260**
1	**Lao động không thuộc diện ký Hợp đồng lao động**	**6**
2	**Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động**	**254**
	+ Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	**209**
	+ Lao động làm việc theo Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	**45**
	+ Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 03 tháng	-
3	**Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty (hưởng chế độ bảo hiểm xã hội)**	**2**
II	**Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa**	**2**
1	**Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành**	-
2	**Số lao động sẽ chấm dứt Hợp đồng lao động, chia ra:**	-
	+ Hết hạn Hợp đồng lao động	-
	+ Tự nguyện chấm dứt Hợp đồng lao động	-
	+ Chấm dứt Hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	-
3	**Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, chia ra:**	-
	+ Số lao động dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP **Lưu ý:** 1 người đến ngày 31/12/2017 đã nghỉ việc theo đơn xin	**2**
	+ Số lao động phải chấm dứt Hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	-
III	**Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty Cổ phần**	**258**

Stt	Nội dung	Tổng số (người)
1	**Số lao động mà Hợp đồng lao động còn thời hạn**	-
2	**Số lao động nghỉ theo ba chế độ bảo hiểm xã hội, chia ra:**	-
	+ Ốm đau	-
	+ Thai sản	-
	+ Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	-
3	**Số lao động đang tạm hoãn Hợp đồng lao động, chia ra:**	-
	+ Nghĩa vụ quân sự	-
	+ Nghĩa vụ công dân khác	-
	+ Bị tạm giam, tạm giữ	-
	+ Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	-

Đối với người lao động đang làm việc theo chế độ hợp đồng khi chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng với người sử dụng lao động. Mọi chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế... của người lao động sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện theo chế độ hiện hành. Tiền lương và các khoản tiền thưởng căn cứ vào hợp đồng lao động của từng người theo Thỏa ước lao động tập thể, quy chế trả lương, trả thưởng. Mức lương bình quân của người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu do pháp luật quy định.

Người lao động phải chấp hành đầy đủ nội quy, kỷ luật của Công ty, pháp luật của Nhà nước và những quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.

Các mẫu biểu chi tiết liên quan đến Phương án lao động theo Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được đính kèm Hồ sơ cổ phần hóa.

9.2. Chi phí giải quyết chính sách đối với chế độ dôi dư và nguồn chi trả

✓ **Tổng chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư** là: 83.840.000 đồng. Trong đó: Tiền trợ cấp thôi việc: 8.050.000 đồng, tiền trợ cấp mất việc làm: 75.790.000 đồng.

✓ **Nguồn chi trả**: Căn cứ Mục 1 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ. thì:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá công khai, tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần lần đầu cho doanh nghiệp cổ phần hóa để xử lý lao động dôi dư và thanh toán chi phí cổ phần hóa theo dự toán chi phí đã xác định trong phương án cổ phần hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh

nghiệp;

- Trường hợp tổng số tiền thu từ đợt bán cổ phần lần đầu quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 39 Nghị định 126/NĐ-CP thấp hơn dự toán chi phí xử lý lao động dôi dư và dự toán chi phí cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt, doanh nghiệp cổ phần hóa được giữ lại toàn bộ khoản tiền thu này để thực hiện chi trả các khoản chi theo dự toán đã được phê duyệt và thực hiện quyết toán chính thức tại thời điểm doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

9.3. Kế hoạch tuyển dụng nhân sự

Trên cơ sở nhận định về quy mô thị trường, năng lực và nhu cầu hoạt động kinh doanh, Công ty dự kiến duy trì số lượng lao động hiện có trong 3 năm tiếp theo.

10. Phương án sử dụng đất đai sau khi cổ phần hóa

Đính kèm phương án sử dụng đất (đã được phê duyệt theo công văn số 802/UBND-KTTH ngày 28/12/2017).

III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Một số dự báo

- Nguồn cung xăng dầu thế giới không khan hiếm. Giá cả sẽ luôn biến động, nguyên nhân một phần do yếu cung cầu thị trường và một phần ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị. Trong khi đó nguồn cung trong nước sẽ được gia tăng bởi có thêm nhà máy lọc dầu Nghi Sơn sẽ đi vào hoạt động.
- Nhu cầu về xăng dầu trong nước vẫn tiếp tục tăng cơ học tương ứng ứng với tỷ lệ tăng trưởng của nền kinh tế đất nước khoảng 6,7 %/năm. Tuy nhiên, nhu cầu xăng dầu tái xuất sang các nước lân cận có thể giảm đặc biệt là thị trường Campuchia.
- Giá xăng dầu trong nước vẫn tiếp tục theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Chính phủ (theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP).
- Sẽ có thêm nhiều đầu mối nhập khẩu trực tiếp xăng dầu tham gia thị trường, do đó kinh doanh xăng dầu sẽ tiếp tục cạnh tranh nhiều hơn.

2. Mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty Cổ phần

- **Mục tiêu:**
  - ✓ Tiếp tục duy trì phát triển ổn định, phấn đấu luôn đứng trong Top 6 đầu mối nhập khẩu xăng dầu trong cả nước. Mức tăng sản lượng bình quân hằng năm 3,5% trong 5 năm tiếp theo.
  - ✓ Phấn đấu tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 8%.
- **Định hướng phát triển:**
  - ✓ Phương châm hoạt động: " Hợp tác cùng phát triển".

– **Kinh doanh chính:**

✓ Tiếp tục phát triển thị trường tiêu thụ xăng dầu Phía Nam, giữ vững thị trường tái xuất Campuchia.

✓ Tăng tỷ trọng bán lẻ so với bán buôn xăng dầu.

✓ Tự pha chế để đáp ứng khoảng 30% nhu cầu tiêu thụ xăng dầu của công ty.

✓ Kinh doanh thêm một số sản phẩm dầu mỏ khác như dầu nhờn, hoá chất.

✓ Duy trì các công ty thành viên kinh doanh có hiệu quả, tiếp tục thoái vốn các đơn vị kinh doanh hiệu quả thấp.

3. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

Trong 5 năm tới giá bán xăng dầu trong nước vẫn phải thay đổi theo biến động của giá dầu thế giới thường xuyên với biên độ lớn. Do đó tổng doanh thu của công ty cũng biến động không theo quy luật năm sau phải cao hơn năm trước.

3.1 Kế hoạch kinh doanh sau khi cổ phần hóa của PETIMEX

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1.355.226	1.355.226	1.355.226
2	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	11.300.000	12.430.000	13.673.000
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	11.200.000	12.320.000	13.552.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	100.000	110.000	121.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	80.000	88.000	96.800
6	LNST/Vốn điều lệ	%	5,90%	8,40%	8,70%
7	Tỷ lệ cổ tức	%	5,02%	5,52%	6,07%

Nguồn: PETIMEX

Ghi chú: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

3.2 Kế hoạch đầu tư:

✓ **Các dự án bắt đầu giai đoạn kỳ kế hoạch năm 2018:**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2018
I-	**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**		**628.499.000.000**	**549.506.000.000**
1	**Đầu tư xây dựng mới:**	**đồng**	**539.299.000.000**	**460.306.000.000**
a	Kho Long Bình Tân		87.299.000.000	53.306.000.000
b	Phòng thí nghiệm xăng dầu		12.000.000.000	9.000.000.000
c	Kho đầu mối hậu giang		290.000.000.000	265.000.000.000
d	Phát triển CHBLXD		100.000.000.000	100.000.000.000

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch 2018
e	Văn Phòng Công ty		50.000.000.000	33.000.000.000
2	**Đầu tư xây dựng nâng cấp, sửa chữa:**	**đồng**	**89.200.000.000**	**89.200.000.000**
a	Nâng cấp bồn T4,T5 kho Phước Khánh		44.000.000.000	44.000.000.000
b	Cần nhập tàu biển kho Phước khánh		15.000.000.000	15.000.000.000
c	Một số hạng mục kho Trần Quốc Toản		1.500.000.000	1.500.000.000
d	Nâng cấp sửa chữa 05 CHXD		16.700.000.000	16.700.000.000
e	Nâng cấp KS Hoà Bình		12.000.000.000	12.000.000.000
II	**ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**	**đồng**	**95.670.000.000**	**95.670.000.000**
1	Mua cổ phần 2 Cty CP tại Miền Đông Nam Bộ		67.300.000.000	67.300.000.000
2	Tăng vốn cổ phần tại Cty con (Cty CPTMDK Cửu Long, Cty CPNL Tây Đô)		28.370.000.000	28.370.000.000
	TỔNG CỘNG		**724.169.000.000**	**645.176.000.000**

✓ **Dự kiến kết quả đầu tư đến năm cuối kỳ kế hoạch năm 2018**

- Kho xăng dầu đầu mối Hậu Giang: Hoàn tất nhận chuyển nhượng dự án và QSDĐ trong quý I trị giá 70,3 tỷ đồng, tiếp theo là các thủ tục đầu tư để khởi công xây dựng đầu năm 2019;
- Kho đầu mối Long Bình Tân: Tiếp tục thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, các thủ tục xin Giấy phép xây dựng trong Quí I, triển khai thi công đầu Quí II, dự kiến hoàn thành trong Quí IV/2018;
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp Bồn T4, T 5 hoặc đầu tư thêm bồn mới tại kho Phước Khánh (bằng công nghệ móng bồn D-Box) để đảm bảo cơ cấu đủ mặt hàng;
- Cùng với việc hoàn tất thủ tục nâng cấp để cảng Phước Khánh tiếp nhận tàu biển trọng tải trên 40.000 tấn cập bến thường xuyên, sẽ đầu tư cần nhập tàu biển bán tự động trị giá khoảng 15 tỷ đồng;
- Tuỳ vào số lượng E 5 tiêu thụ sẽ đầu tư thêm Hệ thống pha chế xăng E5 tại kho Trần Quốc Toản theo công nghệ intank hoặc inline;
- Phòng Thí nghiệm xăng dầu: Trong năm 2018, Petimex phải tự đầu tư hoặc

liên kết đầu tư tại Kho Phước Khánh để đáp ứng nhu cầu Giấy phép pha chế xăng E 5 ;

- Đến cuối năm 2018, xây dựng hoàn thành 04 cửa hàng xăng dầu đã nhận chuyển nhượng xong QSDĐ chi phí khoảng 20 tỷ. Ngoài ra, có thể mua thêm cửa hàng hoặc nhận chuyển nhượng QSDĐ để đầu tư tại TP.HCM, Cần Thơ, Đồng Tháp;
- Đầu tư nâng cấp hoàn tất các cửa hàng ĐT 34, Thốt Nốt, Tầm Vu, An Phong, Ngãi Tứ, Quận 12 tổng chi phí khoảng 16,7 tỷ đồng;
- Văn phòng mới: Nếu trúng đấu giá sẽ hoàn tất các thủ tục đầu tư để khởi công xây dựng trong Quí IV-2018;
- Để giữ vững thị trường bán buôn tại Miền Đông sẽ mua thêm cổ phần tại 1 Công ty liên kết và mua cổ phần chi phối tại Tổng Đại lý bằng hình thức đấu giá theo chủ trương đã được UBND tỉnh duyệt. Góp tăng vốn tại Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô và tại Công ty CP TM Dầu khí Cửu Long.

4. Giải pháp thực hiện

Tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

- **Về thị trường:**
  - ✓ Thị trường đầu vào:
    - Tăng cường công tác dự báo và ứng phó với biến động của giá dầu thế giới.
    - Cân đối hài hoà, tối ưu việc nhập khẩu và mua hàng các nhà máy lọc dầu trong nước.
  - ✓ Thị trường đầu ra:
    - Duy trì phát triển ổn định thị trường phía nam.
    - Củng cố và phát triển thị trường tái xuất sang Campuchia.
- **Về đầu tư:**
  - ✓ Đầu tư mở rộng kho đầu mối và bổ sung chức năng kho ngoại quan tại khu vực Miền Đông Nam Bộ.
  - ✓ Đầu tư mới kho đầu mối tại khu vực Miền Tây Nam Bộ.
  - ✓ Đầu tư mới Hệ thống pha chế xăng dầu tại các kho đầu mối.
  - ✓ Đầu tư mới và tối ưu hoá hệ thống kho trung chuyển.
  - ✓ Đầu tư mới cửa hàng xăng dầu theo hướng có nhiều dịch vụ kèm theo.
  - ✓ Đầu tư vào công tác nghiên cứu sản phẩm mới chủ yếu là sản phẩm từ dầu mỏ, hoá chất.
- **Về tài chính:**
  - ✓ Tăng cường công tác dự báo và ứng phó với biến động của tỷ giá ngoại tệ.

- ✓ Tăng cường sử dụng các công cụ tài chính để có chi phí sử dụng vốn tối ưu.
- ✓ Tiếp tục cơ cấu lại một số tài sản để tạo nguồn vốn tái đầu tư tài sản cố định.
- ✓ Tiếp tục tìm giải pháp để tiết giảm chi phí trung chuyển hàng hoá ….

– **Về nhân sự và công tác quản lý:**

- ✓ Tiếp tục sử dụng đội ngũ lao động hiện có và có đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn; công tác tuyển dụng mới phải đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn mới.
- ✓ Tiếp tục áp dụng, nâng cấp công tác quản lý chung theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 hoặc theo hệ thống quản lý chuyên nhành xăng dầu theo tiêu chuẩn ISO/TS29001:2010.
- ✓ Xây dựng dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng về năng lực thử nghiệm, pha chế xăng dầu theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007.
- ✓ Từng bước áp dụng công nghệ quản lý tự động tại các kho xăng dầu và cửa hàng xăng dầu.

IV. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

PETIMEX xây dựng dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần gồm 16 chương và 54 Điều theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

(Bản Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty kèm theo Phương án cổ phần hóa)

PHẦN IV

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Trường hợp Công ty đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ tiến hành đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán: Sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ tiến hành bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Các điều kiện niêm yết chính trên HSX và HNX

Khoản mục	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Vốn điều lệ	>= 120 tỷ	>= 30 tỷ
Hoạt động kinh doanh	02 năm dưới hình thức CTCP (ngoại trừ DNNN cổ phần hóa và niêm yết)	1 năm dưới hình thức CTCP (ngoại trừ DNNN cổ phần hóa và niêm yết)
	Kết quả kinh doanh 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết phải có lãi	
	ROE năm gần nhất >= 5%; Không có lỗ lũy kế	
Cổ đông và tỷ lệ nắm giữ	Tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất 300 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ (ngoại trừ DNNN cổ phần hóa)	Tối thiểu 15% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ (ngoại trừ DNNN cổ phần hóa)
Nợ quá hạn	Không có nợ phải trả quá hạn > 1 năm	

Khoản mục	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Cam kết nắm giữ	Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc, và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc, và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.	
Báo cáo kiểm toán	BCTC riêng và hợp nhất của Công ty đăng ký niêm yết phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận. Ý kiến kiểm toán là chấp thuận toàn bộ, nếu có ngoại trừ thì không trọng yếu và có tài liệu giải thích hợp lý.	

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các hạng mục công việc với lộ trình dự kiến như sau:

Stt	Hạng mục công việc	Thời gian thực hiện dự kiến (ngày làm việc)
I	**Thực hiện IPO**	
1	UBND tỉnh duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Thống nhất lộ trình đấu giá chi tiết với Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	T+1 đến T+2
3	Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá	T+5 đến T+7
4	Tổ chức buổi đấu giá và lập Biên bản xác định Kết quả đấu giá	T+27
5	Nhà đầu tư mua cổ phần qua đấu giá nộp tiền	T+28 đến T+38
6	CBCNV nộp tiền mua cổ phần ưu đãi	T+28 đến T+38
7	Tổng hợp kết quả bán cổ phần	T+39 đến T+40
8	Ban chỉ đạo CPH báo cáo kết quả bán cổ phần và trình thông qua phương án điều chỉnh quy mô vốn điều lệ.	T+41
9	Trình kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	T+42 đến T+43
II	**Tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu (ĐHĐCĐ) và đăng ký doanh nghiệp**	
1	Soạn thảo tài liệu gửi cổ đông	T+41 đến T+51
2	Công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội, gửi thư mời đại hội	T+52
3	Họp ĐHĐCĐ và Tư vấn trực tiếp tại Đại hội	T+62
4	Đăng ký KD Công ty CP	T+63 đến T+70

II. KIẾN NGHỊ

Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần bán ra bên ngoài theo cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án, Công ty đề nghị Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp cho phép Công ty được điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, tỷ lệ vốn Nhà nước cho phù hợp với thực tế trước khi Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu.

Phương án này đã được thông qua tại Hội nghị người lao động bất thường của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp ngày 07/03/2018.

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 07 năm 2018

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THANH MÂN

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 07 năm 2018

T/M BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH

CHÂU HỒNG PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày ... tháng 07 năm 2018

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ 2

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP 2

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 7

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY 10

CHƯƠNG IV CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 10

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 22

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH 32

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT 34

CHƯƠNG VIII NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC 37

CHƯƠNG IX QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 39

CHƯƠNG X CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 40

CHƯƠNG XI MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON 40

CHƯƠNG XII CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 43

CHƯƠNG XIII BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 45

CHƯƠNG XIV TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY - GIẢI THỂ 45

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 46

CHƯƠNG XVI HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC 46

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp ("dưới đây gọi là Công ty ") là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2018.

CHƯƠNG I
QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau :
   a. *"Việt Nam"* là Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   b. *"Công ty"* là Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;
   c. *"Vốn điều lệ"* là số vốn do tất cả các cổ đông góp và quy định tại Điều 5 điều lệ này;
   d. *"Luật Doanh nghiệp"* là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

d. *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

e. *"Cán bộ quản lý"* là bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn: Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

g. *"Người có liên quan"* là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

h. *"Thời hạn hoạt động"* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. *"Công ty con"* là các Công ty do Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp góp vốn với trên 50% vốn điều lệ;

k. *"Cổ đông chiến lược"* là các cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

i. *"Hội đồng quản trị"* viết tắt là HĐQT;

j. *"Ban kiểm soát"* viết tắt là BKS;

k. *"Đại hội đồng cổ đông"* viết tắt là ĐHĐCĐ.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Đơn vị trực thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên tiếng việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP.**

Tên tiếng Anh: DONG THAP PETROLEUM TRADING IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **PETIMEX**

2. PETIMEX là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Trụ sở chính: Số 140, Quốc Lộ 30, Phường Mỹ Phú, Cao Lãnh, Đồng Tháp

Điện thoại: 0277.3851056 - Fax: 0277.3851937

Email: info@petimex.com.vn -Website: http://petimex.com.vn/

4. Logo của công ty: PETIMEX

5. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập đơn vị trực thuộc tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn được nêu tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu. Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng. Mua bán các chất bôi trơn. Chiết nạp gas. Xuất nhập khẩu gas (LPG).	4661 (chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ kho ngoại quan. Cho thuê kho bãi. Cho thuê cầu cảng.	5210
3	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động nghệ thuật sân khấu, hoạt động karaoke. Kinh doanh khu vui chơi giải trí.	9329
4	Bán buôn thực phẩm.	4632
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu phân bón.	4669

6	Trồng cây cà phê.	0126
7	Trồng cây hồ tiêu.	0124
8	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết: Trồng cây lương thực.	0112
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải đường bộ.	4933
10	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, đường thủy.	5224
11	Trồng cây điều.	0123
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, hàng kim khí điện máy.	4659
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển (nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt); dịch vụ cảng và bến cảng; dịch vụ dọn vệ sinh tàu thuyền, đánh cặn tàu thuyền; dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển (lai dắt tàu theo luồng, cứu hộ trên biển, trên sông).	5229
14	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: kinh doanh vận tải đường thủy.	5022
15	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ massage, xông hơi.	9610
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

	Chi tiết: Mua bán nông sản.	
17	Trồng cây cao su.	0125
18	Trồng lúa.	0111
19	Trồng cây ăn quả.	0121
20	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn ăn uống.	5510
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng; hàng trang trí nội thất.	4663
22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà (bao gồm xây dựng , mua bán, cho thuê). Hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	6810
23	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ du lịch.	7911
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, gas.	4730

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của

pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Địa bàn hoạt động của công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty: 1.355.225.860.000 VND (Một ngàn ba trăm năm mươi lăm tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ngàn Việt Nam đồng).
   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 135.522.586 cổ phần với mệnh giá là mười ngàn Việt Nam đồng (10.000 VND/cổ phần).
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phát hành thêm (nếu có) phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã cháo bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người nắm giữ, tên mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức và các thông tin bắt buộc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, cổ đông sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó, cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
   a. Nêu rõ lý do bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì phải đem trả cho Công ty để tiêu hủy.
   b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

   Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Việt Nam đồng, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp giấy chứng nhận cổ phiếu mới.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy toàn bộ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Cổ phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán, quyền biểu quyết và các quyền phát sinh từ hoặc liên quan đến cổ phần đó.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi theo cam kết được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần ưu đãi.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. HĐQT có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng Nhà nước qui định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.

HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát; và
4. Tổng Giám đốc .

CHƯƠNG IV
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Nếu không có ràng buộc và cam kết khác thì cổ đông được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
   d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 điều 24 và khoản 5 điều 32 điều lệ này;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại điều 114 Luật Doanh nghiệp và Điều 13 Điều lệ Công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

Không được rút vốn ra khỏi Công ty trái quy định. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
4. Cổ đông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   - Vi phạm pháp luật;
   - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Báo cáo về sở hữu của cổ đông lớn và có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, lựa chọn địa điểm phù hợp và địa điểm phải nằm trên địa bàn tỉnh nơi Công ty đăng ký trụ sở chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. HĐQT phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị giảm ít nhất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này, hoặc vốn chủ sở hữu bị giảm như quy định tại điểm b khoản 3 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp các cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp các cuộc họp nêu trên thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền

thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều 114 Luật doanh nghiệp và điều 13 Điều lệ này.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
   a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
   b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
   d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết về các vấn đề sau :
   a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
   b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền lợi gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
   c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
   d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
   đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
   e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, tổng số tiền thù lao hoặc tổng mức tiền lương của Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, tiền thù lao hoặc tiền lương của Ban kiểm soát;
   g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
   h. Loại và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
   i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
   k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
   l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
   m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
   n. Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại ;
   o. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
   p. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
   q. Các vấn đề khác theo quy định Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc giao dịch;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 điều này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông .

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung sau đây:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

b. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thức cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

đ. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền.

5. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền của luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 16. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này (ngoại trừ Đại hội cổ đông thành lập Công ty).
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây
   a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 ngày trước ngày gởi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
   b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
   c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 16 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 35% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.
   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.
5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
6. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.
7. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
8. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng

quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

10. Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
   a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
   b. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:
      - Định hướng phát triển Công ty;
      - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
      - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
      - Thông qua báo cáo tài chính năm;
      - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:
   a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
      - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
      - Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
      - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
      - Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
      - Tổ chức lại, giải thể Công ty.
   b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 điều này.
   c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 2

ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
   đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
   e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
   e. Các quyết định đã được thông qua;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục

quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 22. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp qui định tại khoản 2, điều 23, điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 23. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như qui định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết theo quy định tại điều 22 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toà án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG V
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05)

năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị:
   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
   b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
   c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
   d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
   a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
   b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

   a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

   b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

   c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

   d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, nội quy, quy chế quản lý Công ty;

   đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó;

   e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, người quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

n. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin của Công ty được quy định cụ thể như sau:

n.1. Người có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của luật doanh nghiệp phải gởi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin cho Chủ tịch HĐQT, trong văn bản yêu cầu phải nêu cụ thể những nội dung như: Họ và tên, chức vụ; từng loại thông tin, tài liệu, hồ sơ cần cung cấp; mục đích và lý do sử dụng từng loại thông tin, tài liệu cần cung cấp.

n.2. Khi nhận được văn bản yêu cầu, Chủ tịch HĐQT cho ý kiến cụ thể về việc cung cấp từng thông tin, tài liệu, nhất là các thông tin, tài liệu có liên quan trực tiếp đến bí mật kinh doanh và bí mật tài chính. Căn cứ vào mục đích và lý do chính đáng trong việc sử dụng từng loại thông tin, tài liệu Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét và quyết định. Thời hạn cung cấp thông tin là 3 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT quyết định, những vấn đề cần thời hạn dài hơn do Hội đồng quản trị quyết định.

n.3. Khi nhận được ý kiến của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc và những người quản lý có trách nhiệm tạo điều kiện để người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp tiếp cận, đọc và ghi chép các thông tin cần thiết, được quyền trao đổi, chất vấn những người phụ trách các hồ sơ, tài liệu.

n.4. Quá trình tiếp cận, đọc, ghi chép các thông tin, tài liệu và trao đổi, chất vấn đối với những người có trách nhiệm chỉ được tiến hành tại trụ sở của Công ty và

trong giờ làm việc. Người yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu không được tự ý photo, sao chụp tài liệu dưới mọi hình thức.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
   a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
   b. Thành lập các công ty con của Công ty;
   c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều lệ này và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);
   d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
   đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
   e. Quyết định các khoản đầu tư, giao dịch mua bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
   g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
   h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
   i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
   k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
   l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản

thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị .

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
   đ. Chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì.
   Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
   a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
   b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
   c. Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần

thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

   Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

   a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

   d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết

hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

    a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

    b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

    Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

    Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

    Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành

nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác. các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

    Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

17. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
    a. Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
    b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp, thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
    c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
    d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết phải được mở trước sự chứng kiến của .tất cả những người dự họp.

18. Những người được mời dự thính: Thư ký Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Kiểm soát viên, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo thư mời của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng quản trị.

19. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

CHƯƠNG VI
CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng (nếu tổng giám đốc thuê) trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nghĩa vụ và quyền hạn được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho các Phó tổng giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của

mình. Người được Tổng giám đốc ủy nhiệm. ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

4. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
   b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty
5. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
   d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
   đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
   g. Tuyển dụng lao động;
   h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định hai (02) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Thạm dự các cuộc họp quy định tại khoản 1 Điều này, ghi chép biên bản.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII
BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đangthực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
3. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:
   a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
   b. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
   c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
   d. Kiểm soát viên Công ty Cổ phần niêm yết, Công ty do Nhà Nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

4. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
   b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
   c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông
5. Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
7. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
   a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
   b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
   c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
   d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
   đ. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

d. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

đ. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

e. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

g. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

h. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

k. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn đề xuất;

l. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

m. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

n. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

o. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

đ. Toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

CHƯƠNG VIII
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích

cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và thực hiện trách nhiệm theo Điều 160 Luật doanh nghiệp.
2. Cổ đông (người đại diện được ủy quyền) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều cổ đông (người đại diện được ủy quyền) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, người quản lý khác và những người liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
   b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông có lợi

ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm và thiệt hại bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
   a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
   b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài

sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

CHƯƠNG X
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.
2. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI
MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON

Điều 39. Quyền và trách nhiệm của Công ty đối với Công ty con

1. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong quan hệ với Công ty con theo quy định.
2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng.
3. Công ty không được can thiệp ngoài (vượt) thẩm quyền của chủ sở hữu buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

Điều 40. Quyền và trách nhiệm của người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở Công ty con

1. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện:

a. Người đại diện thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng các nhiệm vụ được chủ sở hữu giao. Kịp thời báo cáo cho Công ty về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

b. Người đại diện phải xin ý kiến chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định mọi vấn đề tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tổ chức lại, giải thể, phá sản; ban hành điều lệ, sửa đổi – bổ sung điều lệ; việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đề cử để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm.

2. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện:

a. Người đại diện, điều hành tại các Công ty con được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác quy định tại điều lệ của công ty đó và do công ty đó trả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, hàng năm người đại diện còn được thưởng theo quy chế quản lý Người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con.

b. Người đại diện kiêm nhiệm, không tham gia chuyên trách trong Ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì thù lao,tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các quyền lợi khác được hưởng do Công ty chi trả theo quy định của pháp luật;

c. Người đại diện khi được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Công ty. Công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần của Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của chủ sở hữu vốn. Trường hợp Người đại diện được cử làm đại diện phần vốn của công ty tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển quyền mua cổ phần còn lại cho chủ sở hữu vốn.

3. Chế độ báo cáo của Người đại diện:

Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty con được cử làm Người đại diện, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu. Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Công ty đầu tư tại các Công ty con

4. Những quy định về người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại các Công ty con sẽ được cụ thể hóa tại Quy chế quản lý Người đại diện vốn của Công ty.

Điều 41. Quan hệ với các Công ty con

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.
2. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con.
3. Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại các Công ty con. Người đại diện được trực tiếp tham gia ứng cử vào các chức danh điều hành quản lý tại các Công ty con, phù hợp với pháp luật hiện hành và điều lệ của công ty đó.
   b. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các Công ty con;
   c. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con;
   d. Yêu cầu Công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu, thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;
   đ. Công ty có quyền chi phối các Công ty con thông qua người đại diện phần vốn ở các Công ty con phù hợp với Điều lệ của Công ty. Điều lệ của Công ty con bị chi phối các vấn đề sau: định hướng phát triển ngành và lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư, thương mại, dịch vụ; Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khai thác thị trường; sử dụng thương hiệu chung của Công ty trong kinh doanh; và các công việc khác theo quy định của pháp luật.
   e. Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và điều lệ của Công ty đó.
4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty con:
   a. Thực thi tất cả các nghĩa vụ theo quy định về quyền của chủ sở hữu tại khoản 3 điều này;
   b. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn góp của Công ty;
   c. Thực hiện trả lợi tức cho Công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành;

d. Cung cấp các báo cáo, tài liệu, thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty;

Điều 42. Sử dụng dịch vụ chia sẻ

Công ty xây dựng và thực hiện quy chế sử dụng dịch vụ chia sẻ chung trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật công nghệ tạo cơ sở cho sự phát triển đồng đều của các đơn vị thành viên và tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

CHƯƠNG XII
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,

những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY - GIẢI THỂ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
   b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đôngquyết định. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

CHƯƠNG XV
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XVI
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
   Công ty chỉ có 01 (một) con dấu doanh nghiệp.
   Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký mẫu con dấu của doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 16 Chương 54 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại dầu khí Đồng Tháp nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 tại Đồng Tháp và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
   a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
   b. Một (01) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh;
   c. Tám (08) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

(PETIMEX)

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT CỔ PHẦN HÓA

(Lần 4)

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực ...6999... Quyển số ..02.. -SCT/BS

Ngày .31. tháng .8. năm 2018.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Lê Phú Toàn

Năm 2017

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 802 /UBND-KTTH V/v phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 12 năm 2017*

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
ĐẾN Số: 03
Ngày: 02/01/2018

Kính gửi:
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Xét đề nghị tại Công văn số 069/HĐTV.TMDK ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Thương mại dầu khí Đồng Tháp về việc đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang công ty cổ phần; ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 3580/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/12/2017 (văn bản kèm theo), Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

1. Thống nhất phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp khi chuyển sang công ty cổ phần, theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản nêu trên.

2. Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp có trách nhiệm thực hiện phương án trên đúng theo quy định.

(Văn bản này thay thế văn bản số 261/UBND-KTTH ngày 30/5/2016 của Uỷ ban nhân dân Tỉnh)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH-HSĩ.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3580 /STNMT-CCQLĐĐ

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 12 năm 2017

V/v phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP
ĐẾN Số: 810
Ngày 12/12/2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1682/VPUBND-KTN ngày 21/11/2017 về việc phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

Sau khi phối hợp với các ngành liên quan xem xét phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần theo đề nghị của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tại Công văn số 069/HĐTV.TMDK ngày 07/11/2017. Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Diện tích đất Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp tiếp tục sử dụng.

a) Đất trong tỉnh Đồng Tháp: Diện tích **137.273,40 m^2** tăng 181,00 m^2

b) Đất ngoài tỉnh Đồng Tháp: Diện tích **432.571,95 m^2** tăng 15.524,4 m^2.

(danh sách chi tiết các khu đất kèm theo tại phụ lục 01)

2. Đối với các khu đất đã góp vốn thành lập pháp nhân mới. Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp được tiếp tục kế thừa tính vào giá trị cổ phần hóa như khoản đầu tư dài hạn quy định tại Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, giao Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp thực hiện các nội dung sau:

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ để giải quyết đối với quyền sử sụng đất đang tranh chấp.

- Hoàn chỉnh các thủ tục đất đai để chuyển quyền sử dụng đất cho pháp nhân mới đối với các khu đất đã góp vốn thành lập pháp nhân mới (Phụ lục 2) và các khu đất đang là tài sản vô hình tại Phụ lục 5 được trích ra từ Phụ lục 1.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ.lg.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Nhựt Pháp

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **CÔNG TY TNHH MTV** **TM DẦU KHÍ ĐT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 069/HĐTV.TMDK V/v đề nghị phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty cổ phần	*Đồng Tháp, ngày 07 tháng 11 năm 2017*

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
- Sở Tài chính Đồng Tháp
- Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần; Quyết định số 09/2007/QĐ/TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà Nước;

Thực hiện Quyết định số 995/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc cổ phần hoá Công ty TNHH MTV TM Dầu khí Đồng Tháp; và cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND-HC ngày 31/03/2017 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Dầu khí Đồng Tháp,

Nay, Tổ Giúp việc trình lại Phương án sử dụng đất thời điểm 31/12/2016 như sau:

Phần I

A- Các khu đất Công ty đề nghị được tiếp tục sử dụng: 569.845,35 m^2 ***(Phụ lục 01 kèm theo)***. Gồm có:

I. Đất trong tỉnh Đồng Tháp: 137,273,40 m^2

Đề nghị được tiếp tục sử dụng theo mục đích đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, Đất kho Trần Quốc Toản ghi nhận theo Quyết định số 327/QĐ-UBND-NĐ ngày 25/10/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chưa trừ diện tích đã cổ phần hoá Công ty cổ phần cơ khí Xây dựng Đồng Tháp 9.500 m^2 và cổ phần hoá Công ty cổ phần khí hoá lỏng Đồng Tháp 2.037,86 m^2 .

II. Đất ngoài tỉnh Đồng Tháp

Đề nghị được tiếp tục sử dụng theo mục đích đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng số thửa 83. Tổng diện tích 432.571,95 m^2. Trong đó:

1. Tại TP. Hồ Chí Minh:

- Số thửa: 8. Tổng diện tích 14.388,25 m^2
- Trong đó, đất thuê trả tiền hàng năm có 2 thửa, tổng diện tích 5.277 m^2

Ghi chú: đất công ty nhận chuyển nhượng bằng tiền không thuộc ngân sách nhà nước cấp nhưng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức nhà nước cho thuê đất thu tiền hàng năm.

2. Tại Tỉnh Bình Phước:

- Số thửa: 2. Tổng diện tích 34.766,20 m^2
- Trong đó, đất thuê trả tiền hàng năm 01 thửa, tổng diện tích 3.993,60 m^2

Ghi chú: đất công ty nhận chuyển nhượng (bản án) bằng tiền không thuộc ngân sách nhà nước cấp nhưng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức nhà nước cho thuê đất thu tiền hàng năm.

3. Tại Tỉnh Đồng Nai:

- Số thửa: 13. Tổng diện tích 137.332,40 m^2
- Trong đó,

+ Đất mặt nước thuê trả tiền hàng năm có 1 thửa, diện tích 4.833,80m^2

+ Đất nhận chuyển nhượng năm 2016 để đầu tư dự án kho xăng dầu tuyến sau Long Bình Tân gồm 8 thửa, tổng diện tích theo sổ sách: 8.463,50m^2, diện tích này có thể biến động tăng giảm theo trích đo của cơ quan chức năng khi thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

4. Tỉnh Bà Rịa:

- Số thửa: 3.Tổng diện tích 85.429,70 m^2

Trong đó, có 1 thửa nhận chuyển nhượng trong năm 2016 có tài sản là cửa hàng xăng dầu, diện tích đất 3,754,60 m^2.

5. Tỉnh Hậu Giang:

- Số thửa: 2.Tổng diện tích 2.115,70 m^2

6. TP. Cần Thơ

- Số thửa: 25.Tổng diện tích 114.848,10 m^2

7. Tỉnh Sóc Trăng

- Số thửa: 5.Tổng diện tích 12.105,40 m^2
- Trong đó, đất thuê trả tiền hàng năm có 1 thửa, diện tích 3.794,00 m^2

Ghi chú: đất công ty nhận chuyển nhượng bằng tiền không thuộc ngân sách nhà nước cấp nhưng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với hình thức nhà nước cho thuê đất thu tiền hàng năm.

8. Tỉnh Bạc Liêu

- Số thửa: 3.Tổng diện tích 2.168,00 m^2

9. Tỉnh Vĩnh Long

- Số thửa: 22.Tổng diện tích 29.418,20 m^2

Trong đó có 5 thửa đang thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 2.683,50 m^2

III. Đất đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý (phụ lục 05): đất đang là tài sản vô hình được trích ra từ phụ lục 01 có tổng diện tích là: 154.766,10 m^2

Công ty tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý trong quá trình cổ phần hoá và sau cổ phần hoá. Vẫn định giá tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần như đã nêu tại phụ lục 01 của phương án này.

B- Đối với các khu đất đã cổ phần hoá công ty thành viên, góp vốn thành lập pháp nhân mới *(Phụ lục 02 kèm theo).*

I. Đất cổ phần hoá các đơn vị trực thuộc

1.Đất được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: 7.459,90m^2 đã sang tên.

2.Đất nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm:11.537,86m^2 (gồm 9.500m^2 + 2.037,86m^2) chưa sang tên.

II. Đất đã góp vốn: 24.314,40m^2 và xác định như khoản đầu tư dài hạn quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.Trong đó, diện tích đã sang tên xong đến ngày 30/10/2017 là 5.996,90m^2.

C- Đối với quyền sử dụng đất đang tranh chấp *(phụ lục 03 chưa cập nhật vào phụ lục 01)*

Diện tích 446 m^2 tại đường Mậu Thân, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Trong Bản án có hiệu lực pháp luật, tuyên giao cho Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp) quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật, (giá trị dựa theo giá thẩm định thửa đất liền kề, ước tính khoảng 10.307.060.000 đồng). Công ty tiến hành thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo Bản án thì đã có người khác đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên. Hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp gửi Công văn nhờ Ủy ban nhân dân TP Cần Thơ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường TP Cần Thơ trích lục truy tìm lại nguồn gốc thửa đất và cấp cho Công ty theo Quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Công ty kính trình đến Ban Chỉ đạo cổ phần hoá trình UBND tỉnh xem xét quyết định cập nhật 446 m^2 này vào phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá. Sau này nếu Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ định giá bổ sung vào giá trị doanh nghiệp.

Phần II:

Đất chuyển sang đất thuê trả tiền hàng năm phải xử lý về tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá

Là các khi đất phải chuyển từ giao đất có thu tiền sang đất thuê trả tiền hàng năm *(phụ lục 04 được tách ra từ phụ lục 01):*

Những thửa đất này đã được định giá trên cơ sở là đất giao có thu tiền sử dụng đất và được UBND Tỉnh phê duyệt tăng vốn công ty vào năm 2011 với tổng giá trị 52.733.046.843 đồng và đang hạch toán tài sản vô hình.

Nay, phải chuyển sang đất thuê trả tiền hàng năm thì phần giá trị ghi trên sổ sách 52.733.046.843 đồng này theo hướng dẫn tại Điểm c, Khoản 6, Nghị định 189/2013/NĐ-CP: "*Giá trị quyền sử dụng đất giao còn lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xác định là số tiền doanh nghiệp đã trả trước tiền thuê đất cho một khoảng thời gian nhất định theo mặt bằng giá thuê đất tại*

thời điểm doanh nghiệp hoàn tất thủ tục thuê đất với cơ quan quản lý tại địa phương...". Số tiền này nếu không được ghi giảm giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá thì phải ghi nhận vào chi phí kinh doanh hàng năm sau khi chuyển sang công ty cổ phần. Mặc khác, số tiền 52.733.046.843 đồng đã được tính cho hình thức nhà nước giao đất trả tiền một lần đến nay lại phân bổ tiền thuê đất hàng năm là không hợp lý.

Do đó, khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá PETIMEX kính trình Ban Chỉ đạo cổ phần hoá, UBND Tỉnh xem xét quyết định không tính vào giá trị doanh nghiệp và cho bù trừ số tiền 52.733.046.843 đồng vào khoản chênh lệch khi xác định lại giá trị doanh nghiệp do các thửa đất này được nhà nước thu hồi và chuyển sang cho thuê theo hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm. Công ty sẽ nộp tiền thuê đất hàng năm sau khi chuyển sang công ty cổ phần.

Trân trọng kính chào!

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Trần Quang Sĩ

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐTV, KSV Cty;
- Ban TGĐ Cty;
- Lưu VP, P.TCKT,KHDT,TCHC

PHỤ LỤC 01

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CỔ PHẦN HOÁ

ĐẤT ĐANG LÀ TÀI SẢN VÔ HÌNH, THẨM ĐỊNH GIÁ TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

(kèm theo công văn số 3550/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Địa chỉ lô đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m2)	Hiện trạng sử dụng (31/12/2016)									Hồ sơ pháp lý	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang cổ phần hoá		Ghi chú
					Diện tích được giao (m2)		Diện tích cho thuê (m2)		Đang chờ cấp lại Giấy CNQSDĐ	Thời hạn giao , cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Tài sản trên đất		PA sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất	
					Lâu dài	có thời hạn	Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm									
A-	TRONG TỈNH ĐỒNG THÁP			137,273.40													
I-	*TP CAO LÃNH*																
1	Đất Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Phú	161	6	18,078.30	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Dự án nhà ở	SDĐ số: AM305597	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 220/QĐ-UBND NĐ ngày 29/08/2017	
		291	5	1,650.00		10/15/2043					Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ	CHXD	SDĐ số: AG006535	Đất CSSX,KD	nhà nước CNQSDĐ	
		2	5	1,374.00		10/15/2013					Đất trồng lúa	Nhà nước CNQSDĐ	DA mở rộng CHXD	SDĐ số: AG006536	Đất trồng lúa	nhà nước CNQSDĐ	
2	Đất nhà tập thể: Lê Duẩn, P. Mỹ Phú, TP.CL	159	6	1,370.00	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Nhà ở công nhân	SDĐ số: AM305596	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 220/QĐ-UBND NĐ ngày 29/08/2017	
3	Đất VĂN PHÒNG CTY SỐ 140,QL 30. MỸ PHÚ ,TPCL, ĐT	325	10	1,190.90	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Văn phòng công ty	SDĐ số: AC807408	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 220/QĐ-UBND NĐ ngày 29/08/2017	

	Đất VPCTy (ĐẠT KS THIÊN ÂN)	240	10	919.50	X						Đất trụ sở cơ quan	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Văn phòng công ty	SDĐ số: AC807409	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 220/QĐ-UBND NĐ ngày 29/08/2017	
4	Khách sạn Hoà Bình:																
	4.1- Khu trước	46	11	5,392.70		11/25/2018		11/25/2018	5,392.7	13 Năm	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐHN	Khách sạn	SDĐ số: AG045064	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 326/QĐ-UBND NĐ ngày 25/10/2017	
	- Khu sau	65	10	307.00		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	Khách sạn	SDĐ số: AG006525	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	
		55	10	400.00	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ		SDĐ số: AG006526	Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ	
		408	10	3,016.00		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ		SDĐ số: AG006529	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	
		57	11	404.00		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ		SDĐ số: AG006530	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	
	- Khu mới mua sau 2000	192	11	80.00	X						Đất CSSX,KD	CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ	Khách sạn	SDĐ số: BC552099	Đất CSSX,KD	CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		93	11	43.80		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ		SDĐ số: BC552101	Đất trồng cây lâu năm	CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ	
		98	11	58.30	X						Đất CSSX,KD	CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: BC552100	Đất CSSX,KD	CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		99	11	59.10	X						Đất CSSX,KD	CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: BC552102	Đất CSSX,KD	CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
5	Trạm xăng Mỹ Trà 2	221	10	467.10		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	Cửa hàng xăng dầu	SDĐ số: AD988431	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	
		391	10	400.00	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ " đã được chuyển mục đích sử dụng từ đất ở đô thị"		SDĐ số: AD988433	Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ " đã được chuyển mục đích sử dụng từ đất ở đô thị"	
		588		267.40							XD				XD		

6	KS Cao Lãnh	100	7	227.80	X						Đất CSSX,KD	CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ	Khách sạn	SDĐ số: AD998406	Đất CSSX,KD	CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
7	Kho Trần Quốc Toản	109	16	28,446.80					28,446.8		ĐẤT XD	Đất thuê trả tiền hàng năm	Tổng kho xăng dầu	SDĐ số: AA493847	Đất SXKD phi nông nghiệp	Thuê đất trả tiền hằng năm theo QĐ số 327/QĐ-UBND NĐ ngày 25/10/2017	
		110	16	26,995.60					26,995.6				Tổng kho xăng dầu				chưa trừ diện tiền cổ phần hoá: Cty Khí hóa lỏng: 2.037,86 m2; Công ty cơ khí: 9.500m2.
8	Quyền sử dụng đất tại khóm 03, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (thửa 602: 7.473.9 m2 đã chuyển nhượng Cty CP Nhiên liệu Đồng Tháp 1.100m2)	506	8	2,878.70		10/15/2013					Đất trồng lúa	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Vườn cây ăn trái	SDĐ số: AD988449	Đất trồng lúa	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	
		392	8	3,706.10		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất		SDĐ số: AD988450	Đất trồng cây lau năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	
		603	8	871.30		0/10/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ nhu GĐKTTSDĐ		SDĐ số: BC697846	Đất trồng cây lau năm	Nhà nước CNQSDĐ nhu GĐKTTSDĐ	
		602	8	6,373.90		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất		SDĐ số: AD988451	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Đã trừ phần đất đã bán cho DFC
II-	***HUYỆN THÁP MƯỜI***																
9	Kho Trường Xuân																
	Đất Ấp 4 kho trường xuân	1833	2	2,227.00				2/1/2055		5,426.70	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐNH	kho xăng dầu	SDĐ số: AB591307	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐHN	
	Đất Ấp 4 kho trường xuân	1834	2	1,463.00				2/1/2055			Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐNH		SDĐ số: AB591308	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐHN	
	Đaất trường xuân Tháp Mười	2282	2	427.50				2/12/2057			Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐNH		SDĐ số: AI328568	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐHN	
	Đất Ấp 4 kho trường xuân	2554	2	1,567.80		10/15/2013					Đất trồng lúa	Nhà nước CNQSDĐ		SDĐ số: AP115830	Đất trồng lúa	Nhà nước CNQSDĐ	

	Đất Ấp 4 kho trường xuân	515	2	1,575.00		10/15/2013					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ		SDĐ số: AP115829	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	
	Đất Ấp 4 kho trường xuân	2565	2	1,309.20				8/10/2059			Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐNH		SDĐ số: AP080013	Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐHN	
10	Trạm xăng Mỹ an + Nhà hàng (thửa số 6: 1.500 m2)	56	20	949.00		7/6/2059					Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	Khách sạn. CHXD	SDĐ số: BK181136	Đất CSSX.KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	
		57	20	551.00		7/6/2059								SDĐ số: BK181137			
11	Trạm XD Tháp Mười	1988	2	101.00							T	lâu dài	CHXD	SDĐ số: AA056099	T	lâu dài	
12	Đất Ngang trường chính trị	3894	2	471.00		18/5/2044					Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	Dự án CHXD	SDĐ số: CT05872	Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	Đất được cấp sổ mới
III	***HUYỆN TÂN HỒNG***																
12	Trạm xăng Bàu Dong (đã trừ Khu Du lịch Bàu Dong)	2	1	1,659.00		11/30/2056		1,659.0			Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số:AG006592	Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	
IV-	***TP.SA ĐÉC***							-									
13	Trạm xăng và VP XN SĐ cũ	1092	2	2,390.00							ĐẤT XD		CHXD	SDĐ số:I301233	ĐẤT XD		đo mới lại (cũ 1996, 2.628 m2)
14	Trạm XD Tân Phú Đông: Xã An Phú Đông - TX Sa Đéc - ĐT	133	19	830.30	250	580,3 m 21/01/2063					ĐẤT CSSX phi nông nghiệp	Nhà nước GĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BS372369	ĐẤT CSSX phi nông nghiệp	Nhà nước GĐCTTSDĐ	
		117	19	226.90		10/15/2043					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước GĐKTTSDĐ		SDĐ số: BS372009	Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước GĐKTTSDĐ	
V-	***HUYỆN LAI VUNG***																
15	Đất Trạm xăng dầu Quốc Tiến: Xã Long Hậu, Huyện Lai Vung - ĐT	9	62	582.20	523	59,2m 15/10/2043					Đất CSSX,KD 523 m2, Đất TCLN 59,2 m2	CNQSDĐNGĐCTTSDĐ 523 m2; NQSDĐNGĐKTTSDĐ 59,2m2;	CHXD	SDĐ số: BK194738	Đất CSSX,KD 523 m2, Đất TCLN 59,2 m2	CNQSDĐNGĐCTTSDĐ 523 m2; NQSDĐNGĐKTTSDĐ 59,2m2;	
		50	53	85.30	X						Đất ở đô thị	CNQSDĐNGĐCTTSDĐ		SDĐ số: BX604081	Đất ở đô thị	CNQSDĐNGĐCTTSDĐ	

16	Đất Trạm xăng dầu Rạng Đông: Thị Trấn Lai Vung - Huyện Lai Vung - ĐT	51	53	653.60	214.7	438,9m 21/04/2064					ĐẤT CSSX phi nông nghiệp	CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ 214,7 m2; Nhà nước GĐCTTSDĐ 438,9m2	CHXD	SDĐ số: BX604082	ĐẤT CSSX phi nông nghiệp	CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ 214,7 m2; Nhà nước GĐCTTSDĐ 438,9m2	nhập tăng tài sản năm 2015
VI-	***HUYỆN TAM NÔNG***																
17	Đất Trạm xăng dầu An Phong	1786	5	770.00	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ " đã được chuyển mục đích sử dụng từ đất ở nông thôn"	CHXD	SDĐ số: AD988432	Đất CSSX,KD	Nhà nước CNQSDĐ " đã được chuyển mục đích sử dụng từ đất ở nông thôn"	
VII-	**HUYỆN CAO LÃNH:**																
18	Quyền sử dụng đất (Thửa 1138) tại ấp 1, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh	657	6	1,214.00		15/10/2043					CLN		VƯỜN	SDĐ số: CT06121	CLN	CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ	*Đã Thanh lý 2017*
19	Quyền sử dụng đất tại ấp An Định, xã An Bình, H Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	283	13	7,358.70		5/27/2064					Đất CSSX phi nông nghiệp	Nhà nước GĐCTTSDĐ	kho hàng	SDĐ số: BX604007	Đất CSSX phi nông nghiệp	Nhà nước GĐCTTSDĐ	*Đã Thanh lý 2017*
VIII-	**HUYỆN CHÂU THÀNH**																
20	Quyền sử dụng đất tại xã Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	4	31	2,421.60		10/15/2043					Đất trồng cây lau năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Vườn cây ăn trái	SDĐ số: AI328543	Đất trồng cây lau năm	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	
		15	31	3,462.00		10/15/2013					Đất trồng lúa	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất		SDĐ số: AI328542	Đất trồng lúa	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	
B-	**NGOÀI TỈNH ĐỒNG THÁP**			**432,571.95**													
I-	**TP.HỒ CHÍ MINH**			**14,388.25**													
1	Đất Lâm Văn Bền: Khu Phố 4, P Tân Kiểng, Q7	30	12	158.50	X						Làm nhà ở	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ	Nhà ở công nhân	SDĐ số: AG579227	Làm nhà ở	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
	Đất Lâm Văn Bền: Khu Phố 4, P Tân Kiểng, Q7	30-121	1B	83.05	X						Làm nhà ở	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: 04954/200	Làm nhà ở	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	

2	Trạm Xd Quận 12	348	1	2,809.00				X		3/16/2050	Xây dựng trạm xây dầu	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 16/3/2000	CHXD	SDĐ số: P097495	Xây dựng trạm xây dầu	Đất thuê 50 năm kể từ ngày 16/3/2000, trả tiền hàng năm	
3	Trạm Xd tân Hưng: Xã tân Hiệp, Huyện Hóc Môn	323	13	2,468.00				X		4/21/2048	Trạm bán lẻ xăng dầu	Thuê 50 năm đến ngày 21/4/2048	CHXD	SDĐ số: A829913	Trạm bán lẻ xăng dầu	Thuê 50 năm đến ngày 21/4/2048 trả tiền hàng năm	
4	Khu đất tại xã An Phú Đông	84: 87	35	6,207.70		8/20/2019					Đất nông nghiệp khác	Nhận chuyển nhượng được CN QSDĐ như GĐK TTSD	DA. Biệt thự	SDĐ số: CA209619	Đất nông nghiệp khác	Nhận chuyển nhượng được CN QSDĐ như GĐK TTSD	*Đã Thanh lý 2017*
5	Khu đất tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi	1508	9	400.00	X						Thổ cư	Thi hành án	Dự án CHXD	SDĐ số: P138504	Thổ cư	Thi hành án	*Đã chuyển* tên qua Cty TNHH MTV TM Dầu khí Đồng Tháp
		1507	9	2,262.00		2049					màu	Thi hành án			màu	Thi hành án	
II	**TỈNH BÌNH PHƯỚC**			**34,766.20**													
1	Đất xã Thành Tâm, H. Chơn thành, Bình Phước	84	8	3,993.60		12/13/2027		X		12/13/2027	Đất CSSX,KD	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	DA CHXD	SDĐ số: AH279756	Đất CSSX,KD	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	
2	Quyền sử dụng đất tại xã Nha Bích, H.Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	176	5	30,772.60		13/03/2049					CLN	Thi hành án	Vườn cao su	SDĐ số: CK 806992	CLN	Nhận chuyển nhượng được CN QSDĐ như GĐK TTSD	*Biến động diện tích giảm năm 2017*
III-	**TỈNH ĐỒNG NAI**			**137,332.40**													
1	Trạm 33: Xuân Tân, Long Khánh	430A	9	996.00	X						XD	Lâu dài	CHXD	SDĐ số: Y902652	XD	Lâu dài	
2	Trạm xăng dầu tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc (Trạm 34): Đo đạc mới: 5.757,1m2, gồm lô giới 658,6 m2			5,757.10					5,757.1		Trạm bán lẻ xăng dầu	Đang làm giấy	CHXD	Đang làm giấy	Trạm bán lẻ xăng dầu	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	*Biến động diện tích giảm 2017*
3	Tổng Kho XD Phước Khánh: xã phước Khánh, H. Nhơn Trạch, Đồng Nai	***		4,833.80				4.833.80		thuê mặt nước	XD	Thuê đến ngày 31/12/2049	Cảng Phước Khánh	SDĐ số: P557079	XD	Thuê đến ngày 31/12/2049	
		219	9	53,470.00		2/24/2050					Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	Tổng kho	SDĐ số: AL011186	Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	

		544	9	63,812.00		2/24/2050					Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	xăng dầu	SDĐ số: AL011187	Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐCTTSDĐ	
4	Đất dự án kho xăng dầu tuyến sau Long Bình Tân	319	58	1,000.00		09/2053.					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	DA Kho xăng dầu	AK 207458	Đất dự án kho xăng dầu tuyến sau Long Bình Tân	đang thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất	*nhận chuyển nhượng 2016. diện tích có thể biến động tăng năm 2017 khi đo đạc để chuyển mục đích sử dụng*
		250	58	1,000.00		09/2053.					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	DA Kho xăng dầu	AK 207459			
		253	58	200.00		08/2052.					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ	DA Kho xăng dầu	AK 026672			
		320 (535)	58	685.60		30/9/2053.					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ như GĐKTTSDĐ	DA Kho xăng dầu	BU 427628			
		135	58	781.00		03/2062.					Đất trồng cây lâu năm	Nhà nước CNQSDĐ như GĐKTTSDĐ	DA Kho xăng dầu	BH 861381			
		140	58	3,407.50		2013 đã được gia hạn theo LĐĐ 2003					Đất nuôi trồng thuỷ sản	Nhà nước CNQSDĐ như GĐKTTSDĐ	DA Kho xăng dầu	BC 796421			
		230	58	879.60		2014 đã được gia hạn theo LĐĐ 2003					Đất nuôi trồng thuỷ sản	Nhà nước CNQSDĐ như GĐKTTSDĐ	DA Kho xăng dầu	BD 143163			
		125	58	509.80		2015 đã được gia hạn theo LĐĐ 2003					Đất nuôi trồng thuỷ sản	Nhà nước CNQSDĐ như GĐKTTSDĐ	DA Kho xăng dầu	BC 796418			
IV-	**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**			**85,429.70**													
1	QSDĐ tại ấp Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			10,801.70									Vườn tiêu		Như hiện trạng	Nhà nước CN QSDĐNGĐCTTSD	*Đã Thanh lý 2017*
2	Tại xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	128	21	70,573.40		15/07/2048					Cây lâu năm		Vườn xoài	BX 920695	Như hiện trạng	Nhà nước CN QSDĐNGĐCTTSD	
				300.00	X						Thổ						
3	QSDĐ CHXD ĐT 39, tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	730	20	3,754.60									CHXD		CHXD		nhận chuyển nhượng 2016
V-	**TỈNH HẬU GIANG**			**2,115.70**													
	Trạm KD XD Tầm Vu, QL 1A, Cái Tắc, Châu Thành	120	10	300.00	X						Thổ	Lâu đài	CHXD	SDĐ số: BN284392	CHXD	Thi hành án Nhà nước CN QSDĐNGĐKTTSDĐ	

	TX. Cái Tắc, Châu Thành A, Hậu Giang	22	10	1,815.70		6/30/2044					Cây lâu năm		CHXD	SDĐ số: BN284393	CHXD	Thi hành án. Nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ	
VI-	**TP. CẦN THƠ**			**114,848.10**													
1	Trạm xăng dầu thốt Nốt	2376	1	300.00	X						T	lâu dài	CHXD	SDĐ số: CT00472	T	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
		2377	1	1,969.60		24/02/2047					LNK	50 năm		SDĐ số: CT00473	CLN	Nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSD	
		2375	1	300.00	X						T	lâu dài		SDĐ số: CI 734558	T	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
		2374	1	1,393.20		11/11/2043					LNK	50 năm		SDĐ số: CI 734557	CLN	Nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSD	
2	Cây Xăng Hoàng Hương Trang: Thới Long, ô Môn, Cần thơ	1736	4	4,641.40	300	4341.4m 23/01/2047					Đất ODT: 300m2, Trồng CLN 4.341,4m2	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BA166486	Đất ODT: 300m2, Trồng CLN 4.341,4m2	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
4	CHXD Số 5 : Ấp Thới Xuân - Trường Thắng - Thới Lai - TPCT	895	7	2,439.10	150	410,52m 03/06/2060; 1623,58m 16/6/2063; 255m 2041.					Đất CSSX,KD	CNQSDDNG ĐCTTSDĐ 150m2, NN GĐCTTSDĐ 2034,1m2	CHXD	SDĐ số: BQ772946	Đất CSSX,KD	CNQSDDNGĐ CTTSDĐ 150m2, NN GĐCTTSDĐ 2034,1m2	
		958	7	225.90		6/10/2063					Đất cây lâu năm	CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ 255m2		SDĐ số: BQ772947	Đất cây lâu năm	CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ 255m2	
5	CHXD Số 16: Tỉnh lộ 926, Ấp Trường Thọ A -Trường Long - Phong Điền , CT	466	5	1,125.00	255	864m 18/1/2061; 6m 10/6/2045					ONT: 255m2, Đất CSSXKD 864m2, Đất CLN 6m2	Đất OTNT: CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ, Đất CSSXKD: NN GĐCTTSDĐ, Đất CLN: CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BP303144	ONT: 255m2, Đất CSSXKD 864m2, Đất CLN 6m2	Đất OTNT: CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ, Đất CSSXKD: NN GĐCTTSDĐ, Đất CLN: CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ	
		1666	8	810.00		474m 29/9/2059; 336m 10/6/2045					Đất CSSXKD 474 m2, Đất CLN 336 m2	Đất CSSXKD: NN GĐCTTSDĐ, Đất CLN: CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ		SDĐ số: BP303145	Đất CSSXKD 474 m2, Đất CLN 336 m2	Đất CSSXKD: NN GĐCTTSDĐ, Đất CLN: CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ	

6	Cửa Hàng XD Trung Kiên: Khu vực Phụng Thạnh 2, P. Trung kiên, Q. Nốt Thốt, TPCT	787	3	940.60	300	640.6m 07/11/2021					Đất CSSXKD	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BP324674	Nhà nước CNQSDĐN GĐCTTSDĐ	Đất CSSXKD	nhập ts năm 2015
7	Cây Xăng Ô Môn: Ô môn, Cần thơ (diện tích cũ 2030 m2)	20	20	2.191.60	300	1891,6m 08/11/2043			2.191.6		Trạm xăng	Nhận chuyển nhượng	CHXD	Đang chờ cấp giấy	Đất CSSXKD		
8	Khu Du Lịch Ba Láng, Phường Ba Láng quận Cái Răng	857	2	300.00					300.0		T	đang làm giấy	Khu du lịch	đang làm giấy	T		
		2971	2	6,295.40					6,295.4		Đất Thương mại Dịch vụ	đang làm giấy		đang làm giấy	Đất Thương mại Dịch vụ		
		2244	2	27,421.30					27,421.3		Đất Thương mại Dịch vụ	đang làm giấy		đang làm giấy	Đất Thương mại Dịch vụ		
		3410	2	300.00	X						Thổ	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: CT10380	Thổ	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		2245	2	2.466.00	X						Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: CT10377	Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		2970	2	9.216.30	X						Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: CT10386	Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		2242	2	177.80	X						Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: CT10382	Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
		2243	2	366.70	X						Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ		SDĐ số: CT10379	Đất Thương mại Dịch vụ	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	
	Khu Du Lịch Ba Láng, Phường Trường Thạnh, quận Cái Răng	1464	1	28.907.00	X						Đất Thương mại Dịch vụ	nhà nước CN QSDĐNGĐC TTSDĐ		SDĐ số: CT10381	Đất Thương mại Dịch vụ	*Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD*	

9	Đất Tổng kho Xăng dầu Tân Phú Thạnh, số 106 quốc lộ 1A, phường Ba Láng, quận Cái Răng	1372 1382	2	19.091.90	X						Đất CSSXKD	nhà nước CN QSDĐNGĐCTTSDĐ	Kho xăng dầu	SDĐ số: AĐ319448	Đất CSSXKD	nhà nước CN QSDĐNGĐCTTSDĐ	
10	Khách Sạn Tân Tây Đô, số 26 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	81	64	171.60	x						Đất ở đô thị	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSDĐ	Khách sạn	SDĐ số: AĐ295502	Đất ở đô thị	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
	Khách Sạn Tân Tây Đô, số 26 đường Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	23		375.00							Đất ở đô thị	đang làm giấy	Khách sạn	đang làm giấy	Đất ở đô thị	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
		23		134.00							Đất ở đô thị	đang làm giấy		đang làm giấy	Đất ở đô thị	Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
11	Phần đất phía sau Trạm XD Đồng Tháp 27, số 71A đường Mậu Thân, Phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều	43	13	3,288.70	X						Đất ở đô thị	Thi hành án, Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSDĐ	CHXD	SDĐ số: BX967324	Đất ở đô thị	Thi hành án, Nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSD	
VII-	**TỈNH SÓC TRĂNG**			**12,105.40**		12.105.4											
1	CHXD Số 15: Ấp Vĩnh Mỹ A - Vĩnh Biên - Ngã 5 - Sóc Trăng	809	1	912.00	300	612m 6/9/2059					Đất CSSXKD	Nhà nước CNQSDĐNGĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BM739995	Đất CSSXKD	Nhà nước CNQSDĐNGĐCTTSDĐ	
2	CHXD số 18: Ấp Long Thành B - Long tân - Ngã 5 - Sóc Trăng	89	74	2,311.30	200	2,089m 6/9/2059; 22,3m 15/10/2043					Đất CSSXKD 2.289 m2; Đất LNK: 22,3m2	Nhận chuyển nhượng: NN CNQSDĐNGĐCTTSDĐ 2.289m2; CNQSDĐNGĐKTTSDĐ 22,3m2	CHXD	SDĐ số: BN228244	Đất CSSXKD 2.289 m2; Đất LNK: 22,3m2	Nhận chuyển nhượng: NN CNQSDĐNGĐCTTSDĐ 2.289m2; CNQSDĐNGĐKTTSDĐ 22,3m2	
3	CHXD số 21: Ấp Vĩnh Tiền - Vĩnh Biên - Ngã 5 - Sóc Trăng	1067	7	820.00	200	620m 6/9/2059					Đất CSSXKD	Nhà nước CNQSDĐNGĐCTTSDĐ	CHXD	SDĐ số: BM739994	Đất CSSXKD	Nhà nước CNQSDĐNGĐCTTSDĐ	

4	Cửa Hàng XD Nguyễn Hiền Lập: Ấp Tân Lộc B, Xã long Tân, Ngã Năm - Sóc Trăng	122	18	4.268.10	560	3.382.2m 0/4/2062; 325.9m 15/10/2043					Đất CSSXKD 3.942,2 m2; Đất LNK: 325,2m2	Nhận chuyển nhượng: NN CNQSDĐNG ĐCTTSDĐ 3.942,2m2 SKC; CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ 325,9 m2 LNK	CHXD	SDĐ số: BN228245	Đất CSSXKD 3.942,2 m2; Đất LNK: 325,2m2	Nhận chuyển nhượng: NN CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ 3.942,2m2 SKC; CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ 325,9 m2 LNK	
5	Chi Nhánh Sóc Trăng: 812A Lê Hồng Phong, P4, Sóc Trăng	17	23	3.794.00		6/27/2051					Đất Thương mại Dịch vụ	Thuê hàng năm	DA.CHXD	SDĐ số: CB653716	Đất Thương mại Dịch vụ	đất thuê trả tiền hàng năm	
VIII-	**TỈNH BẠC LIÊU**			**2,168.00**													
1	CHXD số 26:Xã Vĩnh Trạch Đông - TP Bạc Liêu - Bạc Liêu	973	11	873.00	300	573m 30/6/2054					ONT: 300m2, CLN: 573m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ (CLN)	CHXD	SDĐ số: BK447478	ONT: 300m2, CLN: 573m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ (CLN)	
2	CHXD QL 1A - Bạc Liêu: Ấp Trà Ban - Châu Hưng A - Vĩnh Lợi - Bạc Liêu	1345	12	495.00	100	395m 16/10/2049					ONT: 100m2, CLN: 395m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ (CLN)	CHXD	SDĐ số: BK447469	ONT: 100m2, CLN: 395m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ (CLN)	
		1006	11	800.00	100	700m 10/10/2049					ONT: 100m2, CLN: 700m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNG ĐKTTSDĐ (CLN)		SDĐ số: BK447468	ONT: 100m2, CLN: 700m2	Nhà nước GĐCTTSDĐ (ONT), CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ (CLN)	
IX	**VĨNH LONG**			**29,418.20**													
1	Trạm XD Ngãi Tứ: Xã Ngãi tứ, H. Tam Bình	772	9	940.00	300	640m 07/07/2054					T: 300m2; Vườn 640 m2	T: lâu dài, Vườn 50 năm	CHXD	SDĐ số: Đ719915	T: 300m2; Vườn 640 m2	T: lâu dài, Vườn 50 năm	
		1077	9	1.660.00	X						CDK	Lâu dài			CDK	Lâu dài	
2	Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Lộc, huyện Tam Bình (6.300 m2)	762	3	2.350.00		11/16/2054					Vườn	50 năm	Vườn	SDĐ số: AA155402	Vườn	50 năm	
		763	3	3.130.00	300	2830m 16/11/2054					T:300m2+ Vườn: 2.830m2	T: lâu dài, Vườn 50 năm			T:300m2+Vườn: 2.830m2	T: lâu dài, Vườn 50 năm	
		764	3	650.00		11/16/2054					Vườn	50 năm			Vườn	50 năm	

		933		50.00							NĐ	Lâu dài		Số 1560QSDĐ/3908QĐ	NĐ	Lâu dài		
		934		120.00							NĐ	Lâu dài			NĐ	Lâu dài		
3	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	440	14	300.00	X						Đất ONT	nhà nước CN QSDĐNGĐC TTSDĐ	nhà ở CN	SDĐ số: CT22482	Đất ONT	nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSDĐ		
4	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình (đã bị hồi 21.7m2)	441	14	245.90		15/10/2043					Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ	Vườn	SDĐ số: CT22481	Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
5	Quyền sử dụng đất (Thửa số 840) tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	443	14	300.00	X						Đất ONT	nhà nước CN QSDĐNGĐC TTSDĐ	nhà ở CN, vườn	SDĐ số: CT22484	Đất ONT	nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSDĐ		
6	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	765	1	580.30	300	280,3m 30/12/2049					Đất ONT:300m2, LN:280,3m2	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ		SDĐ số: AE181064	Đất ONT:300m2, LN:280,3m2	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
7	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	956	1	127.50	100	27,2m 19/6/2052					Đất ONT:100,3m2, LN:27,2m2	nhà nước CN QSDĐNGĐC TTSDĐ		SDĐ số: AE181065	Đất ONT:100,3m2, LN:27,2m2	nhà nước CN QSDĐNGĐCT TSDĐ		
8	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	290	9	7,440.00		15/10/2043					Đất trồng lúa	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ	Vườn	SDĐ số: CT22487	Đất trồng lúa	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
9	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	312	9	2,380.00		10/4/2065					Đất trồng lúa	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ		SDĐ số: CT22416	Đất trồng lúa	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
10	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình	447	9	6,095.90		15/01/2043					Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ		SDĐ số: CT22486	Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
11	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình (đã bị thu hồi 20,5m2)	445	14	116.00		15/10/2043					Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ		SDĐ số: CT22483	Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		
12	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình (đã bị thu hồi 83,5m2)	444	14	249.10		10/4/2045					Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐK TTSDĐ		SDĐ số: CT22485	Đất CLN	nhà nước CN QSDĐNGĐKT TSDĐ		

13	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			1,185.40								Đất CLN			Đất CLN			Các diện tích này Công ty đang làm thêm và chờ VPĐK ĐĐ xem xét cấp giấy.
14	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			168.10								BCS			BCS			
15	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			169.50								Đất CLN			Đất CLN			
16	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			891.60								Đất CLN			Đất CLN			
17	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			268.90								Đất CLN			Đất CLN			
	TỔNG CỘNG			**569,845.35**	-	-	-	-	-									

Ghi chú:

Chữ viết tắt:

Đất CSSX,KD: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh

Nhà nước CNQSDĐ: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Nhà nước GĐKTTSDĐ: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

Nhà nước CTĐTTTĐHN: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

CNQSDĐNGĐCTTSDĐ: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất

CNQSDĐNGĐKTTSDĐ: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất

CHXD: Cửa hàng xăng dầu

PHỤ LỤC 02
ĐẤT ĐÃ GÓP VỐN, CỔ PHẦN HOÁ

(kèm theo công văn số 3580/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Địa chỉ lô đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m2)	Diện tích được giao (m2)		Diện tích cho thuê (m2)		Đang chờ xác định lại hình thức giao đất	Thời hạn giao , cho thuê (năm)	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng đất	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá	Diện tích đã sang tên đến ngày 30/10/2017	*Ghi chú*
					Lâu dài	có thời hạn	Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm							
A-	**CỔ PHẦN HOÁ:**			**18,997.76**	-	-	-	-	**18,997.76**	-	-	-	-	**7,459.90**	
I	**CTY CP KHÍ HOÁ LỎNG ĐỒNG THÁP**								-						
1	Đất kho Trần Quốc Toản: Diện tích đã cổ phần hoá Cty CP Khí Hoá Lỏng Đồng Tháp	110	16	2,037.86					2,037.9		SDĐ số: AA493848		chưa sang tên		
II	**CTY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**														
2	Đất kho Trần Quốc Toản: Diện tích đã CPH Cty CP Cơ Khí xây dựng Đồng Tháp	110	16	9,500.00					9,500.0		SDĐ số: AA493847		chưa sang tên		
3	Quyền sử dụng đất tại xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Thửa 2021, 2022,2023,1081, tờ BĐ số 1)	2021, 2022, 2023, 1081	1	7,459.90					7,459.90				đã sang tên	7,459.90	Ghi theo diện tích cũ (đo đạc mới có giảm)
B-	**GÓP VỐN THÀNH LẬP CÔNG TY**			**24,314.40**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5,996.90**	
III	**CTY CP TM DẦU KHÍ CỬU LONG**														
	Năm 2008														
4	QSĐ CHXD ĐT 18: xã Tân Phú, tam Bình, Vĩnh Long	267	2	970.00							SDĐ số: AA 147965; 53430 QSDĐ		chưa sang tên		Bùi Văn Phận
5	QSĐ CHXD ĐT 14: xã Phú Thịnh, Tam Bình, Vĩnh Long	711	4	2,340.00							SDĐ số: Y 867999; 015553		chưa sang tên		Petimex
6	QSDĐ CHXD ĐT 16: xã Bình Phước, Măng Thít, Vĩnh Long	596	8	3,490.00							SDĐ số: Đ 331847; 00402 SDĐ		chưa sang tên		Petimex
7	QSDĐ CHXD ĐT 16: xã Bình Phước, Măng Thít, Vĩnh Long	594	8	360.00							SDĐ số: AD 596101; T 43367		chưa sang tên		Petimex
8	QSDĐ CHXD ĐT 16: xã Bình Phước, Măng Thít, Vĩnh Long	595	8	100.00							SDĐ số: AD 596102; T 43368		chưa sang tên		Petimex
9	QSDĐ CHXD ĐT 16: xã Bình Phước, Măng Thít, Vĩnh Long	714	8	208.00							SDĐ số: AD 596103; T 43369		chưa sang tên		Petimex

10	QSDĐ CHXD ĐT 16: xã Bình Phước, Măng Thít, Vĩnh Long	1008	5	162.00							SDĐ số: AE 563322; T 43347		chưa sang tên		Petimex
12	QSDĐ CHXD ĐT 17: xã Hoà Thạnh, Tam Bình, Vĩnh Long	911	6	1,360.00							SDĐ số: AA 003853; 49610		chưa sang tên		Trần Ngọc Ân
	Năm 2010														
13	QSDĐ còn lại CHXD ĐT 14:	712	4	390.00							SDĐ số: Y 867999; 015553		chưa sang tên		Petimex
		713	4	3,210.00											Petimex
14	QSDĐ còn lại CHXD ĐT 17:	230	6	2,176.00							SDĐ số: Đ 331846; 01554 QSDĐ		chưa sang tên		Petimex
		817	6	1,960.00											Petimex
15	QSDĐ CHXD Kim Loan: Trà Vinh	10	7	547.40							QSDĐ số H 00098		chưa sang tên		Petimex
	QSDĐ CHXD Kim Loan: Trà Vinh	11	7	438.80							QSDĐ số H 00216				Petimex
	QSDĐ CHXD Kim Loan: Trà Vinh	62	7	200.30							Số: 706/GCN				Petimex
IV	**CTY CP NHIÊN LIỆU ĐỒNG THÁP**														
13	Đất CHXD Tháp Mười: ĐT	1798	2	165.00							SDĐ số: AC 807146		chưa sang tên		Petimex
	Đất CHXD Tháp Mười: ĐT	2358	2	138.00							QĐ 166/QĐ-UBND ngày 22/9/2005 của huyện Tháp Mười		chưa sang tên		Nguyễn văn Út
	Đất CHXD Tháp Mười: ĐT	2359	2	102.00							QĐ 165/QĐ-UBND ngày 22/9/2005 của huyện Tháp Mười		chưa sang tên		Nguyễn văn Út
14	QSDĐ CHXD Tam Nông: ấp 1, xã Phú Ninh, H.Tam Nông, ĐT	2443	2	1,125.00							SDĐ số: AC 807405		đã sang tên	1,125.00	Petimex
15	QSDĐ CHXD Đồng Tháp 12: ấp An Khánh, xã Tân Khánh Trung, LV, ĐT	142	3	1,055.90							SDĐ số: AI 328504		đã sang tên	1,055.90	Petimex
16	QSDĐ CHXD Bến xe Trường Xuân: xã Trường Xuân, H. TM, ĐT	844	3	1,248.00							SDĐ số: BK 194735		đã sang tên	1,248.00	Petimex
17	QSDĐ CHXD Mỹ Long: xã Mỹ Long, H.Cao Lãnh, ĐT	252	8	817.00							SDĐ số: AG 006590		đã sang tên	817.00	Petimex
		190	8	1,491.00							SDĐ số: AG 006591		đã sang tên	1,491.00	Petimex

18	Đất Trạm Mương Điều cũ: ấp Khánh An, xã Tân Khánh Trung, LV. ĐT	42	42	260.00							SDĐ số: BS 372276		đã sang tên	260.00	Petimex
	Cộng			**43,312.16**	-	-	-	-	**18,997.76**	-	-	-	-	**13,456.80**	

Tổng diện tích đã sang tên: **13,456.80**

Tổng diện tích chưa sang tên: **29,855.36**

PHỤ LỤC 03

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CỔ PHẦN HOÁ

ĐẤT ĐANG TRANH CHẤP TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

(kèm theo công văn số 3580/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11.../11./2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Địa chỉ lô đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m2)	Hiện trạng sử dụng									Hồ sơ pháp lý	Phương án sử		Ghi chú
					Diện tích được		Diện tích cho thuê		Đang chờ cấp lại Giấy CNQSDĐ	Thời hạn giao , cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Tài sản trên đất		PA sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất	
					Lâu dài	có thời hạn	Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm									
	VĨNH LONG																
1	Quyền sử dụng đất tại đường Mậu Thân, Q. Ninh Kiều, TP. Cao Lãnh			446.00										Công văn số 376/UBND-KTN ngày 03/08/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp			Đang tranh chấp
	TỔNG CỘNG			**446.00**													

PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CỔ PHẦN HOÁ

ĐẤT ĐANG LÀ ĐẤT GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN (ĐÃ ĐỊNH GIÁ VÀ ĐƯỢC UBND TỈNH DUYỆT TÍNH VÀO GIÁ TRỊ CÔNG TY NĂM 2011) PHẢI CHUYỂN SANG ĐẤT THUÊ TRẢ TIỀN HÀNG NĂM. ĐỀ NGHỊ KHÔNG TÍNH GIÁ TRỊ SỔ SÁCH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ, CTY XIN THUÊ ĐẤT TRẢ TIỀN HÀNG NĂM SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ.

(kèm theo công văn số ..../STNMT-CCQLĐĐ ngày ..../..../2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Địa chỉ lô đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m2)	Hiện trạng sử dụng									Hồ sơ pháp lý	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang cổ phần hoá		Giá trị sổ sách (đã duyệt UBND duyệt tính vào GTDN 2011 theo hình thức đất giao)	Ghi chú
					Diện tích được giao (m2)		Diện tích cho thuê (m2)		Đang chờ cấp lại Giấy CNQSDĐ	Thời hạn giao , cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Tài sản trên đất		PA sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất		
					Lâu dài	có thời hạn	Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm										
1	Đất Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Phú	**161**	6	18,078.30	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Dự án nhà ở	SDĐ số: AM305597	Đất CSSX,KD	Trả tiền thuê đất hàng năm	32,540,940,000	QĐ số 220/QĐ-UBND-ND ngày 29/8/2017
2	Đất nhà tập thể Lê Duẩn, P. Mỹ Phú TP.CL	**159**	6	1,370.00	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	Nhà ở công nhân	SDĐ số: AM305596	Đất CSSX,KD	Trả tiền thuê đất hàng năm	5,310,120,000	
3	Đất VĂN PHÒNG CTY SỐ 140,QL 30, MỸ PHÚ,TPCL, ĐT	**325**	10	1,190.90	X						Đất CSSX,KD	Nhà nước GĐKTTSDĐ	VPCty	SDĐ số: AC807408	Đất CSSX,KD	Trả tiền thuê đất hàng năm	7,693,214,000	
	Đất VPCTy (ĐẤT KS THIÊN ÂN)	**240**	10	919.50	X						Đất trụ sở cơ quan	Nhà nước GĐKTTSDĐ	VPCty	SDĐ số: AC807409	Đất trụ sở cơ quan	Trả tiền thuê đất hàng năm	5,939,970,000	
4	Kho Trần Quốc Toản	109, 110	16	55,442.40							Tổng kho xăng dầu	Đất XD	Tổng kho xăng dầu	SDĐ số: AA493847	Tổng kho xăng dầu	Trả tiền thuê đất hàng năm	1,248,802,843	QĐ số 327/QĐ-UBND-ND ngày 25/10/2017
5	Đất khu trước khách sạn Hoà Bình	**46**	11	5,392.70							Đất CSSX,KD	Nhà nước CTĐTTTĐH N	Khách sạn	SDĐ số: AG045064	Khách sạn	Trả tiền thuê đất hàng năm	không	QĐ số 326/QĐ-UBND-ND ngày 25/10/2017
	TỔNG CỘNG			**82,393.80**													**52,733,046,843**	

PHỤ LỤC 05

ĐẤT ĐANG HOÀN THIỆN HỒ SƠ PHÁP LÝ, TRÍCH RA TỪ PHỤ LỤC 01

(ĐẤT ĐANG LÀ TÀI SẢN VÔ HÌNH, THẨM ĐỊNH GIÁ TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP)

(Kèm theo công văn số 3580/STNMT-CCQLĐĐ ngày 11/12/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Địa chỉ lô đất	Số thửa	Tờ bản đồ	Tổng diện tích (m2)	Hiện trạng sử dụng (31/12/2016)									Hồ sơ pháp lý	Phương án sử dụng đất khi chuyển sang cổ phần hoá		Ghi chú
					Diện tích được giao (m2)		Diện tích cho thuê (m2)		Đang chờ cấp lại Giấy CNQSDĐ	Thời hạn giao , cho thuê (năm)	Mục đích sử dụng đất	Hình thức sử dụng đất	Tài sản trên đất		PA sử dụng đất	Hình thức thuê/ giao đất	
					Lâu dài	có thời hạn	Trả tiền 1 lần	Trả tiền hàng năm									
A-	**TRONG TỈNH ĐỒNG THÁP**			**3.604,00**													
I (IV)	*TP.SA ĐÉC*			2.390,00	-	-	-	-									
1(13)	Trạm xăng và VP XN SĐ cũ	**1092**	2	2.390,00							ĐẤT XD		CHXD	SDĐ số:I301233	ĐẤT XD		đo mới lại (cũ 1996: 2.628 m2)
II(VII	**HUYỆN CAO LÃNH:**			1.214,00													
1(18)	Quyền sử dụng đất (Thửa 1138) tại ấp 1, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh	**657**	6	1.214,00		15/10/2043					CLN		VƯỜN	SDĐ số: CT06121	CLN	CNQSDĐNGĐ KTTSDĐ	*Đã cấp lại GCNQSD Đ và Thanh lý 2017*
B-	**NGOÀI TỈNH ĐỒNG THÁP**			**150.862,10**													
I(II)	**TỈNH BÌNH PHƯỚC**			**30.772,60**													
2	Quyền sử dụng đất tại Tỉnh Bình Phước	**176**	5	30.772,60		13/03/2049					CLN	Thi hành án	Vườn cao su	SDĐ số: CK 806991	CLN	Nhận chuyển nhượng được CN QSDĐ như GĐK TTSD	*Đã cấp GCNQSD Đ 2017, Biến động diện tích,*
II(III)-	**TỈNH ĐỒNG NAI**			**5.757,10**													
1(2)	Trạm xăng dầu tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc (Trạm 34): Đo đạc mới: 5.757,1m2, gồm lộ giới 658,6 m2			5.757,10					5.757,1		Trạm bán lẻ xăng dầu	Đang làm gi	CHXD	Đang làm giấy	Trạm bán lẻ xăng dầu	Nhà nước CNQSDĐNGĐ CTTSDĐ	*Biến động diện tích*
III(IV)-	**TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**			**70.573,40**													

V(IX)	**VĨNH LONG**			**2.683,50**													
1(13)	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			1.185,40								Đất CLN			Đất CLN		Các diện tích này Công ty đang làm thêm và chờ VPĐK ĐĐ xem xét cấp giấy.
2(14)	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			168,10								BCS			BCS		
3(15)	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			169,50								Đất CLN			Đất CLN		
4(16)	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			891,60								Đất CLN			Đất CLN		
5(17)	Quyền sử dụng đất tại ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình			268,90								Đất CLN			Đất CLN		
	TỔNG CỘNG			**154.466,10**	-	-	-	-	-								

Mẫu số 10

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

BẢN SAO

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Căn cứ:

Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ về quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Công văn số 133/UBND-KTTH ngày 16/03/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc kế hoạch cổ phần hoá 3 doanh nghiệp nhà nước;

Quyết định số 995/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Quyết định số 322/QĐ-UBND-HC ngày 31 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp;

Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp xây dựng phương án sử dụng lao động khi cổ phần hoá như sau:

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp
- Tên tiếng Anh: Dong Thap Petroleum Trading Import Export Company Limited
- Tên viết tắt: Petimex

2. Tháng năm thành lập:

Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) là Doanh nghiệp thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Đồng Tháp, tiền thân là Công ty Vật Tư Xuất Xhập Khẩu Đồng Tháp được đổi tên là Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp theo Quyết định số: 111/QĐ.UB ngày 24/8/1998; được chuyển đổi mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số: 79/QĐ.UBND-TL ngày 25/6/2007 của UBND tỉnh Đồng Tháp và được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 529/QĐ-UBND-HC ngày 29/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Địa chỉ:

- Trụ sở chính: Số 140, Quốc lộ 30, P.Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: (0673) 851056 - 851937
- Fax: (0673) 851056 - 851937

2. Phương án sử dụng lao động

a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty sau khi sắp xếp lại: 258 người, trong đó nữ: 49 người (mẫu số 2 kèm theo)

Trong đó:

- Số lao động tiếp tục sử dụng (thuộc diện ký kết hợp đồng lao động): 252 người
- Không thuộc diện ký kết hợp đồng lao động: 6 người (viên chức quản lý Công ty)
- Số lao động được đưa đi đào tạo lại để tiếp tục sử dụng: 0 người
- Số lao động chuyển sang làm việc không trọn thời gian: 0 người

b) Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động: 0 người

c) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động 01 người, trong đó nữ: 0 người (mẫu số 4 kèm theo)

Trong đó:

- Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 0 người.
- Số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 người.
- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động: 1 người.

d) Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động 01 người, trong đó nữ: 0 người (mẫu số 5 kèm theo)

3. Kinh phí dự kiến:

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 83.840.000 đồng

Trong đó:

a) Thực hiện chế độ đối với số lao động về hưu trước độ tuổi quy định: 0 đồng.

b) Đóng cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thờigian đóng BHXH: 0 đồng

c) Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 75.790.000đồng (mẫu số 8 kèm theo)

d) Thực hiện chế độ đối với số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21 tháng 4 năm 1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt hợp đồng lao động: 8.050.000 đồng (mẫu số 9 kèm theo).

4. Nguồn kinh phí đảm bảo

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: 83.840.000đồng.

Trong đó:

a) Nguồn từ tiền bán cổ phần: 83.840.000đồng.

b) Chi phí của doanh nghiệp: 0 đồng.

c) Trường hợp nguồn tiền bán cổ phần không đủ chi nêu tại điểm 4.a thì đề nghị Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ~~tỉnh~~ hỗ trợ.

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 7 năm 2017 — *Đồng Tháp, ngày 30 tháng 06 năm 2017*

NGƯỜI LẬP BIỂU	PHÊ DUYỆT CỦA CHỦ SỞ HỮU	PHÓ TRƯỞNG CÔNG TY
	KT.CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH	
Ngô Thị Xuân Nữ	Châu Hồng Phúc	Lê Thanh Mân

Mẫu số 01

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
1. Không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động	1	Trần Quang Sĩ	10/12/1961	Chủ tịch Hội đồng thành viên Cty	Thạc sĩ kinh tế	08/01/2000	K			
	2	Lê Thanh Mân	05/10/1967	Thành viên HĐTV, Tổng GĐ Cty	Thạc sĩ QTKD & quản lý	01/10/2000	K			
	3	Nguyễn Văn Đúng	16/08/1964	Thành viên HĐTV, Phó Tổng GĐ C	Thạc sĩ kinh tế học	01/07/2001	K			
	4	Lê Thị Hồng	19/01/1971	Thành viên HĐTV, Phó Tổng GĐ Cty	Thạc sĩ kinh tế học	01/06/1991	K			
	5	Đinh Thiện Hiền	22/10/1969	Kiểm soát viên	Cử nhân kinh tế	06/09/2013	K			
	6	Nguyễn Xuân Tuyên	16/03/1983	Kế toán trưởng Công ty	Đại học tài chính kế toán	12/01/2007	K			
2. Đang làm việc theo hợp đồng lao động	7	Trần Văn Lợi	19/07/1973	Phó Phòng Kiểm soát nội bộ	Cử nhân Luật học	01/04/2001	A	10.325.000		
	8	Lê Nguyễn Minh Phương	26/02/1989	Nhân viên kiểm soát	Cử nhân QTKD	06/02/2014	B	5.600.000		
	9	Đỗ Thanh Tùng	10/12/1964	Nhân viên kiểm soát	Trung cấp kế toán	05/01/1994	A	7.350.000		
	10	Phạm Văn Hạng Em	1968	Nhân viên kiểm soát	Đại học hướng hóa lý	01/02/1995	A	8.225.000		
	11	Ngô Thị Xuân Nữ	05/02/1966	Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự	Đại học thú y	06/07/1992	A	11.900.000		
	12	Nguyễn Thành An	27/02/1958	Phó Phòng Tổ chức Nhân sự	Cử nhân kinh tế	01/04/2011	A	10.325.000		
	13	Trịnh Thị Hương	24/09/1973	Nhân viên nhân sự	Cử nhân luật	08/04/1996	A	7.350.000		
	14	Lê Chí Thông	09/09/1985	Nhân viên tiền lương	Trung cấp LĐ tiền lương	02/01/2007	A	5.600.000		
	15	Phạm Thị Ngọc Điệp	14/06/1982	Nhân viên nghiệp vụ công tác đảng	Cử nhân kế toán	01/06/2012	B	5.600.000		
	16	Nguyễn Tuấn Cường	08/03/1987	Nhân viên thi đua khen thưởng	Kỷ sư khoa học máy tính	01/07/2011	A	5.600.000		
	17	Lê Thanh Dũng	10/12/1983	Nhân viên nhân sự	Cử nhân Marketting	01/06/2013	B	5.600.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	18	Phạm Văn Tân	1964	Trưởng phòng Hành chính - QT	Cử nhân kinh tế	02/08/2000	A	11.900.000		
	19	Nguyễn Viết Khái	12/02/1978	Phó Phòng Hành chính - QT	Cử nhân hành chánh	01/01/2005	A	10.325.000		
	20	Đặng Thị Tạo	14/03/1977	Nhân viên văn thư	Cử nhân lưu trữ	01/11/1999	A	6.475.000		
	21	Hùynh Trọng Hữu	04/12/1981	Nhân viên hành chính	Cử nhân QTKD	15/10/2005	A	6.475.000		
	22	Phạm Thu Hiền	09/10/1986	Nhân viên hành chính	Kỷ sư điện tử viễn thông	02/01/2013	B	5.600.000		
	23	Bùi Thị Hồng Tươi	05/11/1989	Nhân viên hành chính	Cử nhân kế tóan	03/10/2011	A	5.600.000		
	24	Võ Hải Long	02/07/1983	Nhân viên IT	Cử nhân phần mền	02/01/2012	A	6.745.000		
	25	Nguyễn Thành Nam	20/11/1977	Nhân viên IT	Cử nhân tin học	01/03/2013	A	5.600.000		
	26	Đặng Nghĩa Nhân	03/01/1989	Nhân viên IT	Kỹ sư điện tử, truyền thông	01/06/2012	A	5.600.000		
	27	Trương Nhã Nguyên	19/05/1987	Tổ phó tổ pháp chế	Thạc sĩ Luật KD quốc tế	02/06/2014	A	5.600.000		
	28	Phạm Hồng Thắm	20/02/1967	Thủ quỹ	Cao đẳng kế toán	15/09/2000	A	5.600.000		
	29	Trần Văn Do	26/08/1986	Nhân viên lái xe con	Lái xe	06/09/2011	A	6.370.000		
	30	Lê Thành Nam	17/01/1967	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/10/2006	A	6.370.000		
	31	Nguyễn Quang Viên	11/10/1984	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/03/2007	A	6.370.000		
	32	Nguyễn Anh Tuấn	1965	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/06/2007	A	6.370.000		
	33	Trương Hồng Minh	27/03/1977	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/11/2006	A	6.370.000		
	34	Bùi Văn Minh Trung	08/03/1964	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/09/2006	A	6.370.000		
	35	Hùynh Văn Hựu	1970	Nhân viên lái xe con	Lái xe	01/08/2001	A	6.370.000		
	36	Tiết Văn Minh	1970	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng điện cơ. an toàn điện	04/01/2002	A	6.510.000		
	37	Ngô Thái Thanh	14/03/1980	Nhân viên bảo vệ	Sơ cấp điện	01/06/2011	A	4.025.000		
	38	Phạm Thanh Quang	12/12/1957	Nhân viên cây kiểng	Thuyền trưởng tàu sông	01/10//2008	A	4.025.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	39	Nguyễn Thị Sa	01/01/1966	Nhân viên tạp vụ		01/09/2009	A	4.025.000		
	40	Đoàn Phương Thanh	15/10/1957	Nhân viên lái xe	Lái xe	05/10/1996	A	6.370.000		
	41	Võ Tiến Cường	15/02/1966	Nhân viên lái xe	Lái xe	01/12/1996	A	6.370.000		
	42	Võ Thế Hùng	1964	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng kỹ thuật xăng dầ	01/01/1998	A	5.075.000		
	43	Mai Thị Ngọc Phương	15/10/1974	Nhân viên pháp chế	Đại học Ktế ngoại thương	15/11/2000	A	7.350.000		
	44	Ngô Thị Tấn	20/10/1968	Nhân viên phục vụ	Sơ cấp nghề	01/12/1992	A	5.075.000		
	45	Nguyễn Minh Lộc	16/04/1975	Phó Phòng Kế toán	Đại học tài chính kế toán	01/01/2001	A	10.325.000		
	46	Phạm Văn Bền	15/10/1977	Phó Phòng Kế toán	Cử nhân kế toán	06/02/2004	A	10.325.000		
	47	Lê Thị Thu Thủy	05/11/1983	Nhân viên kế toán	Cử nhân kế toán	01/11/2006	A	6.475.000		
	48	Lý Kim Phượng	09/03/1981	Nhân viên kế toán	Đại học tài chính kế toán	01/09/2004	A	6.475.000		
	49	Hồ Kim Hiền	15/04/1988	Nhân viên kế toán	Trung cấp kế toán	01/10/2008	A	5.600.000		
	50	Nguyễn Thị Phương Trúc	14/06/1986	Nhân viên kế toán	Cử nhân kinh tế ngoại thương	01/06/2012	A	5.600.000		
	51	Lê Văn Tùng	07/11/1986	Nhân viên kế toán	Cử nhân tài chính - ng/hàng	01/06/2013	B	5.600.000		
	52	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/09/1987	Nhân viên kế toán	Cử nhân kế toán - kiểm toán	01/06/2013	B	5.600.000		
	53	Đỗ Minh Tấn	28/04/1986	Nhân viên kế toán	Cử nhân kinh tế - ngành TCDN	06/09/2011	A	5.600.000		
	54	Lưu Đức Huy	16/07/1984	Nhân viên kế toán	Cử nhân Tài chính ngân hàng	03/12/2012	B	5.600.000		
	55	Trần Thị Hường	20/03/1967	Nhân viên kế toán	Đại học tài chính kế toán	26/03/1990	A	8.225.000		
	56	Dương Thị Mai Hưng	18/08/1977	Trưởng Phòng Kinh doanh	Cử nhân k/tế ngoại thương	01/04/2002	A	11.900.000		
	57	Lê Hoàng Phong	05/05/1978	Phó Phòng Kinh doanh	Cao đẳng QTKD	01/06/2001	A	10.325.000		
	58	Hà Thị Yến Ly	09/07/1983	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân kinh tế - QTKD	01/05/2006	A	6.475.000		
	59	Võ Phương Kiều	24/10/1976	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân kinh tế - QTKD	20/01/2003	A	6.475.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	60	Võ Ánh Nguyên	14/01/1984	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân kế tóan	15/11/2006	A	5.600.000		
	61	Đậu Đức Mai	10/10/1959	Thuyền trưởng	Thuyền trưởng hạng 2	11/08/2003	A	7.350.000		
	62	Nguyễn Ngọc Thái	02/07/1962	Nhân viên giao nhận	Thuyền trưởng hạng 1	02/01/2008	A	6.055.000		
	63	Trần Quốc Toàn	26/10/1989	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân tài chính - ng/hàng	08/11/2011	A	5.600.000		
	64	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	24/08/1990	Nhân viên kinh doanh	Cao đẳng tài chính ng/hàng	01/06/2012	A	5.600.000		
	65	Nguyễn Quốc Việt	25/11/1990	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân QTKD	01/06/2013	B	5.600.000		
	66	Nguyễn Quốc Duy	30/05/1989	Nhân viên kinh doanh	Cao đẳng kế toán	01/06/2013	B	5.600.000		
	67	Lê Minh Tâm	20/05/1987	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân tài chính ngân hàng	01/06/2013	B	5.600.000		
	68	Đoàn Trọng Khang	19/12/1990	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân hệ thống, th/tin K/tế	01/06/2013	B	5.600.000		
	69	Lê Thị Khánh An	23/10/1990	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân QTKD	09/09/2013	B	5.600.000		
	70	Lê Thị Phương Thảo	02/09/1982	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân QTKD	15/09/2004	A	5.600.000		
	71	Lê Hoàng Dũng	01/08/1977	Cửa hàng trưởng cửa hàng xăng dầu	Trung cấp xăng dầu	01/10/2009	A	7.700.000		
	72	Nguyễn Tấn Quy	25/06/1981	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Trung cấp xăng dầu	15/02/2004	A	7.350.000		
	73	Nguyễn Ngọc Trân	24/12/1993	Nhân viên kế toán	Cao đẳng tài chính ngân hàng	12/09/2015	B	4.760.000		
	74	Nguyễn Minh Tân	26/06/1989	Nhân viên bán hàng	Bồi dưỡng bảo vệ môi trường	01/03/2016	B	4.410.000		
	75	Lê Thu Thảo	02/09/1995	Nhân viên kế toán	Cao đẳng kế toán	01/08/2016	B	4.760.000		
	76	Châu Bảo Tuyến	18/04/1982	Nhân viên bán hàng	Bồi dưỡng nghề hàn điện	05/09/2016	B	3.745.000		
	77	Đặng Thị Xuân Trang	18/11/1981	Trưởng Phòng xuất nhập khẩu	Cử nhân kinh tế đối ngoại	01/11/2004	A	11.025.000		
	78	Đặng Thanh Hải	18/06/1973	Phó Phòng xuất nhập khẩu	Cử nhân k/tế ngoại thương	01/01/2000	A	10.325.000		
	79	Trần Tiến Triển	19/08/1976	Nhân viên xuất nhập khẩu	Đại học Anh văn	01/08/2006	A	6.745.000		
	80	Trần Công Anh Thương	09/08/1982	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân Anh văn	01/01/2006	A	6.745.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	81	Phạm Hồng Nhung	02/02/1986	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân TM dịch vụ	01/10/2008	A	6.745.000		
	82	Bùi Q.Thanh Thường Trụ	08/12/1976	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân ngoại ngữ	03/12/2007	A	6.745.000		
	83	Hùynh Văn Mười	10/01/1966	Nhân viên xuất nhập khẩu	Trung cấp nông sản thực phẩm	01/08/2004	A	4.725.000		
	84	Ngô Toàn Trung	19/01/1992	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân kinh doanh quốc tế	01/07/2014	B	5.600.000		
	85	Võ Thị Mỹ Trân	01/01/1983	Nhân viên xuất nhập khẩu	Thạc sĩ Quản trị KD	11/03/2014	B	5.600.000		
	86	Hồ Thị Mỹ Hạnh	23/10/1990	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân thương mại	02/12/2013	B	5.600.000		
	87	Nguyễn Huy Anh	13/08/1988	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân QTKD	01/11/2014	B	5.600.000		
	88	Hùynh Văn Khánh	1985	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân kinh doanh - du lịch	06/05/2013	B	5.600.000		
	89	Trần Thanh Duy	07/02/1988	Nhân viên xuất nhập khẩu	Cử nhân công nghệ hóa học	11/04/2016	B	5.600.000		
	90	Nguyễn Khánh Hòa	05/08/1968	Trưởng Phòng Kỹ thuật	Kỹ sư cơ khí	01/03/2001	A	11.900.000		
	91	Nguyễn Tấn Thành	07/11/1978	Phó Phòng kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng	01/10/2007	A	10.325.000		
	92	Phạm Văn Thắng	12/01/1978	Nhân viên kỹ thuật	Cử nhân QTKD	01/03/1999	A	7.350.000		
	93	Hùynh Mộng Kiều	11/07/1977	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư kinh tế xây dựng	01/03/1999	A	7.350.000		
	94	Trần Kiến Tâm	20/11/1979	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư kỹ thuật C/nghiệp	01/01/2005	A	6.475.000		
	95	Nguyễn Hải Bằng	18/07/1982	Nhân viên kỹ thuật	Kỷ sư xây dựng	02/07/2007	A	6.475.000		
	96	Lê Tấn Phú	10/03/1974	Nhân viên kỹ thuật	Kỷ sư xây dựng	03/11/2008	A	6.475.000		
	97	Nguyễn Anh Tâm	01/09/1986	Nhân viên kỹ thuật	Thạc sĩ quản lý môi trường	03/10/2011	A	5.600.000		
	98	Nguyễn Hữu Nhơn	01/11/1988	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư công nghệ ô tô	01/03/2013	B	5.600.000		
	99	Nguyễn Thông Thuận	03/09/1989	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư xây dựng	01/06/2013	B	5.600.000		
	100	Đỗ Đức Thu	1973	Trưởng phòng Kế hoạch - ĐT	Thạc sĩ kinh tế học	01/06/1997	A	11.900.000		
	101	Nguyễn Thị Lệ Hằng	05/05/1970	Phó Phòng Kế hoạch - ĐT	Đại học tài chính kế toán	01/01/1999	A	10.325.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	102	Trần Minh Huấn	09/04/1983	Nhân viên	Cử nhân QTKD	01/10/2008	A	6.475.000		
	103	Nguyễn Thị Bông	01/01/1984	Nhân viên	Cử nhân kế toán	01/10/2007	A	5.600.000		
	104	Trần Vĩnh Lộc	25/07/1967	Nhân viên	Kỷ sư xây dựng	01/03/2012	A	7.350.000		
	105	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/03/1969	Nhân viên	Cử nhân K/tế ngành QTKD	02/10/2012	B	7.350.000		
	106	Lại Quốc Thịnh	02/01/1987	Nhân viên	Kỹ sư công nghệ khoan dầu khí	01/06/2013	B	5.600.000		
	107	Lâm Thạch Thảo	13/06/1989	Nhân viên	Kỹ sư hóa dầu	01/06/2013	B	5.600.000		
	108	Lâm Ngọc Trâm	06/10/1992	Nhân viên	Cao đẳng hóa dầu	01/07/2014	B	4.725.000		
	109	Bùi Thanh Tuấn	1987	Nhân viên	Cử nhân khoa học địa lý	02/12/2015	B	5.600.000		
	110	Nguyễn Văn Thấm	25/02/1958	Giám đốc Khu Du Lịch Ba Láng	Trung cấp kế toán	01/02/1999	A	7.700.000		
	111	Võ Văn Năm	21/07/1960	Nhân viên bảo vệ		01/01/2002	A	5.075.000		
	112	Mai Ngọc Tiến	03/08/1975	Giám đốc CN TPHCM	Đại học tài chính kế toán	01/05/2000	A	11.900.000		
	113	Mai Tuấn Đạt	24/07/1966	Phó Giám đốc CN TPHCM	Cao đẳng QTKD	01/07/1992	A	10.325.000		
	114	Nguyễn Hữu Trị	08/06/1983	Kế toán trưởng chi nhánh	Cao đẳng kế toán	01/10/2007	A	5.600.000		
	115	Hồ Thị Kim Trinh	25/02/1976	Nhân viên kinh doanh	Trung cấp KD xuất nhập khẩu	01/10/2007	A	5.600.000		
	116	Trần Thị Bích Loan	25/09/1978	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân k/tế Nông Lâm	04/05/2004	A	6.475.000		
	117	Nguyễn Tấn Thành	25/05/1987	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân QTKD	07/06/2010	A	5.600.000		
	118	Trần Nữ Ngọc Thụy	24/09/1982	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân kh/học C/nghệ thông tin	15/04/2010	A	5.600.000		
	119	Đặng Trương Thanh Hiền	24/10/1987	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân QTKD	01/11/2009	A	6.475.000		
	120	Phạm Võ Trâm Anh	07/07/1993	Nhân viên kinh doanh	Cao đẳng kinh doanh thương mại	15/08/2013	B	4.725.000		
	121	Nguyễn Hữu Cần	11/07/1982	Nhân viên lái xe	Lái xe hạng E	08/07/2013	B	4.620.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	122	Nguyễn Thành Tựu	14/02/1992	Nhân viên kinh doanh	Cử nhân quản trị kinh doanl	01/03/2016	B	5.600.000		
	123	Võ Thành Văn	10/10/1965	Trưởng trạm cấp phát Đồng Nai	Đại học thương nghiệp	26/10/1995	A	10.325.000		
	124	Võ Bá Hải	28/12/1975	Nhân viên kế toán	Cử nhân kế toán	09/09/2013	B	5.600.000		
	125	Trần Thanh Phong	1977	Nhân viên kế toán	Trung cấp kế toán tin học	01/08/2007	A	5.600.000		
	126	Phạm Văn Minh	15/08/1981	Nhân viên bảo vệ	Cao đẳng kế tóan, BD xăng dầu	01/02/2002	A	5.740.000		
	127	Lê Cảnh Trí	28/11/1963	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp kế hoạch	02/01/2009	A	4.900.000		
	128	Lê Đình Quế	01/09/1968	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	07/04/2010	A	4.900.000		
	129	Lê Hải Sơn	20/03/1989	Nhân viên bảo vệ	KS công nghệ hóa chất dầu kh	01/04/2016	B	4.060.000		
	130	Nguyễn Phước Hiền	28/02/1970	Nhân viên bảo vệ		05/09/2016	B	4.060.000		
	131	Trần Trí Viễn	05/03/1968	Thủ kho kho dầu nhờn	Trung cấp xăng dầu	08/01/2001	A	7.350.000		
	132	Nguyễn Anh	22/02/1972	Giám đốc Kho Tân Phú Thạnh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	12/05/1995	A	11.025.000		
	133	Phạm Trung Đức	25/08/1965	Phó GĐ Kho Tân Phú Thạnh	Trung cấp xăng dầu	01/01/1998	A	10.325.000		
	134	Nguyễn Thái Học	01/02/1990	Nhân viên kế toán	Trung cấp kế tóan	01/04/2011	A	4.725.000		
	135	Hùynh Thu Hiền	28/08/1978	Nhân viên văn phòng	Bồi dưỡng về ng/vụ thuế	01/01/1998	A	6.475.000		
	136	Võ Ngọc Phương	08/07/1978	Nhân viên PCCC	Bồi dưỡng xăng dầu	05/09/2001	A	6.090.000		
	137	Đoàn Tấn Lực	10/08/1972	Nhân viên giám sát	Cử nhân kinh tế - QTKD	01/06/2001	A	4.900.000		
	138	Nguyễn Văn Bé Bảy	1967	Tổ trưởng tổ giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/01/2000	A	7.700.000		
	139	Phan Văn Quân	03/08/1965	Nhân viên giao nhận	Kỷ sư hoá thực phẩm	01/10/2005	A	7.350.000		
	140	Hùynh Tấn Tài	03/02/1972	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/01/2000	A	5.740.000		
	141	Nguyễn Hoài Hận	06/08/1978	Nhân viên kỹ thuật	Kỷ sư điện	15/03/2001	A	6.510.000		
	142	Hùynh Thế Phú	30/05/1959	Nhân viên bảo vệ	Thuyền trưởng hạng 1	01/02/1997	A	5.740.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	143	Nguyễn Phúc Thịnh	01/06/1964	Nhân viên kỹ thuật	Máy trưởng hạng 1	01/04/1994	A	6.510.000		
	144	Nguyễn Văn Triều	1959	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	01/04/2003	A	6.090.000		
	145	Nguyễn Hoài Thanh	29/05/1986	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	01/05/2007	A	5.740.000		
	146	Hà Nhựt Tân	13/06/1986	Nhân viên hóa nghiệm	Cao đẳng hoá dầu	05/05/2008	A	4.760.000		
	147	Nguyễn Đức Thanh	15/03/1982	Nhân viên giao nhận	Trung cấp địa chính	01/01/2006	A	7.350.000		
	148	Mạch Chí Công	05/03/1978	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	15/08/2001	A	4.760.000		
	149	Trần Khánh Dân	10/10/1982	Nhân viên kỹ thuật	Kỷ sư điện Công nghiệp	16/10/2006	A	5.565.000		
	150	Trần Văn Sô	1983	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	06/01/2005	A	5.740.000		
	151	Nguyễn Chí Công	03/14/1990	Nhân viên hóa nghiệm	Cao đẳng hóa dầu	08/01/2001	B	4.760.000		
	152	Nguyễn Văn Hậu	18/02/1987	Nhân viên kỹ thuật	Kỷ sư cơ điện	01/06/2013	B	4.620.000		
	153	Đoàn Minh Thắng	10/12/1971	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư điện, điện tử	01/04/1999	A	6.510.000		
	154	Thái Văn Liêm	06/10/1969	Giám đốc Kho Trần Quốc Toản	Cử nhân QTKD	01/06/1991	A	10.325.000		
	155	Hồ Phú Danh	12/11/1965	Phó GĐ Kho Trần Quốc Toản	Cử nhân kinh tế	12/01/2000	A	10.325.000		
	156	Lê Phước Nhiệm	1965	Phó GĐ Kho Trần Quốc Toản	Đại học PCCC	01/03/2001	A	9.450.000		
	157	Nguyễn Văn Tuấn	10/09/1960	Nhân viên kế toán	Cử nhân QTKD	01/07/1999	A	6.745.000		
	158	Phan Thị Lệ Thủy	10/12/1964	Nhân viên kế toán		09/04/1990	A	7.350.000		
	159	Trần Nguyễn M. T. Xuân	16/12/1990	Nhân viên kế toán	Cử nhân QTKD	01/06/2013	B	5.600.000		
	160	Trần Sĩ Hạnh	02/12/1970	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	Cử nhân QTKD	12/05/1995	A	6.860.000		
	161	Nguyễn Văn Tửng	15/10/1976	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	15/10/1996	A	7.700.000		
	162	Phan Văn Tòng	24/04/1963	Đội trưởng đội bảo vệ	Cử nhân Luật	08/07/1994	A	6.090.000		
	163	Trương Văn Long	27/09/1958	Thủ kho	Sơ cấp xăng dầu	01/07/1994	A	7.350.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	164	Nguyễn Văn Du	12/07/1968	Thủ kho	Trung cấp xăng dầu	04/01/1997	A	6.055.000		
	165	Nguyễn Văn Lâm	1970	Thủ kho	Trung cấp xăng dầu	01/01/2004	A	7.350.000		
	166	Trần Minh Kiệt	06/08/1978	Nhân viên kỹ thuật	Đại học điện, điện tử	02/05/2002	A	6.510.000		
	167	Nguyễn Minh Mẫn	02/01/1961	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/12/2001	A	7.700.000		
	168	Trang Sĩ Phúc	12/04/1981	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/04/2002	A	6.510.000		
	169	Nguyễn Văn Phú	20/04/1979	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	20/01/2005	A	7.350.000		
	170	Nguyễn Thị Loan	20/08/1964	Nhân viên phục vụ		01/03/2001	A	5.075.000		
	171	Nguyễn Văn Tâm	1982	Nhân viên kỹ thuật	Trung cấp điện Công nghiệ	01/04/2004	A	6.510.000		
	172	Cao Hữu Luân	08/01/1977	Nhân viên PCCC	Cử nhân QTKD	20/12/2002	A	6.090.000		
	173	Lê Phước Việt	10/11/1984	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	02/01/2007	A	5.565.000		
	174	Lê Thanh Bình	1978	Nhân viên hóa nghiệm	Kỹ sư công nghệ hoá	01/10/2004	A	6.055.000		
	175	Đặng Văn Kỳ	25/12/1962	Nhân viên giám sát	Trung cấp xăng dầu	07/06/2006	A	5.740.000		
	176	Phan Văn Mười	1981	Nhân viên giám sát	Trung cấp xăng dầu	01/11/2005	A	5.740.000		
	177	Trần Văn Hiếu	05/07/1966	Nhân viên bảo vệ	Sơ cấp xăng dầu	01/10/2005	A	5.740.000		
	178	Tống Duy Hoà	02/06/1962	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	02/12/2002	A	5.740.000		
	179	Bùi Minh Tiền	03/06/1970	Nhân viên bảo vệ	Lái xe	03/01/2011	A	4.060.000		
	180	Nguyễn Văn Minh	15/04/1957	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	01/04/2009	A	5.110.000		
	181	Lương Văn Trí	01/10/1988	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	03/11/2011	A	4.900.000		
	182	Nguyễn Xuân Kỳ	20/03/1973	Nhân viên bảo vệ	Thuyền trưởng hạng 3	01/06/1999	A	5.740.000		
	183	Nguyễn Lê Anh Tuấn	20/10/1992	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	01/04/2013	B	4.060.000		
	184	Nguyễn Ngọc Thi	1975	Nhân viên giám sát	Đại học Luật - TC xăng dầu	04/01/2002	A	6.745.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	185	Trần Quốc Việt	03/08/1974	Nhân viên bảo vệ	Cử nhân Anh văn	01/01/2001	A	6.745.000		
	186	Võ Anh Dũng	20/07/1966	Giám đốc Kho Phước Khánh	Trung cấp kế hoạch; xăng dầu	18/09/2000	A	11.900.000		
	187	Nguyễn Văn Út	02/09/1957	Phó GĐ Kho Phước Khánh	Trung cấp xăng dầu	29/06/1999	A	10.325.000		
	188	Phan Hoàng Vũ	15/11/1966	Phó GĐ Kho Phước Khánh	Cử nhân khoa học	03/12/2001	A	10.325.000		
	189	Lê Minh Tân	10/03/1975	Cán bộ cầu cảng	Cử nhân QTKD	02/01/2009	A	6.475.000		
	190	Huỳnh Thế Bảo	17/02/1989	Nhân viên kế toán	Cử nhân Tài chính tín dụng	06/02/2014	B	5.600.000		
	191	Nguyễn Nghĩa Tuấn	20/10/1989	Nhân viên kế toán	Cử nhân Kinh tế ngoại thương	01/06/2012	A	5.600.000		
	192	Phan Văn Phương	1975	Cán bộ PCCC	Cao đẳng kế tóan;	01/06/1999	A	6.090.000		
	193	Lê Văn Bé Sáu	04/04/1964	Nhân viên bảo vệ	Cao đẳng QTKD	22/01/2001	A	6.090.000		
	194	Lê Văn An	15/12/1959	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	15/06/2001	A	5.740.000		
	195	Phan Anh Tú	17/08/1972	Nhân viên hóa nghiệm	Kỷ sư hoá	08/04/2002	A	6.055.000		
	196	Âu Văn Hòa	28/12/1968	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	01/08/1996	A	5.740.000		
	197	Phạm Hữu An	1966	Nhân viên bảo vệ	Máy tàu bậc 3/7	10/07/1992	A	5.740.000		
	198	Vũ Chí Khơi	04/07/1968	Nhân viên kỹ thuật	Máy trưởng hạng 1	15/09/1992	A	6.860.000		
	199	Lương Hữu Hiếu	1977	Nhân viên bảo vệ	Cửnhân kinh tế đối ngoại	01/03/2004	A	5.740.000		
	200	Phạm Ngọc Quan	24/04/1984	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	14/03/2005	A	5.740.000		
	201	Huỳnh Văn Phúc	1983	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	14/03/2005	A	5.740.000		
	202	Trần Thanh Phong	07/05/1978	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	02/01/2007	A	5.740.000		
	203	Võ Bá Đức	01/04/1983	Thủ kho	Cao đẳng xăng dầu	01/12/2004	A	7.350.000		
	204	Trần Ngọc Nhị	25/05/1981	Thủ kho	Cao đẳng công nghệ hoá họ	01/03/2004	A	7.350.000		
	205	Nguyễn Long Hải	26/07/1987	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	02/01/2007	A	7.350.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	206	Nguyễn Hồng Phong	02/01/1980	Thủ kho	Trung cấp xăng dầu	01/03/2004	A	7.350.000		
	207	Trần Trung Đoá	22/02/1981	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	02/05/2002	A	7.350.000		
	208	Thái Văn Tùng	27/05/1974	Nhân viên giao nhận	Kỹ thuật xăng dầu bậc 3/6	12/05/1995	A	7.350.000		
	209	Nguyễn Hải Hoà	08/02/1982	Nhân viên giám sát	Trung cấp xăng dầu	01/03/2004	A	7.350.000		
	210	Võ Văn Sùng	06/06/1973	Nhân viên bảo vệ		01/07/2004	A	5.075.000		
	211	Lê Thanh Tâm	21/07/1975	Tổ trưởng tổ giao nhận	Cao đẳng Tin học	01/03/2005	A	7.700.000		
	212	Nguyễn Hùng Thịnh	01/10/1968	Nhân viên kỹ thuật	Bồi dưỡng xăng dầu	01/04/2006	A	6.510.000		
	213	Hồ Hồng Hà	05/10/1978	Nhân viên bảo vệ	Lái xe	03/12/2009	A	4.900.000		
	214	Nguyễn Thanh Liêm	18/03/1985	Nhân viên bảo vệ	Đại học Công nghệ thực phẩm	01/07/2010	A	5.110.000		
	215	Nguyễn Thanh Tú	30/04/1979	Nhân viên kỹ thuật	Kỹ sư cơ khí động lực	01/04/2010	A	5.775.000		
	216	Trần Văn Nam	01/01/1977	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	01/07/2011	A	4.900.000		
	217	Tạ Minh Vương	17/07/1989	Nhân viên kỹ thuật	Trung cấp điện	15/08/2011	A	4.620.000		
	218	Lê Hồng Phong	29/05/1970	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	05/11/2008	A	6.055.000		
	219	Nguyễn Công Danh	03/08/1988	Nhân viên hóa nghiệm	Kỷ sư công nghệ hóa dầu	01/06/2013	B	4.760.000		
	220	Nguyễn Minh Phắng	10/10/1990	Nhân viên hóa nghiệm	Kỹ sư hóa dầu	09/09/2013	B	4.760.000		
	221	Trần Văn Yên	20/12/1985	Nhân viên hóa nghiệm	Kỷ sư địa chất dầu khí	01/06/2013	B	4.760.000		
	222	Nguyễn Duy Linh	21/06/1988	Nhân viên bảo vệ	Cao đẳng tin học	04/04/2013	B	4.060.000		
	223	Lương Văn Nguyên	19/05/1983	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp xăng dầu	05/05/2008	A	4.900.000		
	224	Cao Sỹ Kiên	05/09/1981	Nhân viên bảo vệ		01/04/2016	A	4.060.000		
	225	Nguyễn Thành Công	28/01/1993	Nhân viên hóa nghiệm	Cao đẳng hóa dầu	01/11/2014	B	4.760.000		
	226	Nguyễn Lê Duy Tiến	28/02/1993	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/05/2015	B	4.760.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	227	Lê Thanh Phúc	1972	Nhân viên phục vụ		01/12/2016	B	3.745.000		
	228	Huỳnh Văn Khánh	24/05/1978	Trưởng trạm xăng dầu	Trung cấp xăng dầu	01/03/2000	A	7.700.000		
	229	Đỗ Văn Tài	04/02/1977	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Trung cấp xăng dầu	01/07/2005	A	7.350.000		
	230	Đinh Văn Thanh	03/02/1991	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Kỷ sư khai thác thủy sản	05/04/2016	B	3.745.000		
	231	Trần Văn Chiến	1964	Trưởng trạm xăng dầu	Bồi dưỡng xăng dầu	10/05/2002	A	7.700.000		
	232	Nguyễn Văn Minh	15/04/1957	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Cử nhân hành chính	03/08/2010	A	4.410.000		
	233	Nguyễn Hồng Phúc	30/05/1972	Giám đốc Chi nhánh Bà Rịa Vũng T	Trung cấp kế toán	15/03/2002	A	7.700.000		
	234	Lữ Thành An	05/05/1991	Nhân viên kế toán	Cử nhân kế toán	18/07/2016	B	4.760.000		
	235	Ngô Thanh Bình	26/12/1977	Nhân viên bán hàng	Bồi dưỡng kỹ thuật xăng dầ	18/07/2016	B	3.745.000		
	236	Nguyễn Ngọc Giàu	10/04/1964	Phó Giám đốc Kho Trường Xuân	Trung cấp xăng dầu	25/05/1994	A	10.325.000		
	237	Lê Thanh Tuấn	1965	Phó GĐ Kho Trường Xuân	Trung cấp xăng dầu	01/10/1994	A	7.700.000		
	238	Phạm Văn Đồng	08/10/1973	Nhân viên kế toán	Cử nhân kế toán	12/05/1995	A	7.350.000		
	239	Hồ Thanh Hoài	29/08/1990	Nhân viên kế toán	Cao đẳng nghề kế tóan	03/10/2011	A	4.725.000		
	240	Đoàn Văn Nghệ	01/05/1957	Nhân viên kỹ thuật	Máy trưởng hạng 2	01/04/1997	A	6.860.000		
	241	Nguyễn Văn Hào	29/06/1961	Nhân viên bảo vệ	Máy trưởng hạng 3	01/04/1997	A	5.740.000		
	242	Nguyễn Văn Toản	18/01/1979	Thủ kho	Cử nhân QTKD	02/05/2004	A	7.350.000		
	243	Nguyễn Minh Lý	12/03/1979	Nhân viên giao nhận	Trung cấp xăng dầu	01/01/2000	A	7.350.000		
	244	Phạm Phước Hòa	07/04/1981	Nhân viên kỹ thuật	Điện lạnh bậc 4/7	07/06/2004	A	6.510.000		
	245	Phạm Hoàng Nam	1972	Nhân viên bảo vệ	Lái xe; Bồi dưỡng xăng dầu	22/09/2008	A	5.740.000		
	246	Huỳnh Văn Hoàng	15/05/1966	Nhân viên bảo vệ	Bồi dưỡng xăng dầu	01/11/2009	A	4.900.000		
	247	Nguyễn Ngọc Văn Hồng	1961	Nhân viên bảo vệ	Thuyền trưởng hạng 2,	02/03/2009	A	4.900.000		

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh công việc đang làm	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày tháng năm được tuyển dụng lần cuối vào Công ty	Loại hợp đồng lao động	Tiền lương theo hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu ngừng/ nghỉ/tạm hoãn HĐLĐ	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	3	4	5	
	248	Trần Thanh Liêm	22/11/1980	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp KS Du lịch	01/07/2011	A	4.060.000		
	249	Nguyễn Văn Tuấn	01/02/1987	Nhân viên bảo vệ	Trung cấp kế toán	05/04/2016	B	4.060.000		
	250	Võ Thanh Phương	01/01/1974	Nhân viên bảo vệ Trang trại Hội Bài VT		01/08/2005	A	4.025.000		
	251	Lê Thị Thúy	14/10/1963	Trưởng ban kiểm Cty Vận tải XD ĐT	Đại học kinh tế - ngành vật tư	01/02/2007	A	11.900.000		
	252	Nguyễn Ngọc Lưu	14/01/1974	Trưởng ban kiểm Cty Nhiên Liệu ĐT	Cử nhân kinh tế	02/05/2012	B	5.600.000		
	253	Trần Kim Hiền	20/09/1990	Trưởng ban kiểm Cty Nhiên Liệu Tây Đô	Cử nhân kế tóan	01/06/2013	B	5.600.000		
3. Đang phải ngừng việc		Không có								
4. Đang nghỉ hưởng chế độ BHXH	254	Phạm Văn Nhất	24/03/1979	Nhân viên giao nhận	Sơ cấp kỹ thuật xăng dầu	01/01/1998	A	7.350.000	30/10/2015	Nghỉ ốm
	255	Lê Phượng Liên	14/06/1989	Nhân viên	Cử nhân kế toán	01/10/2014	B	5.600.000	22/08/2016	Nghỉ hộ sản
5. Đang nghỉ không hưởng lương		Không có								
6. Đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ (bao gồm cả người đại diện phần vốn của Công ty)	256	Nguyễn Thanh Toàn	02/01/1970	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	Đại học tài chính kế toán	01/06/1990	A		12/10/2007	Cả 05 trường hợp này tiền lương và các chế độ khác hưởng tại Cty con nơi đang công tác
	257	Lê Trung Nguyên Khôi	05/10/1975	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	Cao đẳng sư phạm	08/01/1997	A		30/11/2007	
	258	Trần Văn Hùng	12/31/1969	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	Cử nhân kinh tế	01/12/2000	A		10/04/2015	
	259	Hà Phước Phát	28/10/1964	Cán bộ cử tham gia công tác tại Cty LD-LK	Đại học Anh văn	01/04/1999	A		14/04/2016	
	260	Phạm Ngọc Huỳnh	06/02/1974	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	Đạo học Tài chính kế toán	03/09/2002	A		01/11/2012	

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU | **TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Ngô Thị Xuân Nữ | Lê Thanh Mân

Mẫu số 2

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TIẾP TỤC ĐƯỢC SỬ DỤNG SAU KHI SẮP XẾP LẠI TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Tiếp tục được sử dụng	1	Trần Quang Sĩ	1	10/12/1961		Thạc sĩ kinh tế	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ý kiến của Chủ sở hữu	33	
	2	Lê Thanh Mân	2	05/10/1967		Thạc sĩ QTKD & quản lý	Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc	Ý kiến của Chủ sở hữu	24	
	3	Lê Thị Hồng	4		19/01/1971	Thạc sĩ kinh tế học	Thành viên HĐTV, Phó Tổng Giám đốc	Ý kiến của Chủ sở hữu	25	7
	4	Nguyễn Văn Đúng	3	16/08/1964		Thạc sĩ kinh tế học	Thành viên HĐTV, Phó Tổng Giám đốc	Ý kiến của Chủ sở hữu	15	6
	5	Đinh Thiện Hiền	5	22/10/1969		Cử nhân kinh tế	Kiểm soát viên	Ý kiến của Chủ sở hữu	26	11
	6	Nguyễn Xuân Tuyên	6	16/03/1983		Đại học tài chính kế toán	Kế tóan trưởng Công ty	Kế toán trưởng Công ty	12	2
	7	Trần Văn Lợi	7	19/07/1973		Cử nhân Luật	Phó Phòng Kiểm soát nội bộ	Lãnh đạo Phòng Kiểm soát nội bộ	25	8
	8	Lê Nguyễn Minh Phương	8		26/02/1989	Cử nhân QTKD	Nhân viên kiểm soát	Nhân viên kiểm soát	4	9
	9	Đỗ Thanh Tùng	9	10/12/1964		Trung cấp kế toán	Nhân viên kiểm soát	Nhân viên kiểm soát	22	9
	10	Phạm Văn Hạng Em	10	1968		Đại học hướng hóa lý	Nhân viên kiểm soát	Nhân viên kiểm soát	22	
	11	Ngô Thị Xuân Nữ	11		05/02/1966	Đại học thú y	Trưởng Phòng Tổ chức Nhân sự	Lãnh đạo Phòng Tổ chức - HCQT	24	2
	12	Nguyễn Thành An	12	27/02/1958		Cử nhân kinh tế	Phó Phòng Tổ chức Nhân sự	Lãnh đạo Phòng Tổ chức - HCQT	20	5
	13	Phạm Văn Tân	18	1964		Cử nhân kinh tế	Trưởng phòng Hành chính - Quản trị	Lãnh đạo Phòng Tổ chức - HCQT	27	10
	14	Nguyễn Viết Khái	19	12/02/1978		Cử nhân hành chánh	Phó Phòng Hành chính - Quản trị	Lãnh đạo Phòng Tổ chức - HCQT	12	

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	15	Trịnh Thị Hương	13		24/09/1973	Cử nhân luật	Nhân viên nhân sự	Nhân viên nhân sự	20	9
	16	Lê Chí Thông	14	09/09/1985		Trung cấp LĐ tiền lương	Nhân viên tiền lương	Nhân viên tiền lương	10	
	17	Phạm Thị Ngọc Điệp	15		16/04/1982	Cử nhân kế toán	Nhân viên công tác đảng	Nhân viên công tác đảng	7	10
	18	Nguyễn Tuấn Cường	16	08/03/1987		Kỷ sư khoa học máy tính	Nhân viên thi đua khen thưởng	Nhân viên thi đua - bảo hộ lao động	5	4
	19	Lê Thanh Dũng	17	10/12/1983		Cử nhân Marketting	Nhân viên nhân sự	Nhân viên lao động tổng hợp	3	5
	20	Lê Phượng Liên	255		14/06/1989	Cử nhân kế toán kiểm toán	Nhân viên	Nhân viên hành chính tổng hợp	2	1
	21	Đặng Thị Tạo	20		14/03/1977	Cử nhân lưu trữ	Nhân viên văn thư, lưu trữ	Nhân viên văn thư, lưu trữ	16	9
	22	Hùynh Trọng Hữu	21	04/12/1981		Cử nhân QTKD	Nhân viên hành chính	Nhân viên lập hồ sơ tài sản	11	2
	23	Phạm Thu Hiền	22		09/10/1986	Kỷ sư điện tử viễn thông	Nhân viên hành chính	Nhân viên hành chính tổng hợp	6	
	24	Bùi Thị Hồng Tươi	23		05/11/1989	Cử nhân kế tóan	Nhân viên hành chính	Nhân viên quản lý hóa đơn	5	2
	25	Võ Hải Long	24	02/07/1983		Cử nhân phần mền tin học	Nhân viên IT	Nhân viên IT	7	4
	26	Nguyễn Thành Nam	25	20/11/1977		Cử nhân tin học	Nhân viên IT	Nhân viên IT	8	10
	27	Đặng Nghĩa Nhân	26	03/01/1989		Kỹ sư điện tử, truyền thông	Nhân viên IT	Nhân viên IT	4	4
	28	Trương Nhã Nguyên	27		19/05/1987	Thạc sĩ Luật KD quốc tế	Tổ phó tổ pháp chế	Tổ phó tổ pháp chế	2	7
	29	Mai Thị Ngọc Phương	43		15/10/1974	Đại học Ktế ngoại thương	Nhân viên pháp chế	Nhân viên pháp chế	15	7
	30	Phạm Hồng Thắm	28		20/02/1967	Cao đẳng kế toán	Thủ quỹ	Thủ quỹ	16	3
	31	Trần Văn Do	29	26/08/1986		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	5	3
	32	Lê Thành Nam	30	17/01/1967		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	28	9
	33	Nguyễn Quang Viên	31	11/10/1984		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	9	10
	34	Nguyễn Anh Tuấn	32	1965		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	9	7

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	35	Trương Hồng Minh	33	27/03/1977		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	10	2
	36	Bùi Văn Minh Trung	34	08/03/1964		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	10	4
	37	Huỳnh Văn Hựu	35	1970		Lái xe	Nhân viên lái xe con	Nhân viên lái xe con	24	
	38	Võ Tiến Cường	41	15/02/1966		Lái xe	Nhân viên lái xe	Nhân viên lái xe con	21	
	39	Đoàn Phương Thanh	40	15/10/1957		Lái xe	Nhân viên lái xe	Nhân viên lái xe con	23	
	40	Tiết Văn Minh	36	1970		Bồi dưỡng điện cơ, an toàn điện	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	17	5
	41	Ngô Thái Thanh	37	14/03/1980		Sơ cấp điện	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	5	6
	42	Nguyễn Thị Sa	39		01/01/1966		Nhân viên tạp vụ	Nhân viên phục vụ	7	0
	43	Ngô Thị Tấn	44		20/10/1968	Sơ cấp nghề	Nhân viên phục vụ	Nhân viên phục vụ	24	7
	44	Nguyễn Minh Lộc	45	16/04/1975		Đại học tài chính kế toán	Phó Phòng Kế toán	Lãnh đạo Phòng Kế toán - Tài vụ	16	0
	45	Phạm Văn Bền	46	15/10/1977		Cử nhân kế toán	Phó Phòng Kế toán	Lãnh đạo Phòng Kế toán - Tài vụ	12	11
	46	Lê Thị Thu Thủy	47		05/11/1983	Cử nhân kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	9	4
	47	Lý Kim Phượng	48		09/03/1981	Đại học tài chính kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	11	4
	48	Hồ Kim Hiền	49		15/04/1988	Trung cấp kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	8	3
	49	Nguyễn Thị Phương Trúc	50		14/06/1986	Cử nhân kinh tế ngoại thương	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	3	5
	50	Lê Văn Tùng	51	07/11/1986		Cử nhân tài chính ngân hàng	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	4	3
	51	Nguyễn Thị Huỳnh Như	52		05/09/1987	Cử nhân kế toán - kiểm toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	3	5
	52	Đỗ Minh Tấn	53	28/04/1986		Cử nhân kinh tế	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	5	0
	53	Lưu Đức Huy	54	16/07/1984		Cử nhân tài chính ngân hàng	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	4	11
	54	Trần Thị Hường	55		20/03/1967	Đại học tài chính kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	26	4

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	55	Dương Thị Mai Hưng	56		18/08/1977	Cử nhân k/tế ngoại thương	Trưởng Phòng Kinh doanh	Lãnh đạo Phòng kinh doanh	13	10
	56	Lê Hoàng Phong	57	05/05/1978		Cao đẳng QTKD	Phó Phòng Kinh doanh	Lãnh đạo Phòng kinh doanh	15	7
	57	Đặng Thị Xuân Trang	77		18/11/1981	Cử nhân kinh tế đối ngoại	Trưởng Phòng xuất nhập khẩu	Lãnh đạo Phòng kinh doanh	11	6
	58	Đặng Thanh Hải	78	18/06/1973		Cử nhân k/tế ngoại thương	Phó Phòng Kinh doanh	Lãnh đạo Phòng kinh doanh	17	
	59	Hà Thị Yến Ly	58		09/07/1983	Cử nhân kinh tế - QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	10	2
	60	Võ Phương Kiều	59		24/10/1976	Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	13	
	61	Võ Ánh Nguyên	60		14/01/1984	Cử nhân kế tóan	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	9	6
	62	Lê Thị Phương Thảo	70		02/09/1982	Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	11	11
	63	Trần Quốc Toản	63	26/10/1989		Cử nhân tài chính ngân hàng	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	5	
	64	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	64		24/08/1990	Cao đẳng tài chính ng/hàng	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	5
	65	Nguyễn Quốc Việt	65	25/11/1990		Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	5
	66	Nguyễn Quốc Duy	66	30/05/1989		Cao đẳng kế toán	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	5
	67	Lê Minh Tâm	67	20/05/1987		Cử nhân tài chính ngân hàng	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	5
	68	Đoàn Trọng Khang	68	19/12/1990		Cử nhân hệ thống, th/tin K/tế	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	5
	69	Lê Thị Khánh An	69		23/10/1990	Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	4
	70	Đậu Đức Mai	61	10/10/1959		Thuyền trưởng hạng 2	Thuyền trưởng tàu sông	Nhân viên giao nhận	13	3
	71	Nguyễn Ngọc Thái	62	02/07/1962		Thuyền trưởng hạng 1	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	9	
	72	Trần Tiến Triển	79	19/08/1976		Đại học Anh văn	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	10	5
	73	Trần Công Anh Thương	80	09/08/1982		Cử nhân Anh văn	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	11	
	74	Phạm Hồng Nhung	81		02/02/1986	Cử nhân TM dịch vụ	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	8	3

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	75	Bùi Q.Thanh Thường Trụ	82	08/12/1976		Cử nhân ngoại ngữ	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	9	1
	76	Hùynh Văn Mười	83	10/01/1966		Trung cấp nông sản thực phẩm	Nhân viên tiếp thị	Nhân viên tiếp thị	27	10
	77	Ngô Toàn Trung	84	19/01/1992		Cử nhân kinh doanh quốc tế	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	2	4
	78	Võ Thị Mỹ Trân	85		01/01/1983	Thạc sĩ Quản trị KD	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	5	2
	79	Hồ Thị Mỹ Hạnh	86		23/10/1990	Cử nhân thương mại	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	2	11
	80	Nguyễn Huy Anh	87	13/08/1988		Cử nhân QTKD	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	2	
	81	Hùynh Văn Khánh	88	1985		Cử nhân kinh doanh - du lịch	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu	5	11
	82	Trần Thanh Duy	89	24/05/1978		Cử nhân công nghệ hóa học	Nhân viên xuất nhập khẩu	Nhân viên xuất nhập khẩu		6
	83	Lê Hoàng Dũng	71	01/08/1977		Trung cấp xăng dầu	Cửa hàng trưởng CH Phù Đổng	Cửa hàng trưởng CH Phù Đổng	7	3
	84	Nguyễn Tấn Quy	72	25/06/1981		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	12	10
	85	Nguyễn Ngọc Trân	73	24/12/1993		Cao đẳng tài chính ngân hàng	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	1	
	86	Nguyễn Minh Tân	74	26/06/1989		Bồi dưỡng bảo vệ môi trường	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	4	6
	87	Lê Thu Thảo	75		02/09/1995	Cao đẳng kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán		4
	88	Châu Bảo Tuyến	76			Bồi dưỡng nghề hàn điện	Bồi dưỡng nghề hàn điện	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	1	2
	89	Đỗ Đức Thu	100	1973		Thạc sĩ kinh tế học	Trưởng phòng Kế hoạch - ĐT	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Đầu tư	19	6
	90	Nguyễn Thị Lệ Hằng	101		05/05/1970	Đại học tài chính kế toán	Phó Phòng Kế hoạch - ĐT	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Đầu tư	17	8
	91	Nguyễn Khánh Hòa	90	05/08/1968		Kỹ sư cơ khí	Trưởng Phòng Kỹ thuật	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Đầu tư	15	10
	92	Nguyễn Tấn Thành	91	07/11/1978		Kỹ sư xây dựng	Phó Phòng kỹ thuật	Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Đầu tư	12	6
	93	Phạm Văn Thắng	92	12/01/1978		Cử nhân QTKD	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	17	10
	94	Huỳnh Mộng Kiều	93		11/07/1977	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	18	9

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	95	Trần Kiến Tâm	94	20/11/1979		Kỹ sư kỹ thuật C/nghiệp	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	12	
	96	Nguyễn Hải Bằng	95	18/07/1982		Kỷ sư xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	10	5
	97	Lê Tấn Phú	96	10/03/1974		Kỷ sư xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	12	11
	98	Nguyễn Anh Tâm	97	01/09/1986		Thạc sĩ quản lý môi trường	Nhân viên kỹ thuật môi trường	Nhân viên kỹ thuật môi trường	5	3
	99	Nguyễn Hữu Nhơn	98	01/11/1988		Kỹ sư công nghệ ô tô	Nhân viên kỹ thuật cơ khí	Nhân viên kỹ thuật cơ khí	3	10
	100	Nguyễn Thông Thuận	99	03/09/1989		Kỹ sư xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	Nhân viên kỹ thuật xây dựng	3	5
	101	Trần Minh Huấn	102	09/04/1983		Cử nhân QTKD	Nhân viên phát triển dự án	Nhân viên phát triển dự án	8	3
	102	Nguyễn Thị Bông	103		01/01/1984	Cử nhân kế toán	Nhân viên tổng hợp	Nhân viên tổng hợp	10	5
	103	Trần Vĩnh Lộc	104	25/07/1967		Kỷ sư xây dựng	Nhân viên phát triển dự án	Nhân viên phát triển dự án	16	10
	104	Nguyễn Thị Thu Thủy	105		08/03/1969	Cử nhân kinh tế	Nhân viên kế hoạch đầu tư tài chính	Nhân viên kế hoạch đầu tư tài chính	21	
	105	Lại Quốc Thịnh	106	02/01/1987		Kỹ sư công nghệ khoan dầu khí	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	3	5
	106	Lâm Thạch Thảo	107		13/06/1989	Kỹ sư hóa dầu	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	3	5
	107	Lâm Ngọc Trâm	108		06/10/1992	Cao đẳng hóa dầu	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	Nhân viên kỹ thuật hóa dầu	2	11
	108	Bùi Thanh Tuấn	109	15/09/1987		Cử nhân khoa học địa lý	Nhân viên phát triển dự án	Nhân viên phát triển dự án		10
	109	Lê Thanh Bình	174	1978		Kỹ sư công nghệ hoá	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên Phòng Thí nghiệm xăng dầu	15	7
	110	Nguyễn Công Danh	219	03/08/1988		Kỷ sư công nghệ hóa dầu	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên "	3	5
	111	Phan Anh Tú	195	17/08/1972		Kỷ sư hoá	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên "	14	8
	112	Nguyễn Minh Phắng	220	10/10/1990		Kỹ sư hóa dầu	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên "	3	2
	113	Nguyễn Thành Công	225	28/01/1993		Cao đẳng hóa dầu	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên "	2	
	114	Nguyễn Chí Công	151	14/03/1990		Cao đẳng hóa dầu	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên "	2	

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	115	Nguyễn Văn Thấm	110	25/02/1958		Trung cấp kế toán	Giám đốc Khu Du Lịch Ba Láng	Lãnh đạo Khu Du Lịch Ba Láng	17	10
	116	Võ Văn Năm	111	21/07/1960			Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	13	10
	117	Mai Ngọc Tiến	112	03/08/1975		Đại học tài chính kế toán	Giám đốc CN TPHCM	Lãnh đạo Chi nhánh TPHCM	16	8
	118	Mai Tuấn Đạt	113	24/07/1966		Cao đẳng QTKD	Phó Giám đốc CN TPHCM	Lãnh đạo Chi nhánh TPHCM	24	6
	119	Nguyễn Hữu Trị	114	08/06/1983		Cao đẳng kế toán	Kế toán trưởng chi nhánh	Kế toán trưởng Chi nhánh	9	3
	120	Hồ Thị Kim Trinh	115		25/02/1976	Trung cấp KD xuất nhập khẩu	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	13	9
	121	Trần Thị Bích Loan	116		25/09/1978	Cử nhân k/tế Nông Lâm	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	11	7
	122	Nguyễn Tấn Thành	117	25/05/1987		Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	6	5
	123	Trần Nữ Ngọc Thụy	118		24/09/1982	Cử nhân C/nghệ thông tin	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	6	9
	124	Đặng Trương Thanh Hiền	119	24/10/1987		Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	7	
	125	Phạm Võ Trâm Anh	120		07/07/1993	Cao đẳng KD thương mại	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh	3	4
	126	Nguyễn Hữu Cần	121	11/07/1982		Lái xe hạng E	Nhân viên lái xe	Nhân viên lái xe	9	1
	127	Nguyễn Thành Tựu	122	14/02/1992		Cử nhân QTKD	Nhân viên kinh doanh	Nhân viên kinh doanh		8
	128	Võ Thành Văn	123	10/10/1965		Đại học thương nghiệp	Trưởng trạm cấp phát Đồng Nai	Lãnh đạo Kho XD Long Bình Tân	21	3
	129	Võ Bá Hải	124	28/12/1975		Cử nhân kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	16	10
	130	Trần Thanh Phong	125	1977		Trung cấp kế toán tin học	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	8	
	131	Phạm Văn Minh	126	15/08/1981		Cao đẳng kế tóan	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	14	11
	132	Lê Cảnh Trí	127	28/11/1963		Trung cấp kế hoạch	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	13	4
	133	Lê Đình Quế	128	01/09/1968		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	20	5
	134	Lê Hải Sơn	129	20/03/1989		Kỹ sư công nghệ	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ		8

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	135	Nguyễn Phước Hiền	130	28/02/1970			Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ		3
	136	Trần Trí Viễn	131	05/03/1968		Trung cấp xăng dầu	Thủ kho kho dầu nhờn	Thủ kho phụ	16	
	137	Nguyễn Anh	132	22/02/1972		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Giám đốc Kho Tân Phú Thạnh	Lãnh đạo Tổng kho XD Tân Phú Thạnh	21	8
	138	Phạm Trung Đức	133	25/08/1965		Trung cấp xăng dầu	Phó GĐ Kho Tân Phú Thạnh	Lãnh đạo Tổng kho XD Tân Phú Thạnh	19	
	139	Nguyễn Thái Học	134	01/02/1990		Trung cấp kế tóan	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	5	8
	140	Hùynh Thu Hiền	135		28/08/1978	Bồi dưỡng về ng/vụ thuế	Nhân viên văn phòng	Nhân viên kế toán	19	
	141	Võ Ngọc Phương	136	08/07/1978		Bồi dưỡng xăng dầu	Tổ trưởng tổ giám sát	Tổ trưởng tổ giám sát	15	4
	142	Hùynh Tấn Tài	140	03/02/1972		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	17	
	143	Nguyễn Hoài Hận	141	06/08/1978		Kỷ sư điện	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	15	10
	144	Nguyễn Văn Bé Bảy	138	1967		Trung cấp xăng dầu	Tổ trưởng tổ giao nhận	Tổ trưởng tổ giao nhận	17	
	145	Đoàn Tấn Lực	137	10/08/1972		Cửnhân kinh tế - QTKD	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	17	
	146	Trần Khánh Dân	149	10/10/1982		Kỷ sư điện Công nghiệp	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	10	2
	147	Phan Văn Quân	139	03/08/1965		Kỹ sư hoá thực phẩm	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	11	3
	148	Trần Văn Sô	150	1983		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	12	
	149	Mạch Chí Công	148	03/05/1978		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	15	5
	150	Phạm Văn Nhất	254	24/03/1979		Sơ cấp kỹ thuật xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	19	
	151	Hà Nhựt Tân	146	13/06/1986		Cao đẳng hoá dầu	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên hóa nghiệm	8	7
	152	Nguyễn Văn Triều	144	1959		Bồi dưỡng xăng dầu	Tổ trưởng tổ bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	13	9
	153	Hùynh Thế Phú	142	30/05/1959		Thuyền trưởng hạng 1	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	19	11
	154	Nguyễn Hoài Thanh	145	29/05/1986		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	9	8

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	155	Nguyễn Đức Thanh	147	15/03/1982		Trung cấp địa chính	Thủ kho	Thủ kho	11	
	156	Nguyễn Văn Hậu	152	18/02/1987		Kỹ sư cơ điện	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	3	5
	157	Nguyễn Phúc Thịnh	143	01/06/1964		Máy trưởng hạng 1	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	22	7
	158	Đoàn Minh Thắng	153	10/12/1971		Kỹ sư điện, điện tử	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	17	6
	159	Thái Văn Liêm	154	06/10/1969		Cử nhân QTKD	Giám đốc Kho Trần Quốc Toản	Lãnh đạo Tổng XD Kho Trần Quốc Toản	25	7
	160	Hồ Phú Danh	155	12/11/1965		Cử nhân kinh tế	Phó GĐ Kho Trần Quốc Toản	Lãnh đạo Tổng kho XD Trần Quốc Toản	26	6
	161	Lê Phước Nhiệm	156	1965		Đại học PCCC	Phó GĐ Kho Trần Quốc Toản	Lãnh đạo Tổng kho XD Trần Quốc Toản	32	1
	162	Nguyễn Văn Tuấn	157	10/09/1960		Cử nhân QTKD	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	17	6
	163	Phan Thị Lệ Thủy	158	10/12/1964			Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	25	10
	164	Trần Nguyễn Mai Thanh Xuân	159	16/12/1990		Cử nhân QTKD	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	3	5
	165	Nguyễn Văn Du	164	12/07/1968		Trung cấp xăng dầu	Thủ kho Kho dầu nhờn	Thủ kho Kho dầu nhờn	19	9
	166	Nguyễn Văn Lâm	165	1970		Trung cấp xăng dầu	Thủ kho kho xăng dầu	Thủ kho kho xăng dầu	12	11
	167	Trương Văn Long	163	27/09/1958		Sơ cấp xăng dầu	Thủ kho kho xăng dầu	Thủ kho kho xăng dầu	22	6
	168	Nguyễn Minh Mẫn	167	02/01/1961		Trung cấp xăng dầu	Tổ trưởng tổ giao nhận	Tổ trưởng tổ giao nhận	16	1
	169	Trang Sĩ Phúc	168	12/04/1981		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	15	9
	170	Lê Phước Việt	173	10/11/1984		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	11	
	171	Phan Văn Mười	176	1981		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	12	2
	172	Nguyễn Văn Phú	169	20/04/1979		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	13	11
	173	Lương Văn Trí	181	01/10/1988		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	9	
	174	Trần Sĩ Hạnh	160	02/12/1970		Cử nhân QTKD	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	22	8

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	175	Nguyễn Văn Tâm	171	1982		Trung cấp điện Công nghiệp	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	13	8
	176	Trần Minh Kiệt	166	06/08/1978		Đại học điện, điện tử	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	15	7
	177	Cao Hữu Luân	172	08/01/1977		Cử nhân QTKD	Nhân viên PCCC	Nhân viên PCCC	23	5
	178	Nguyễn Văn Tửng	161	15/10/1976		Trung cấp xăng dầu	Tổ trưởng tổ giám sát	Tổ trưởng tổ giám sát	21	3
	179	Đặng Văn Kỳ	175	25/12/1962		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	10	6
	180	Nguyễn Ngọc Thi	184	1975		Đại học luật	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	15	9
	181	Phan Văn Tòng	162	24/04/1963		Cử nhân Luật	Đội trưởng đội bảo vệ	Đội trưởng đội bảo vệ	23	6
	182	Nguyễn Văn Minh	180	15/04/1957		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	7	8
	183	Trần Văn Hiếu	177	05/07/1966		Sơ cấp xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	11	3
	184	Tống Duy Hoà	178	02/06/1962		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	13	
	185	Bùi Minh Tiền	179	03/06/1970		Lái xe xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	14	6
	186	Trần Quốc Việt	185	30/08/1974		Cử nhân Anh văn	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	18	2
	187	Nguyễn Xuân Kỳ	182	20/03/1973		Thuyền trưởng hạng 3	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	17	5
	188	Nguyễn Lê Anh Tuấn	183	20/10/1992		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	3	9
	189	Nguyễn Thị Loan	170		20/08/1964		Nhân viên phục vụ	Nhân viên phục vụ	14	
	190	Võ Anh Dũng		20/07/1966		Trung cấp kế hoạch, xăng dầu	Giám đốc Kho Phước Khánh	Lãnh đạo Tổng kho XD Phước Khánh	26	
	191	Nguyễn Văn Út		02/09/1957		Trung cấp xăng dầu	Phó GĐ Kho Phước Khánh	Lãnh đạo Tổng kho XD Phước Khánh	32	4
	192	Phan Hoàng Vũ		15/11/1966		Cử nhân khoa học	Phó GĐ Kho Phước Khánh	Lãnh đạo Tổng kho XD Phước Khánh	15	1
	193	Huỳnh Thế Bảo		17/02/1989		Cử nhân Tài chính tín dụng	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	4	4
	194	Nguyễn Nghĩa Tuấn		20/10/1989		Cử nhân Kinh tế ngoại thương	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	4	5

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	195	Lê Minh Tân		10/03/1975		Cử nhân QTKD	Cán bộ cầu cảng	Cán bộ cầu cảng	11	2
	196	Phan Văn Phương		1975		Cao đẳng kế tóan	Cán bộ PCCC	Cán bộ PCCC	22	5
	197	Lê Văn Bé Sáu		04/04/1964		Cao đẳng QTKD	Tổ trưởng tổ giám sát	Tổ trưởng tổ giám sát	15	11
	198	Nguyễn Hải Hoà		08/02/1982		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	12	9
	199	Âu Văn Hòa		28/12/1968		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	20	5
	200	Thái Văn Tùng		27/05/1974		Kỹ thuật xăng dầu bậc 3/6	Nhân viên giám sát	Nhân viên giám sát	21	8
	201	Lê Văn An		15/12/1959		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	15	7
	202	Lương Hữu Hiếu		1977		Cửnhân kinh tế đối ngoại	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	12	9
	203	Võ Văn Sùng		06/06/1973			Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	13	6
	204	Trần Văn Nam		01/01/1977		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	5	4
	205	Nguyễn Duy Linh		21/06/1988		Cao đẳng tin học	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	3	9
	206	Cao Sỹ Kiên		05/09/1991			Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ		8
	207	Phạm Hữu An		1966		Máy tàu bậc 3/7	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	24	10
	208	Lương Văn Nguyên		19/05/1983		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	8	8
	209	Lê Thanh Tâm		21/07/1975		Cao đẳng Tin học	Tổ trưởng tổ giao nhận	Tổ trưởng tổ giao nhận	11	10
	210	Nguyễn Thanh Liêm		17/10/1987		ĐH Công nghệ thực phẩm	Tổ phó tổ giao nhận	Tổ phó tổ giao nhận	6	4
	211	Phạm Ngọc Quan		24/04/1984		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	11	10
	212	Huỳnh Văn Phúc		1983		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	11	10
	213	Trần Thanh Phong		07/05/1978		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	10	
	214	Nguyễn Long Hải		26/07/1987		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	10	

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	215	Lê Hồng Phong		29/05/1970		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	13	10
	216	Trần Trung Đoá		22/02/1981		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	14	7
	217	Hồ Hồng Hà		05/10/1978		Lái xe	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	7	
	218	Nguyễn Lê Duy Tiến		28/02/1993		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	2	3
	219	Trần Văn Yên		20/12/1985		Kỹ sư địa chất dầu khí	Nhân viên hóa nghiệm	Nhân viên hóa nghiệm	3	5
	220	Võ Bá Đức		01/04/1983		Cao đẳng xăng dầu	Thủ kho	Thủ kho	12	1
	221	Trần Ngọc Nhị		25/05/1981		Cao đẳng công nghệ hoá học	Thủ kho	Thủ kho	13	9
	222	Nguyễn Hồng Phong		02/01/1980		Trung cấp xăng dầu	Thủ kho	Thủ kho	12	9
	223	Vũ Chí Khơi		04/07/1968		Máy trưởng hạng 1	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	24	8
	224	Nguyễn Thanh Tú		30/04/1979		Kỹ sư cơ khí động lực	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	12	1
	225	Tạ Minh Vương		17/07/1989		Trung cấp điện	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	5	3
	226	Nguyễn Hùng Thịnh		01/10/1968		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	15	11
	227	Lê Thanh Phúc		1972			Nhân viên phục vụ	Nhân viên phục vụ		
	228	Huỳnh Văn Khánh		24/05/1978		Trung cấp xăng dầu	Trưởng trạm xăng dầu	Trưởng trạm xăng dầu	16	8
	229	Đỗ Văn Tài		04/02/1977		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	11	6
	230	Đinh Văn Thanh		03/02/1991		Kỹ sư khai thác thủy sản	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu		7
	231	Trần Văn Chiến		1964		Bồi dưỡng xăng dầu	Trưởng trạm xăng dầu	Trưởng trạm xăng dầu	14	7
	232	Nguyễn Văn Minh		18/03/1981		Cử nhân hành chính	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	6	4
	233	Nguyễn Ngọc Giàu		10/04/1964		Trung cấp xăng dầu	Phó Giám đốc Kho Trường Xuân	Lãnh đạo Kho XD Trường Xuân	23	
	234	Lê Thanh Tuấn		1965		Trung cấp xăng dầu	Phó GĐ Kho Trường Xuân	Lãnh đạo Kho XD Trường Xuân	23	

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	235	Phạm Văn Đồng		08/10/1973		Cử nhân kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	21	8
	236	Hồ Thanh Hoài		29/08/1990		Cao đẳng nghề kế tóan	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán	5	3
	237	Đoàn Văn Nghệ		01/05/1957		Máy trưởng hạng 2	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	Tổ trưởng tổ kỹ thuật	19	9
	238	Phạm Phước Hòa		07/04/1981		Điện lạnh bậc 4/7	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	12	6
	239	Nguyễn Văn Toàn		18/01/1979		Cử nhân QTKD	Thủ kho	Thủ kho	12	7
	240	Nguyễn Minh Lý		12/03/1979		Trung cấp xăng dầu	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	17	
	241	Nguyễn Văn Hào		29/06/1961		Máy trưởng hạng 3	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	19	9
	242	Nguyễn Ngọc Văn Hồng		1961		Thuyền trưởng hạng 2	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	7	10
	243	Phạm Hoàng Nam		1972		Lái xe	Nhân viên giao nhận	Nhân viên giao nhận	8	3
	244	Huỳnh Văn Hoàng		15/05/1966		Bồi dưỡng xăng dầu	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	7	
	245	Trần Thanh Liêm		22/11/1980		Trung cấp KS Du lịch	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	5	5
	246	Nguyễn Văn Tuấn		01/02/1987		Trung cấp kế toán	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ		7
	247	Nguyễn Hồng Phúc		30/05/1972		Trung cấp kế toán	Giám đốc Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Giám đốc Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	14	11
	248	Lữ Thành An		05/05/1991		Cử nhân kế toán	Nhân viên kế toán	Nhân viên kế toán		5
	249	Ngô Thanh Bình		26/01/1977		Bồi dưỡng kỹ thuật xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu	Nhân viên bán lẻ xăng dầu		5
	250	Võ Thanh Phương		01/01/1974			Nhân viên bảo vệ Trang trại Hội Bài	Nhân viên bảo vệ Trang trại Hội Bài	8	6
	251	Hà Phước Phát		28/10/1964		Đại học Anh văn	Cán bộ đại diện phần vốn của Cty	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	31	5
	252	Nguyễn Thanh Toàn		01/02/1971		Đại học tài chính kế toán	Cán bộ đại diện phần vốn của Cty	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	27	
	253	Lê Trung Nguyên Khôi		1975		Cao đẳng sư phạm	Cán bộ đại diện phần vốn của Cty	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	19	5
	254	Trần Văn Hùng		31/12/1969		Cử nhân kinh tế	Cán bộ đại diện phần vốn của Cty	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	26	5

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn/bậc thợ	Chức danh, công việc đang làm	Chức danh, công việc dự kiến sau sắp xếp lại	Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ				Số năm	Số tháng
	255	Phạm Ngọc Hùynh		02/06/1974		Đại học tài chính kế toán	Cán bộ đại diện phần vốn của Cty	Cán bộ cử đại diện phần vốn của Cty	17	5
	256	Lê Thị Thúy			14/10/1963	Đại học Ktế - ngành vật tư	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	30	3
	257	Nguyễn Ngọc Lưu			14/01/1974	Cử nhân kinh tế	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	15	8
	258	Trần Kim Hiền			20/09/1990	Cử nhân kế tóan	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	Cán bộ tham gia BKS tại Cty con	3	5
2. Phải đào đào tạo lại lại để tiếp tục sử dụng		Không có								
3. Chuyển sang làm việc không trọn thời thời gian		Không có								

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Xuân Nữ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

Mẫu số 4

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TRƯỚC NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 DÔI DƯ TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Nhóm	Số TT	Họ và tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày/tháng/năm sinh		Ngày/tháng/năm được tuyển lần cuối vào Công ty	Thời gian làm việc thực tế tại Công ty		Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước (nếu có)		Thời gian đóng bảo hiểm xã hội	
				Nam	Nữ		Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng
(A)	(B)	(C)	(D)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Nghỉ hưu trước tuổi												
2. Đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH												
3. Phải chấm dứt HĐLĐ	1	Võ Thế Hùng	42	1964		01/01/1998	19				19	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Xuân Nữ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

Mẫu số 5

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TỪ NGÀY 21 THÁNG 04 NĂM 1998 VỀ SAU DÔI DƯ TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Stt	Họ tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày, tháng, năm sinh		Ngày, tháng, năm được tuyển lần cuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế tại công ty		Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội	
			Nam	Nữ		Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng	Số năm	Số tháng
(A)	*(B)*	*(C)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Phạm Thanh Quang	38	12/12/1957		01/10/2008	8	3			8	3

Đồng Tháp, ngày 10 tháng 6 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Xuân Nữ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

Mâu sô 8

UBND TỈNH ĐỒNG TH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TRƯỚC NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 PHẢI NGHỈ VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Stt	Họ tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng lần cuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian làm việc tại công ty		Tổng thời gian đã làm việc thực tế		Thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp		Thời gian đã được công ty trả trợ cấp thôi việc		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc và hỗ trợ		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc và hỗ trợ làm tròn (năm)	Tiền lương bình quân 06 tháng cuối trước khi nghỉ việc (đồng)	Trợ cấp mất việc làm (đồng)	Mức hỗ trợ theo tháng lương cơ sở cho mỗi năm làm việc (đồng)	Tổng tiền trợ cấp, hỗ trợ được nhận (đồng)
				Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng					
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = 14*15	(17)	(18) =16+17
1	Võ Thế Hùng	42	01/01/1998			19		19		8				11		11	5.075.000	55.825.000	19.965.000	75.790.000
	Tộng cộng					**19**		**19**		**8**				**11**		**11**		**55.825.000**	**19.965.000**	**75.790.000**

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Xuân Nữ

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 06 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

Mẫu số 9

UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG TUYỂN DỤNG TỪ NGÀY 21 THÁNG 4 NĂM 1998 VỀ SAU PHẢI NGHỈ VIỆC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 01/01/2017

Stt	Họ tên	Số thứ tự ở phụ lục 1	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng lần cuối vào công ty	Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước trước đó (nếu có)		Thời gian làm việc tại công ty		Tổng thời gian đã làm việc thực tế		Thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp		Thời gian đã được công ty trả trợ cấp thôi việc		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc		Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm tròn (năm)	Tiền lương bình quân 06 tháng cuối trước khi nghỉ việc (đồng)	Tổng tiền trợ cấp mất việc làm tròn (đồng)
				Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng			
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) =14*15
1	Phạm Thanh Quang	38	01/10/2008			8	3	8	3	8					3	2 tháng	4.025.000	8.050.000
	Tổng cộng					**8**	**3**	**8**	**3**	**8**					**3**	**2 tháng**		**8.050.000**

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2017

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngô Thị Xuân Nữ

THẨM ĐỊNH CỦA CHỦ SỞ HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Lê Thanh Mân

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Công văn số 039/TMDK-TGV-BCĐCPH ngày 04/07/2017 về việc Phương án sử dụng lao động cổ phần hóa (lần 3).
2. Phương án sử dụng lao động (Mẫu số 10).
3. Danh sách Người lao động thường xuyên tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 1).
4. Danh sách lao động tiếp tục được sử dụng sau khi sắp xếp lại tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 2).
5. Danh sách lao động tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 dôi dư tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 4).
6. Danh sách lao động tuyển dụng từ ngày 21/4/1998 về sau dôi dư tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 5).
7. Chế độ đối với lao động tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 8).
8. Chế độ đối với lao động tuyển dụng từ ngày 21/4/1998 về sau phải nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động tại thời điểm 01/01/2017 (Mẫu số 9).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 7029 Quyển số 02 -SCT/BS

Ngày 01 tháng 8 năm 2018

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG MỸ PHÚ TP. CAO LÃNH T. ĐỒNG THÁP

Trần Xuân Vinh